

**BỘ SÁCH ĐẠO KINH DOANH
VIỆT NAM VÀ THẾ GIỚI**



Lương Văn Can

**XÂY DỰNG
ĐẠO KINH DOANH
CHO NGƯỜI VIỆT**



Nhà xuất bản Trẻ

tve-4U

PACE
TỔ HỢP GIÁO DỤC

Lương Văn Can - Xây Dựng Đạo Kinh Doanh Cho Người Việt
(Bộ Sách Đạo Kinh Doanh Việt Nam Và Thế Giới)

Tác giả: Nguyễn Hồng Dung

Nhà xuất bản: PACE & NXB Trẻ

Khối lượng: 280 gam

Kích thước: 12x20 cm

Ngày phát hành: 05/2007

Số trang: 194

Giá bìa 40.000 đ

Nguồn: <http://tve-4u.org>

Type+Làm ebook: thanhbt

*Cuốn sách này được giới thiệu ở đây nhằm chia sẻ cho những
bạn không có điều kiện mua sách.*

Còn nếu bạn có khả năng hãy mua ủng hộ nha!

Giới thiệu

Bộ Sách Đạo Kinh Doanh Việt Nam Và Thế Giới - Lương Văn Can - Xây Dựng Đạo Kinh Doanh Cho Người Việt thuộc bộ **Đạo kinh doanh**, viết về cuộc đời một nhân vật lỗi lạc trong lịch sử Việt Nam - chí sĩ Lương văn Can. Ông là người thành lập trường Đông Kinh Nghĩa Thục, khởi xướng cho phong trào yêu nước ở Việt Nam những năm đầu thế kỷ 20, ông cũng là người cổ vũ cho nền thương nghiệp nước nhà, thể hiện niềm tin và nghị lực mạnh mẽ để góp phần làm thay đổi xã hội theo chiều hướng tích cực.

Tám mươi năm trước, một nhân sĩ người Việt đã nói câu chuyện “Thế giới đi lại như một nhà” với đông đảo người dân, đề cao việc mở rộng buôn bán trong và ngoài nước, cổ vũ việc học tập và rèn luyện các kỹ năng kinh doanh để bằng với thiên hạ trên thế giới... Đó là Lương Văn Can, một nhà yêu nước, một trí thức lớn, một nhà doanh nghiệp và là tác giả bộ sách dạy kinh doanh đầu tiên của Việt Nam “Thương học phương châm”. Sau gần 100 năm, hậu thế lần giờ những trang ghi chép tâm huyết trong cuộc đời và sự nghiệp của ông, mới thấy, cách đây rất lâu, người Việt đã tìm đường kinh thương và viết nên những trang đầu tiên của “đạo kinh doanh” - mà cho tới bây giờ, có thể những doanh nhân của thời hiện đại còn phải cố lắm mới ngộ ra và theo kịp bước khởi đầu...

Kiểm tiền hay phụng sự xã hội?

Bộ sách mà bạn đọc đang cầm trên tay là kết quả của dự án nghiên cứu mang tên “*Đi tìm Đạo Kinh doanh của Việt Nam và Thế giới*” do Tổ Hợp Giáo Dục PACE thực hiện trong suốt 14 tháng vừa qua.

Chúng tôi đặt tên cho bộ sách này là “Đạo Kinh doanh Việt Nam và Thế giới” với mong muốn được chia sẻ cùng bạn đọc, đặc biệt là bạn đọc doanh nhân và bạn đọc quan tâm đến kinh doanh, những kiến giải về hàng loạt các câu hỏi như: “*Kinh doanh là gì?*”, “*Doanh nhân là ai?*”, “*Đâu là “đạo” của nghề kinh doanh?*” và “*Tại sao kinh doanh là một nghề cao quý và xứng đáng được xã hội tôn vinh?*”...

Từ câu chuyện của những huyền thoại doanh nhân thế giới

Đội ngũ chuyên gia của PACE cùng các cộng sự đã nghiên cứu cuộc đời và sự nghiệp của 25 doanh nhân huyền thoại, đến từ 25 tập đoàn kinh doanh dẫn đầu trong những bảng xếp hạng doanh nghiệp trên toàn thế giới, nhằm tìm kiếm “cái đạo”, cái triết lý cốt lõi trong kinh doanh của họ. Mục đích là để lý giải xem vì sao họ là những người *kiếm tiền nhanh nhất, kiếm tiền nhiều nhất và kiếm tiền bền vững nhất thế giới, đồng thời họ lại được xã hội đặc biệt kính trọng?*

Phân tích từng chặng đường, từng mốc sự nghiệp, từng bước thăng trầm... của những huyền thoại doanh nhân này, chúng tôi đã đúc kết được những nét chung nhất, nói chính xác hơn, là những yếu tố khiến họ trở nên vĩ đại, trở thành những doanh nhân huyền thoại.

Đó là sự khao khát, là niềm đam mê một cách mãnh liệt để sáng tạo, để đem đến thật nhiều giá trị mới cho cuộc sống và cho xã hội. Họ đã thực hiện được điều đó bằng việc cống hiến cả cuộc đời mình lẫn việc truyền đạt, dẫn đường cho hậu thế. Vì vậy mà ngày nay chúng ta đã có hàng loạt những câu chuyện về họ:

Đó là câu chuyện ông chủ hãng ô tô Ford đã “*đặt cả thế giới lên bốn bánh xe*”, làm cho trái đất “quay” nhanh hơn khi trao cho đông đảo mọi người trong xã hội cơ hội sở hữu chiếc xe ô tô - vốn trước đó chỉ dành riêng cho giới thượng lưu và những người giàu có. Chỉ một quyết định giải quyết “*nhu cầu lưu chuyển*” cho xã hội, Henry Ford đã làm thay đổi cuộc sống của tất cả chúng ta.

Đó là câu chuyện chàng trai Larry Page tin tưởng tuyệt đối vào sứ mệnh “*tổ chức lại hệ thống thông tin thế giới*” của mình, kiên trì cùng Google theo đuổi giấc mơ một ngày nào đó, Google sẽ là người dẫn đường cho mọi người tham gia vào thế giới minh mông của tri thức, thông tin trực tuyến.

Đó là câu chuyện chàng thanh niên Akio Morita bằng mọi giá phải đáp ứng nguyện vọng được nghe đài phát thanh để cập nhật thông tin cuộc sống của một nước Nhật hoang tàn sau chiến tranh, đến khát vọng “*kiến tạo một nền giải trí tương lai*” cho cả thế giới mà Sony đang sống và sáng tạo mỗi ngày.

Đó là câu chuyện Jorma Ollila, bằng chiếc điện thoại Nokia cùng những giá trị được tạo ra trong nó, ông không những góp phần định dạng lại đất nước Phần Lan trên bản đồ toàn cầu mà còn kết nối cả thế giới này và *làm cho mỗi chúng ta trở nên “gần nhau” hơn.*

Đó là câu chuyện khi nhắc đến máy tính IBM, có lẽ chúng ta sẽ không thể không nghĩ đến hình ảnh chữ “*Think*” và người khai sinh ra nó, Thomas Watson Sr. IBM trở thành “*gã khổng lồ của thế giới*” trong suốt gần 100 năm qua cũng chính là nhờ chữ “*Think*” đó, mà theo Thomas Watson Sr. thì nó nghĩa là: “*Mọi rắc rối đều có thể giải quyết nếu người ta chịu khó suy nghĩ*”. Suy nghĩ để phục vụ con người chính là bí quyết thành công của các thế hệ IBM...

Đến những câu chuyện mà chúng tôi vẫn thường kể

Lời đầu của bộ sách, chúng tôi muốn kể lại với quý vị một vài câu chuyện mà PACE luôn tự hào khi tìm thấy nó trong hành trình “*Khát Vọng Doanh Trí*” của mình trong suốt những năm vừa qua:

Bà chủ một tiệm tạp hóa suốt ngày không vui vì buôn bán ế ẩm. Nhưng sau những ngày tháng nhìn vào “mắt” khách hàng, bà chợt

nghĩ: “sao tôi không là người giải quyết vấn đề nhu yếu phẩm cho cả xóm?”. Và mọi chuyện thay đổi. Từ đó, nhiều gia đình chưa khá giả trong khu phố có thể mua một, hai gói mì tôm (mà không cần phải mua cả thùng mì), một tép bột ngọt (mà không cần phải mua cả gói bột ngọt). Bà có thể mở cửa lúc mờ sáng hay nửa đêm, khi chẳng còn nơi nào bán hàng nữa để đáp ứng nhu cầu “hết chanh đột xuất” hoặc “nhà không còn nước mắm”. Hay hơn nữa, mọi người chỉ “xẹt” một hai bước chân là có ngay những vật phẩm cần thiết nhất cho gia đình. Lại thêm chuyện giá cả của bà so với chợ và siêu thị cũng chẳng chênh lệch là bao. Ai cũng đoán ra kết quả: cửa tiệm suốt ngày người ra kẻ vào, bà thì bán hàng luôn tay và cười nói luôn miệng. Không chỉ tiền lãi thu được tăng cao, mà bà còn có “lợi nhuận” lớn nhất là sự quý mến của mọi người dành cho một người biết kinh doanh như bà.

Câu chuyện thứ hai về một cơ sở sản xuất tủ sắt. Người ta thường mua tủ của cơ sở này về để đựng hồ sơ. Một cơ sở bé xíu rất đối bình thường thì liệu có mang trong người “sứ mệnh xã hội”? Trong một thời gian dài, cơ sở hoạt động cầm chừng, cho đến một ngày ông chủ của nó thay đổi cách nghĩ: tôi không “bán tủ sắt” nữa, mà sẽ “bán giải pháp lưu trữ hồ sơ văn phòng”. Từ đó, ông và đồng sự tiến hành nghiên cứu để tạo ra những cái tủ sao cho có thể chống được mối, mọt, chống thấm, ngăn tủ này thì có khóa kiên cố để đựng hồ sơ quan trọng, ngăn tủ khác thì không cần khóa để dễ kéo ra kéo vào... Ông cũng chịu khó đi đến các văn phòng để nghiên cứu màu sơn, thay đổi kích cỡ, kiểu dáng... Thế là sản phẩm của ông còn thêm tính năng làm đẹp cho cả văn phòng của các công ty. Chỉ sau một thời gian ngắn, cơ sở của ông đã lột xác và phát triển rất nhanh.

Như vậy, doanh nghiệp lớn hay nhỏ tùy thuộc vào vấn đề xã hội mà họ giải quyết được. Bà chủ tạp hóa của khu phố nọ cùng Sam Walton (ông chủ tập đoàn bán lẻ lớn nhất thế giới Wal-Mart) đều giải quyết vấn đề mua sắm của xã hội thông qua việc mở cửa hàng bán lẻ. Họ chỉ khác nhau về phạm vi: xã hội của bà chủ tiệm tạp hóa là một khu phố, còn xã hội của Sam mang tầm cỡ thế giới.

Điều xã hội quan tâm không phải là doanh nghiệp đó kiếm được bao nhiêu mà là họ đã mang lại gì cho cộng đồng. Chẳng hạn, trong

khi tỉ phú Nhật, Toyota (“cha đẻ” của Toyota), với tinh thần ái quốc được người Nhật xem như anh hùng dân tộc thì tỉ phú Nga, Khodorkovsky (ông chủ của Yukos), ông ta là ai trong mắt dân Nga thì chỉ người Nga mới thấu rõ. Sự khác nhau này có lẽ do cách thức kiếm tiền của họ.

Nghề kinh doanh, xưa nay vẫn thường bị hiểu chỉ như là nghề “kiếm tiền”. Nhưng thực chất, không hề có nghề kiếm tiền, bởi nghề nào thì cũng kiếm tiền cả. Chẳng hạn, luật sư kiếm tiền bằng việc hành nghề luật, bác sĩ kiếm tiền bằng cách chữa bệnh cứu người... Và doanh nhân, người hành nghề kinh doanh, cũng kiếm tiền bằng cách lãnh đạo một doanh nghiệp và thông qua doanh nghiệp đó để giải quyết vấn đề hay đáp ứng nhu cầu nào đó của xã hội. Nhưng điều khác biệt của nghề kinh doanh là trong quá trình hành nghề của mình doanh nhân không hành động một cách đơn lẻ mà biết kiến tạo ra các chuỗi giá trị. Cụ thể hơn, họ nắm lấy một doanh nghiệp và tập hợp bên mình nhiều thành viên để cùng cộng hưởng lại nhằm hình thành một sức mạnh tổng lực, từ đó tạo ra nhiều giá trị hơn cho xã hội. Đó cũng chính là lý do mà nghề kinh doanh thường kiếm được nhiều tiền hơn so với những nghề khác và vẫn được cộng đồng xã hội ủng hộ.

Nghiên cứu 25 huyền thoại doanh nhân thế giới cho thấy, dù có quá nhiều sự khác biệt nhưng họ đều có chung một tư tưởng chủ đạo: “Kinh doanh là phụng sự xã hội”. Hay nói một cách đầy đủ hơn, “Kinh doanh là kiếm tiền bằng cách phụng sự xã hội, bằng cách dùng sản phẩm hay dịch vụ như là phương tiện để giải quyết những vấn đề của xã hội và làm cho cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn”.

Cái “đạo” kinh doanh này đã được họ quán triệt ngay từ buổi đầu khởi nghiệp đầy gian khó cho tới lúc thành công. Và sự thật này cũng chính là lý do giúp họ kiếm tiền nhanh nhất, nhiều nhất, bền nhất, còn bản thân họ thì được xã hội tôn vinh, nể trọng, và rồi họ đi vào lịch sử kinh doanh thế giới như những huyền thoại, doanh nghiệp của họ cũng vĩ đại và trường tồn.

Như vậy, với một tâm thế luôn hướng về cộng đồng, luôn khát khao làm cho xã hội quanh mình (có thể nhỏ gọn trong một ngôi làng hoặc rộng lớn bằng cả một hệ mặt trời) tốt đẹp hơn, chính họ, những

doanh nhân (dù lớn hay nhỏ, dù “Tây” hay “Ta”, dù “cổ” hay “kim”) luôn được xã hội tôn vinh không phải vì số của cải khổng lồ họ kiếm được, mà vì những đóng góp vô giá của họ vào sự đổi thay của thế giới này.

Rồi quá trình định hình của “văn hóa doanh nhân Việt Nam”

Song song với những doanh nhân lẫy lừng của thế giới, điều khác biệt ở bộ sách này là chúng tôi đã khởi sự hành trình tìm kiếm những “huyền thoại doanh nhân Việt Nam” để, như một cố gắng, “định vị” xem ông cha ta ngày xưa đã khởi sự kinh doanh như thế nào. Và thật bất ngờ, trong lịch sử Việt Nam đã từng có những Lương Văn Can, Bạch Thái Bưởi, Nguyễn Sơn Hà, Trịnh Văn Bô... với những tư tưởng kinh doanh có thể gây ngạc nhiên cho đến tận bây giờ.

Gần 100 năm trước, một nhà yêu nước, một trí thức lớn và cũng là nhà kinh doanh Lương Văn Can đã khẳng định trên tờ *Thực nghiệp Dân báo*:

“Đương buổi thế giới cạnh tranh này, các nước phú cường không đâu là chẳng đua tài thi sức ở trong trường thương chiến, văn minh càng tiến bộ buôn bán càng thịnh đạt, buôn bán thịnh thời trong nước giàu mạnh không biết đến đâu là cùng, buôn bán suy thời trong nước nghèo yếu không biết đâu mà kể, cứ xem cái trình độ buôn bán một nước nào cao hay thấp, rộng hay hẹp thời xét được dân nước ấy giàu hay nghèo, văn hay dã. Việc buôn bán thịnh suy có quan-hệ đến quốc-dân thịnh suy như thế, ta há nên coi thường, xem khinh được sao”.

Khi đặt bút viết những dòng đầu tiên của *Thương học phương châm*, cuốn sách giáo khoa đầu tiên của thương giới Việt Nam, cụ Lương Văn Can đã chia sẻ:

“Bây giờ phong khí mở rộng, hoàn cầu đi lại như một nhà, đường bộ thì có hỏa xa, đường thủy thì có hỏa thuyền, không trung thì có tàu bay, lại thêm điện báo để thông thư tín, điện thoại để thông âm ngữ, tin tức đã mau, vận tải rất tiện, người mà thông buôn bán thì làm giàu rất tiện...”.

Cụ Lương Văn Can còn chỉ ra những điểm hạn chế chính của những người làm kinh doanh Việt Nam thời bấy giờ: *Không có*

thương phẩm, không có thương đạo, không có thương học, không biết giao thiệp, không biết trọng nghề, không có kiên tâm, không có tín thực...

Gần 100 năm sau, Người Việt gia nhập kỷ nguyên toàn cầu hóa, ngẫm lại, thấy thất lòng vì những điều người xưa nói vẫn còn nguyên giá trị. Và dấu hiện nay chúng ta đang cùng chung sống, làm ăn trong bối cảnh toàn cầu hóa thì doanh trí Việt Nam vẫn đang có một khoảng cách quá xa so với doanh trí thế giới, cả về tư duy và tầm nhìn, cả về cái tâm và cái đạo.

Tuy nhiên, cũng trong việc lần giở những trang sử mà ông cha để lại, chúng ta bỗng vui mừng nhận ra những cột mốc quan trọng trên hành trình xây dựng đạo kinh doanh, định hình một nét văn hóa kinh doanh rất riêng của người Việt.

Đầu tiên phải kể đến dấu ấn của thời điểm Hồ Chủ Tịch gửi thư cho các giới công thương Việt Nam, vào ngày 13 tháng 10 năm 1945. Bức thư có đoạn viết: *“Việc nước và việc nhà bao giờ cũng đi đôi với nhau. Nền kinh tế quốc dân thịnh vượng là các sự kinh doanh của các nhà công nghiệp, thương nghiệp thịnh vượng. Vậy tôi mong giới Công Thương nỗ lực và khuyến các nhà công nghiệp và thương nghiệp mau mau gia nhập “Công Thương cứu quốc đoàn” cùng đem vốn vào làm những công cuộc ích quốc lợi dân”*.

Đó không chỉ là một bức thư động viên để “chấn doanh khí” mà còn là sự khẳng định bản chất cơ bản, đạo lý cốt lõi trong nghề doanh thương của nước nhà, đó là: Giới doanh thương hãy hoạt động sao cho *“ích quốc lợi dân”*, ích nước lợi mình.

Rồi một lần khác, tại hội chợ triển lãm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp 1958, báo Nhân Dân trích đăng lời Hồ Chủ Tịch: *“Những người sản xuất phải cố gắng sản xuất nhanh, nhiều, tốt và rẻ. Hàng làm ra nhanh và nhiều nhưng không tốt và rẻ thì không ai mua. Đồng bào ta nòng nân yêu nước nên rất muốn dùng hàng của ta sản xuất, nhưng trước nhất người sản xuất phải làm hàng tốt và rẻ. Người sản xuất phải thực thà sản xuất hàng tốt cho đồng bào dùng, không nên làm hàng trưng bày thì tốt mà hàng bán thì xấu. Giá cả phải chăng, không lừa dối người mua. Sản xuất phải thiết thực và đúng hướng,*

đảm bảo làm nhiều loại hàng tốt và rẻ cần dùng cho đông đảo nhân dân”.

Và chắc có lẽ bạn đọc cũng chưa quên cái khoảnh khắc mà Luật công ty năm 1990 ra đời với quan điểm người dân chỉ được làm những gì mà *pháp luật cho phép*. Đến đúng 10 năm sau, Luật doanh nghiệp năm 2000 quy định lại: Người dân được làm tất cả những gì mà *pháp luật không cấm*.

Nghề doanh nhân đã bước sang một giai đoạn mới trong lịch sử kinh thương của nước nhà. Và thật sự, chúng ta cũng không thể quên thời khắc Thủ tướng chính phủ ra quyết định chọn ngày 13 tháng 10 hằng năm là “*Ngày doanh nhân Việt Nam*”; và không thể quên những hàng tin chạy dài trên trang nhất tất cả các báo: “Nghị quyết đại hội Đảng lần thứ X: *Đảng viên được làm kinh tế tư nhân*”.

Chúng ta tìm thấy gì trong những mốc son ấy? Đó chính là những bước ngoặt góp phần vào sự định hình mỗi ngày một rõ nét hơn của văn hóa doanh nhân Việt Nam.

Song cũng qua chính những mốc son ấy, chúng ta biết được rằng, “văn hóa doanh nhân Việt Nam” (còn gọi là “văn hóa kinh doanh Việt Nam” hay “Văn hóa của giới doanh nhân Việt Nam”) đang trong quá trình được định hình. Tuy nhiên, để có được một “*văn hóa*” như mong muốn thì trước hết cần phải có “*tư tưởng*”, đồng thời phải xác định được những “*yếu tố hình thành*” văn hóa cho giới doanh nhân của ta.

Và bằng những nghiên cứu của mình trong thời gian qua, chúng tôi nhận thấy rằng, để giải quyết vấn đề “*tư tưởng*” thì ta phải xác định rõ “doanh nhân là ai?” và “kinh doanh là gì?”. Và lời đáp sâu xa của hai câu hỏi này nằm ở cái “*đạo*” của nghề kinh doanh, hay còn gọi là “*đạo kinh doanh*”.

Đọc lại cuộc đời và sự nghiệp của cụ Lương Văn Can, không ít người tự hỏi: Cái “*thương đạo*” (hay gọi là “*đạo kinh doanh*”) mà cụ vẫn hay nhắc đến thực ra là gì?

Phải chăng đó là chữ “*tín*” trong kinh doanh, là truyền thống buôn bán ngay thẳng, thật thà không gian dối mà bản thân cụ là một điển

hình?

Phải chăng đó là cách thức liên kết trong làm ăn mà cụ thường gọi là “thương hội” để cùng nhau tạo nên sức mạnh tổng lực đẩy nền kinh tế quốc gia tiến về phía trước?

Phải chăng đó là cách đối đãi với khách hàng, đồng sự hay nhân công của mình một cách thấu tình đạt lý, tôn trọng, sẻ chia theo cách đôi bên cùng có lợi?

Hay phải chăng, đó là việc cố gắng kiếm được thật nhiều tiền, rồi mang phần lớn số tiền kiếm được đó để cống hiến cho xã hội bằng việc xây trường cho trẻ nghèo, gửi tiền cho kháng chiến, cứu trợ đồng bào gặp thiên tai hay lập quỹ khuyến học, khuyến tài...?

Tất nhiên, tất cả những yếu tố đó là *một phần* của đạo kinh doanh, của truyền thống kinh doanh cao đẹp mà Cụ đã chỉ ra, đã đề cao và kêu gọi mọi người học theo.

Nhưng cái “*lối*” của “thương đạo”, cái “*lối*” của “văn hóa doanh nhân” của giới doanh nhân Việt Nam lại hoàn toàn khác, cao hơn, rộng hơn, sâu hơn và phản ánh đúng bản chất của nghề kinh doanh hơn: “*Kinh doanh*, nghĩa là dùng *sản phẩm hay dịch vụ* của mình như là phương tiện để giải quyết những vấn đề của xã hội và làm cho cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn”.

Còn về các “yếu tố hình thành” văn hóa doanh nhân Việt Nam, hiện nay, theo quan điểm của chúng tôi, bao gồm 08 yếu tố trực tiếp sau:

(1) *Sự ảnh hưởng của văn hóa doanh nhân thế giới (vì đội ngũ doanh nhân Việt Nam đã là một bộ phận của doanh nhân thế giới và cùng “sống chung” với doanh nhân thế giới trong môi trường kinh doanh toàn cầu nhiều thay đổi);*

(2) *Chiều dài lịch sử của nghề kinh doanh, buôn bán của Việt Nam (vì “văn hóa” vốn dĩ ít nhiều có tính “di truyền” và kế thừa, kể cả mặt tích cực lẫn mặt tiêu cực cho bối cảnh hiện nay. Do vậy, ngoài các dự án nghiên cứu, trong tương lai, cũng có thể sẽ có sự xuất hiện của phòng truyền thống, nhà truyền thống hay bảo tàng doanh nhân*

Việt Nam, nhằm góp phần gìn giữ và phát huy những giá trị, những truyền thống kinh doanh cao đẹp mà cha ông chúng ta đã để lại);

(3) Quan điểm của Đảng và Nhà Nước Việt Nam về doanh nhân và kinh doanh (vì quan điểm của lãnh đạo quốc gia đối với một giới nào đó trong xã hội đều có ảnh hưởng lớn đến văn hóa của giới này trong xã hội hay trong quốc gia đó);

(4) Sự chi phối của văn hóa dân tộc Việt Nam (vì doanh nhân Việt Nam cũng là một nhóm công dân Việt Nam và cũng là một bộ phận trong cộng đồng Việt Nam);

(5) Hoạt động thực chất của các hiệp hội, các hội, các câu lạc bộ doanh nhân, doanh nghiệp (vì trong các nhiệm vụ của mỗi tổ chức doanh nhân sẽ có một nhiệm vụ đối ngoại quan trọng đó là góp phần xây dựng uy tín và hình ảnh của giới doanh nhân trong cộng đồng xã hội);

(6) Vai trò của các tổ chức giáo dục và đào tạo kinh doanh trên cả nước (vì bất kỳ nghề nào cũng phải học “đạo” trước khi học nghề);

(7) Vai trò của các cơ quan chính quyền, các tổ chức phi chính phủ có liên quan tới hoạt động của doanh nhân và doanh nghiệp (như VCCI, ITPC, cơ quan cấp phép, cơ quan thuế...);

(8) Cách nhìn của giới văn sĩ, điện ảnh, truyền thông đại chúng... đối với giới doanh nhân.

Ở Việt Nam, liệu có thể khẳng định kinh doanh là nghề cao quý?

Lần giở lại những trang sử của nước nhà để tìm kiếm những tư liệu, thông tin về nghề kinh doanh Việt Nam là một hành trình đầy thử thách.

Một thời gian quá dài, tư tưởng “dĩ nông vi bản” bao trùm cả xã hội đã đẩy nghề buôn bán trở thành một thứ “mạt nghệ”, những người kinh doanh ngày xưa bị định danh chỉ là một “phường con buôn”.

Một thời gian quá lâu, tập sách “Thương học phương châm” của cụ Lương Văn Can - tài liệu được xem là sách giáo khoa về kinh doanh đầu tiên của Việt Nam đã bị cố tình quên lãng, vô tình bị se

thành bậc đốt đèn trong những khúc quanh buồn thảm của nghề kinh doanh.

Một thời gian quá rộng, cái nhìn thiên lệch vẫn ám ảnh xã hội về doanh nhân là “một gã bụng to, mặt mày gian xảo, ngồi chễm chệ trên bàn nhậu, tay ve vuốt cọc tiền và ánh mắt giảo hoạt đầy những toan tính bất chính”.

Một thời gian quá xa, những con người làm giàu chân chính bằng việc buôn bán bị dán cho cái nhãn “giai cấp bóc lột”, “tư bản” cùng hàng loạt danh từ tiêu cực khác.

Cho đến một ngày, những bậc trí thức mà cả xã hội kính trọng từ Trường Đông Kinh Nghĩa Thục (trong những năm đầu của thế kỷ trước) bước ra phố và mở cửa hàng bán gạo, bước xuống mỏ để khai thác quặng hay bước xuống thuyền để đi buôn vải...

Khoảng cách địa lý của “bước đi” này có thể rất gần, nhưng khoảng cách xã hội của nó quả thật là một hành trình vạn lý. Họ sinh ra là nhà nho, nên chẳng biết chuyện tiền nong, hàng hóa. Họ sinh ra để đọc sách thánh hiền, nên chẳng biết chuyện cơm gạo. Họ sinh ra để được xã hội kính trọng, nên thật khó để phơi mặt ra giữa chợ mà kỳ kèo bót một thêm hai với thế gian. Nhưng họ đã tìm thấy một con đường và tự tin đi về phía chân lý.

Cuộc cách mạng trong bản thân mỗi nhà nho khi dám đứng ra làm kinh tế quả thật không nhỏ. Và cuộc cách mạng này đã mang lại một hiệu ứng xã hội tức thì: phải nhìn lại về bản chất của nghề buôn, nghề kinh doanh khi những con người cao quý nhất trong xã hội lúc bấy giờ đã quyết định đi buôn, đi kinh doanh.

Một không khí thật sự sôi động dâng lên trong xã hội. Nhà nhà phấn khởi, người người hồ hởi khi biết rằng, mỗi nhà buôn chính là một nhân tố để “Hiệp bãi cát gây nên non Thái / Hiệp ngàn dòng nên cái biển Đông” (Bài ca khuyên hợp thương - Trần Quý Cáp).

Những doanh nhân Việt thời sơ khai đã có thể ngẩng cao đầu, cảm thấy tự hào về sứ mệnh mà mình đang tham gia thực hiện, hãnh diện về sự nghiệp bán buôn của mình đang từng chút một xây dựng sự phồn vinh của đất nước. *Họ đã định nghĩa lại nghề kinh doanh!*

Nhưng rồi, mọi thứ thay đổi rất nhanh theo chiều hướng xấu đi, khi mà người Pháp tìm mọi cách để kìm hãm nghề buôn bán: “Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên”; “...cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu. Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng. Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý...” (Tuyên ngôn độc lập - Hồ Chí Minh). Những nhà cai trị đã hành động khản cập như vậy, chỉ vì đã nhìn thấy một tất yếu: dân giàu thì nước mạnh, nghề buôn phát đạt thì quốc gia sẽ tốt đẹp hơn từng ngày.

Chính vì những lẽ đó, nên chỉ một thời gian rất ngắn sau khi khai sinh đất nước, Hồ Chủ Tịch đã gửi một bức thư đặc biệt dành cho giới công thương. Bức thư ngắn lắm, nhưng nó chứa đựng toàn bộ ý nghĩa cao quý mà nghề này đang cống hiến cho xã hội. Hồ Chủ Tịch, chứ không ai khác, đã bày tỏ sự tôn trọng hết mức của mình dành cho doanh nhân trong lời đầu tiên của bức thư: “Cùng các ngài trong giới Công Thương”.

Chính vì sự xác lập vị thế đặc biệt cao quý của nghề kinh doanh - một nghề đáng tôn vinh trong xã hội, nên sau một thời gian dài chìm trong “bóng đêm” của thời kỳ bao cấp, những doanh nhân Việt đã được trả lại vị thế xứng đáng của mình trong hàng loạt quyết sách sau này: Luật công ty năm 1990, Luật doanh nghiệp năm 2000, Ngày doanh nhân Việt Nam, Đảng viên được làm kinh tế tư nhân...

Chúng tôi và bạn là những người đồng hành

Kể từ ngày ra đời, một trong những sứ mệnh quan trọng mà PACE đã tự đặt lên vai mình là cùng bạn *góp phần* thu hẹp khoảng cách doanh trí giữa Việt Nam và thế giới. Chúng tôi đã thực hiện điều này bằng việc không ngừng nghiên cứu để đưa ra những chương trình đào tạo đỉnh cao của thế giới và phù hợp với người Việt, đồng thời chọn lựa và giới thiệu với bạn đọc những cuốn sách “gối đầu giường” của doanh nhân thế giới cùng những tác phẩm kinh điển nhất mà họ đưa vào danh sách “phải đọc”.

Và với sứ mệnh của mình, PACE cũng sẽ đồng hành cùng bạn đọc trong hành trình khôi phục lại những giá trị cao quý, những giá trị vượt không gian lẫn thời gian của cha ông và tổ tiên chúng ta. Để từ đó, chúng ta có thể *kết hợp* với những giá trị đỉnh cao của nền văn

minh nhân loại, một cách tốt nhất, nhằm *góp phần* hình thành và tôn tạo các “giá trị Việt”. Những “giá trị Việt” này sẽ *góp phần* làm nền tảng cho việc xây dựng hình ảnh một nước Việt Nam mới rạng ngời hơn, một nước Việt Nam có thể vững vàng đua tranh thành công cùng thế giới.

Nhìn “Tây” sẽ thấy “Đông”, soi “cổ” mà ngẫm tới “kim”, đó là điều mà chúng tôi, những người thực hiện bộ sách, mong muốn được chia sẻ. Bộ sách này cũng là một câu chuyện, một phác thảo cho bức tranh toàn cảnh sinh động và đầy màu sắc về doanh nhân thế giới - những doanh nhân làm thay đổi thế giới, và về một thể hệ doanh nhân tiền bối của Việt Nam cách đây gần 100 năm lịch sử - một thể hệ doanh nhân mà đến ngày nay chúng ta vẫn có thể tự hào. Từ đó, những nỗ lực này sẽ góp phần hình thành văn hóa doanh nhân Việt, một bộ phận quan trọng trong văn hóa Việt Nam.

Chúng tôi xin được gửi lời tri ân trân trọng nhất đến những đồng nghiệp đã hỗ trợ tinh thần cho chúng tôi, đến các cá nhân và đơn vị đã sẵn lòng hỗ trợ thông tin, tư liệu trong quá trình nghiên cứu. Đặc biệt, chúng tôi muốn gửi lời cảm ơn chân thành đến các tập đoàn hàng đầu thế giới do các doanh nhân huyền thoại sáng lập, cảm ơn gia tộc họ Lương, gia tộc họ Bạch,... - hậu duệ của cụ Lương Văn Can, cụ Bạch Thái Bưởi... đã nhiệt tâm giúp đỡ chúng tôi trong suốt quá trình “Đi tìm Đạo Kinh doanh của Việt Nam và Thế giới”.

Việc triển khai dự án này từ khâu nghiên cứu đến thể hiện thành sách trong một thời gian không dài, cùng những khó khăn trong quá trình đi tìm tư liệu lịch sử về các nhân vật, chắc hẳn bộ sách sẽ khó tránh khỏi những sai sót nhất định. Do vậy, chúng tôi rất mong nhận được sự thông cảm cũng như những góp ý chia sẻ của bạn đọc gần xa về bộ sách để lần tái bản tiếp theo được hoàn thiện hơn.

Chúng tôi, PACE và Nhà Xuất Bản Trẻ, xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc bộ sách đầy tâm huyết này. Và chúng tôi cũng tin rằng, qua bộ sách này, bạn đọc sẽ *có thêm* kiến giải về “đạo kinh doanh”, để từ đó, tự mình *định nghĩa lại nghề kinh doanh* và tự mình khẳng định rằng, *kinh doanh là kiếm tiền hay phụng sự xã hội!*

Thay mặt Nhóm Tác Giả của bộ sách

Giản Tư Trung - Người Sáng Lập PACE
Sài Gòn, Xuân Đình Hợi, 2007

Lời nói đầu

Những năm 1920, khi đặt bút viết những dòng đầu tiên của *Thương học phương châm*, cuốn sách giáo khoa đầu tiên của thương giới Việt, cụ Lương Văn Can đã chia sẻ: *“Bây giờ phong khí mở rộng, hoàn cầu đi lại như một nhà, đường bộ thì có hỏa xa, đường thủy thì có hỏa thuyền, không trung thì có tàu bay, lại thêm điện báo để thông thư tín, điện thoại để thông âm ngữ, tin tức đã mau, vận tải rất tiện, người mà thông buôn bán thì làm giàu rất tiện...”*. Cách chúng ta ngót thế kỷ, nhưng cụ cử Can đã nhìn thấy một không khí hội nhập hừng hực của Việt Nam với thế giới.

Trong buổi đầu khai sinh, người Việt chập chững trên con đường kinh thương, có biết bao nhiêu khó khăn: lớp doanh nhân mới hình thành chưa từng trải qua một trường lớp kinh tế nào, vừa kinh doanh vừa phải chống đỡ với tư bản nước ngoài. Thế nhưng, chúng ta đã từng có một thế hệ các doanh nhân đầu tiên rất thành công trên thương trường, lại có tinh thần dân tộc kiên cường - dùng buôn bán như một công cụ để thể hiện lòng yêu nước. Đó là một Bạch Thái Bưởi “không đội trời chung” với tư bản Pháp, một Nguyễn Sơn Hà từ người làm thuê đã tự đứng ra gây dựng một hãng sơn riêng trở thành đối thủ đáng gờm của tư bản Pháp... Điều đó có được là nhờ họ vừa kinh doanh vừa tự học hỏi để đổi mới mình, lại vừa có trong lòng một niềm tự tôn dân tộc - kinh doanh để góp phần phụng sự tổ quốc.

Để góp phần vào việc hình thành nên một thế hệ nhà buôn đầu tiên của Việt Nam, chúng ta không thể không nhắc tới một cuộc đổi mới sâu rộng trong xã hội vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Rất nhiều nhà nho đã vứt bút lông đổi sang bút sắt, cùng hiệp lực gióng lên hồi trống Duy tân, đem những văn minh từ nước ngoài vào với mong muốn thay đổi tận gốc rễ xã hội. Nghề buôn vốn bị triều đình phong kiến xem thường thì nay các nhà nho đã cổ súy, hô hào mọi người

tham gia vào việc buôn bán. Bản thân họ cũng không ít người từ bỏ quan trường để làm những nhà buôn, như một tấm gương sáng cho thương giới.

* * *

Một trong những tên tuổi đã góp công sức không nhỏ vào sự hình thành và phát triển của nghề kinh doanh trong buổi đầu trướng nước đó là Lương Văn Can. Hậu thế nhắc tới cụ như nhắc tới một chí sĩ yêu nước, một nhà giáo dục lớn cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, với những đóng góp rất quý báu cho phong trào Duy tân qua việc mở còn là một nhà nho tham trường Đông Kinh Nghĩa Thục. Ngoài ra, cụ gia vào việc kinh doanh buôn bán và dùng số tiền kiếm được để đóng góp cho phong trào giải phóng dân tộc. Xuất thân là một nho học, từng đỗ đạt dưới triều Nguyễn, song cụ đã tự học hỏi, tự đổi mới mình để thoát khỏi thế hệ nhà nho đương thời - một thế hệ nhà nho phi thực tế - trở thành những người có tư tưởng tiến bộ và sau đó đã đem những kiến thức mới đó phổ cập cho công chúng.

Trong giai đoạn đầu hình thành và phát triển thương giới Việt, Lương Văn Can được coi như một người thầy khi cụ đã dồn tâm sức nghiên cứu và viết sách dạy buôn bán. Bên cạnh đó, với những kiến thức và kinh nghiệm có được từ thương trường, cụ đã đúc kết những chân lý một cái Đạo cho giới kinh doanh. Cả cuộc đời cụ là -í sự minh chứng cho Đạo kinh doanh mà cụ đã gây dựng cho thương giới: kinh doanh là phụng sự tổ quốc, hay nói xa hơn, kinh doanh là phụng sự xã hội.

Ngày nay, khi bước vào một thế giới toàn cầu hóa sâu rộng, nhìn lại thế hệ doanh nhân đi trước, hậu sinh có thể tự hào rằng doanh nhân Việt đã từng có một thời đầy oanh liệt. Họ không chỉ là những tấm gương, mà còn là cái Gốc.

Các doanh nhân trong thời đại mới khi nhìn lại con đường đi của danh sĩ họ Lương vẫn nhìn thấy được trong đó những bài học lớn: bài học về kiến thức, bài học về việc không ngừng học tập để lĩnh hội sự nhanh nhạy trong kinh thương và một điều không kém phần quan trọng là hãy cùng ngẫm nghĩ về cái Đạo kinh doanh mà cụ Lương đã để lại cho thương giới cách đây gần một thế kỷ.

Chương I: CÙNG XẮN TAY ĐỔI THAY VẬN NƯỚC

Những năm đầu thế kỷ 20. Đất nước đắm chìm trong cảnh nô lệ. Nhà Nguyễn cầm quyền đã trở thành bù nhìn dưới sự bảo hộ của Pháp. Khi đó, chính những người trí thức yêu nước đã tự lãnh lấy trách nhiệm xắn tay vào cùng nhau góp sức để đổi thay vận nước.

I. Sụp đổ hình ảnh đáng quân vương hay sự vỡ mộng của chủ nghĩa yêu nước cũ

Phát súng đại bác đầu tiên của Pháp nổ ra ở đảo Sơn Trà - Đà Nẵng vào ngày 1.9.1858 đã mở màn cho một cuộc chiến chống ngoại xâm mới. Một cuộc chiến không cân sức: một bên là đất nước Việt Nam dưới triều Nguyễn lạc hậu, trì trệ, một bên là Pháp, kẻ thù từ phương Tây đến, với tàu chiến và súng ống, mạnh hơn cả trăm lần. Sức mạnh của khí giới đã làm cho chính quyền nhà Nguyễn núng thế.

Đất nước dần dần rơi vào tay giặc trong sự chống cự quyết liệt của phái chủ chiến và sự bất lực cúi đầu của phe chủ hòa trong triều đình nhà Nguyễn. Quân Pháp với hạm đội hùng mạnh, vũ khí tối tân dù chỉ vấp phải một vài lần chạm trán với quân của triều đình, song họ lại phải hao tổn nhiều khi đối mặt với sự kháng cự của những người dân yêu nước. Kẻ thù xâm lược Pháp đã từng kinh ngạc trước sức mạnh mà chúng không hề ngờ tới của nhân dân Việt Nam, đó là sức mạnh của lòng yêu nước. Trong một báo cáo gửi về bản quốc, có đoạn đã viết rằng: “Việt Nam là một quốc gia kiên cường gắn bó với lịch sử riêng, thể chế riêng của mình;... trong các thế kỷ trước, Việt Nam không bao giờ chịu khuất phục trước quân xâm lược, họ biết đợi thời cơ... Tình trạng của chúng ta (Pháp) rất đổi khùng khiếp vì chúng ta phải đương đầu với một dân tộc thống nhất và tình cảm dân tộc của họ không phải đã bị suy yếu”.

Quân Pháp sẽ không thể dễ dàng đặt chân xuống mảnh đất Việt Nam như vậy, nếu thời đó nước Việt may mắn có một chính quyền mạnh hơn về kinh tế, quân sự và không quá bạc nhược về tư tưởng. Chỉ sau vài lần quân lính triều đình chính thức chạm trán với quân Pháp, thì vua quan nhà Nguyễn đa số đã quyết định nghiêng về lý kiến chủ hòa. Sử sách hậu thế đã tốn không biết bao nhiêu giấy mực để lên án sự bạc nhược của triều đình Huế, một chính quyền vốn từ lâu đã rất lạc hậu, trì trệ. Thậm chí, trong hiệp ước Hòa bình và Hữu

ngợi mà Tự Đức ký với Pháp ngày 5.6.1862, ngoài việc nhường 3 tỉnh Nam Kỳ và bồi thường chiến phí cho Pháp trong 10 năm, mỗi năm 288 nghìn lượng bạc thì nhà Nguyễn phải truy lùng, bắt giữ vào giao nộp cho quân Pháp tất cả những “phiến quân” chống lại lực lượng của Pháp trên đất Việt. Thực hiện hòa ước này, triều Nguyễn đã cấm việc chiêu mộ binh sĩ, triệu hồi các tướng lĩnh đang nắm binh quyền trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Điều đó đã gây một cú sốc cho toàn dân chúng, như giội một gáo nước lạnh vào ngọn lửa căm hờn hừng hực cháy trong tim mỗi người dân Việt.

Và, một lần nữa, người Pháp thấy được sức mạnh tinh thần yêu nước của dân tộc Việt Nam: dù triều đình ráo riết đàn áp những cuộc khởi nghĩa thì khắp nơi nhân dân nổi dậy, đi theo các nghĩa đảng chống Pháp. Nhiều tướng lĩnh đã bất phục tùng chiếu chỉ, quyết bám sơn địa, cùng sống chết với nhân dân. Họ chiến đấu tới hơi thở cuối cùng chứ không chịu quy hàng.

Trong khi đó, tình hình đất nước ngập chìm trong những bi kịch đến từ giặc ngoại xâm và cả những chính sách bóc lột của chính quyền cũ. Vừa đàn áp các phong trào yêu nước và vừa để có tiền trả nợ cho kẻ thù, triều Nguyễn chỉ còn cách xiết chặt gọng kìm bóc lột đối với nhân dân. Những chính sách thuế khóa mới ban ra vô cùng bất công, hà khắc, cốt để “tận thu” tiền của trong dân.

- Đầu tiên là tăng thuế ruộng đất: liên tục điều chỉnh tăng thuế ruộng để tận thu, có thời điểm thuế ruộng đất tăng gấp 3 lần.

- Cho phép người dân bỏ tiền ra mua phẩm hàm và để giảm tội.

- Thu gom vàng bạc trong thiên hạ. Những đồ dùng bằng bạc, bằng vàng bị đem trưng thu để lấy tiền bồi thường cho Pháp. Thời gian đó, dân chúng ở nhiều nơi đau xót và hoang mang khi chứng kiến cảnh không ít pho tượng Phật quý giá đã bị quân lính triều đình tịch thu từ trong các ngôi chùa đem nấu chảy để lấy vàng trả nợ chiến phí.

- Bãi bỏ lệnh cấm hút thuốc phiện để chuyển sang đánh thuế thuốc phiện vào 2.1865. Sử sách ghi lại một con số như vết nhơ đầy cay đắng của bộ máy chính quyền nhà Nguyễn: nhờ “khuyến khích” dân chúng hút thuốc phiện mà triều đình Huế đã thu được 382.200

quan tiền thuế thuốc phiện trong vòng 10 tháng. Đó là chưa kể thực dân Pháp cũng vơ vét được từ sắc lệnh này 450.000 quan nhờ tiền thuế. Những con số đó phần nào cho chúng ta hình dung cảnh một đất nước tan hoang dưới những tác động tiêu cực của tệ nạn nghiện hút.

– Bán đất công tràn lan. Triều đình Nguyễn bán ruộng đất công để thu tiền chi phí cho quân nhu, hàng vạn mẫu đất công đã bị bán đi, làm cho tình trạng tư hữu ruộng đất có sự chênh lệch quá lớn giữa địa chủ và các dân thường.

Các chính sách “giật gấu vá vai” của triều đình Nguyễn càng làm cho tình cảnh đất nước ngày một khốn đốn. Lĩnh vực phát triển kinh tế không được quan tâm, thiên tai liên tục giáng xuống đầu dân chúng và cảnh vỡ đê, lụt lội, mất mùa, cảnh người chết vì thiên tai diễn ra khắp nơi. Sự bất công trong xã hội là một trong những nguyên nhân đẩy cho khoảng cách giàu nghèo càng ngày càng lớn. Có một số những vị quan có cái nhìn sáng suốt, đã đề xuất nhiều ý tưởng cải cách với mong muốn vực đất nước đi lên từ đống đổ nát. Song những ý tưởng đó đã bị bỏ sang một bên bởi chính những đầu óc lạc hậu, trì trệ của triều đình Huế.

Trong khi cuộc kháng chiến chống Pháp được nhân dân hưởng ứng tại nhiều nơi trên cả nước - tuy rất manh mún và lẻ tẻ vì không có một đảng minh quân đủ tiếng nói đứng lên tập hợp dân chúng dưới một ngọn cờ chung - thì triều đình Huế từng bước một ký các hiệp ước trao dần đất đai cho Pháp. Ngày 6.6.1884, một bản hiệp ước giữa Pháp và nhà Nguyễn, đã công nhận sự “bảo hộ” hoàn toàn của Pháp đối với nước An Nam. Người Pháp xoa tay thở phào vì đã “bình định” xong mảnh đất hình chữ S - một cuộc chinh phục thuộc địa đầy chông gai mà đã có lúc họ tưởng như đã lâm vào tình thế không lối thoát. Một cảnh tượng đã làm sụp đổ hoàn toàn hình ảnh về đấng vương quân trong trái tim của hàng triệu người yêu nước mà từ trước tới nay họ vẫn bầu víu niềm tin vào chế độ vương quyền: “Sau khi ký xong hiệp ước 6.6.1884, cũng trong ngày đó, triều đình Huế đã phải đem cái ấn bạc của vua Thanh cho vua nhà Nguyễn trước kia đến sứ quán Pháp ở Huế để phá đúc thành khối bạc, trước mặt đại diện của Pháp.”[\[1\]](#)

Hình ảnh trên đây đã làm tiêu vong nốt niềm tin ít ỏi còn sót lại của những chí sĩ yêu nước vào đấng quân vương của họ. Vua quan nhà Nguyễn đã trở thành một thứ công cụ trong tay người Pháp. Từ nay, sẽ không còn có thể dựa vào một hình tượng minh quân để phát lên lá cờ đấu tranh giành độc lập như các vị lãnh tụ nghĩa quân vẫn từng làm trong lịch sử.

Quả thực, sau sự kiện đó, triều đình nhà Nguyễn chỉ còn là một cái bóng lay lắt bên cạnh “nhà bảo hộ” Pháp. Với chiêu bài “bảo hộ, khai hóa”, người Pháp thản nhiên áp đặt những chính sách về chính trị, kinh tế lên toàn cõi Đông Dương, cốt sao vơ vét được tối đa của cải, tài nguyên từ các xứ thuộc địa này chất lên tàu mang về “chính quốc”. Tất cả những sự đầu tư của Pháp vào Việt Nam cũng đều không ngoài mục đích ấy. Vài con số sau có thể thấy điều đó: Người Pháp chỉ ở Việt Nam 1% dân số mà nắm giữ trong tay 20% diện tích ruộng đất. Nước Việt thời kỳ đó mỗi năm xuất khẩu hơn 1 triệu tấn gạo song chính người nông dân làm ra thóc gạo xuất khẩu lại bị đói. Thuế má ngày càng nặng nề, các chính sách thuế luôn luôn thay đổi, sức nặng của nó đã đẩy một bộ phận dân chúng vào tình cảnh bần cùng hóa. Và để dễ trị, thì cần phải làm cho xứ thuộc địa kiệt quệ về văn hóa. Đó là lý do vì sao bên cạnh việc mở mang giao thông, phát triển khai mỏ... thì Pháp vẫn phớt lờ chuyện đầu tư cho giáo dục, chỉ mở một số trường kiểu Pháp để đào tạo nhân lực dùng vào việc phục vụ cho bộ máy cai trị. Do đó, đại đa số dân chúng rơi vào tình trạng thất học...

Các chí sĩ yêu nước vẫn đặt niềm tin vào sức mạnh và sự thiêng liêng của ngai vàng, thì nay họ nhận ra kẻ được gọi là vua kia đã từ lâu không còn giá trị. Trong giai đoạn Pháp chiếm đóng dần từng bước cho tới khi “bình định” được hoàn toàn Việt Nam, những đề xướng phát triển kinh tế văn hóa theo xu hướng cải cách của một số nhà cải cách đầy tâm huyết với đất nước được đặt lên bàn của vua Tự Đức, song hầu như những sáng kiến đó không có cơ hội để thực thi. Những trí thức yêu nước đã tỉnh ra rằng: họ không còn có thể tiếp tục đấu tranh dưới một ngọn cờ cũ để mong giành lại độc lập cho dân tộc. Phải có một con đường mới. Một lối đi mới cho toàn dân tộc.

Vậy con đường ấy là gì? Ai sẽ đưa dân tộc Việt thoát khỏi cảnh lầm than? Không ai khác đó là tầng lớp sĩ phu, những người có học thức nhất và được nể trọng nhất trong xã hội đã giơ vai ra gánh vác lấy trọng trách ấy.

Những phong trào đấu tranh giành độc lập từ 1903-1908 chuyển sang một bước ngoặt mới. Trong thời kỳ này đã khắc ghi tên tuổi của nhà yêu nước như Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu. Xuất thân là những nhà nho nhưng trước những biến động dữ dội của tình hình trong nước và trên thế giới, đã nhanh chóng đón nhận những tư tưởng mới từ phương Tây, tự thay đổi nhãn quan và nỗ lực tìm một con đường đi mới cho cả dân tộc. Tầng lớp trí thức mới này đã nhìn thấy nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự mất nước: chúng ta đã thua phương Tây cả một thời đại, không chỉ về kinh tế, khoa học kỹ thuật mà còn cả trong lĩnh vực văn hóa. Nếu như những cuộc đối đầu với ngoại xâm trước kia, dầu có khó khăn và chênh lệch lực lượng đến đâu thì chúng ta cũng chiến thắng, bởi kẻ thù lớn thường trực của Việt Nam trước kia là Trung Quốc, thì vẫn là cuộc chiến giữa hai nước hệ tư tưởng phong kiến phương đông. Nay, để đánh được kẻ thù quá mạnh, vượt qua dân tộc ta cả hàng thế kỷ về sự phát triển, chúng ta không thể chiến đấu bằng cách cũ. Trước hết, tự bản thân cả dân tộc phải thay đổi, bắt kịp sự phát triển chung của nhân loại. Sự thay đổi trong tư duy, trong nhận thức sẽ cho chúng ta sự thay đổi trong hành động.

Để một xã hội thay đổi, tiến kịp nền văn minh chung của thế giới, công cụ số một là giáo dục quốc dân - đó là điều mà các nhà tiền bối đã kịp nhận ra trong một bối cảnh đất nước đầy chông gai.

Công cuộc khai trí canh tân do Phan Châu Trinh phát động đã tạo một làn sóng mới tại quê hương ông - một con đường đấu tranh công khai, hợp pháp với những khẩu hiệu “Ý Pháp cầu tiến bộ”, “Duy tân tự cường”, với khát vọng nhanh chóng đưa dân tộc vươn lên ngang tầm thời đại. Từ đây, phong trào duy tân đã lan khắp đất nước, hòa với phong trào Đông du của Phan Bội Châu - với chủ trương chống Pháp bằng vũ lực, có dựa vào sức mạnh của nước láng giềng là Nhật Bản. Những phong trào hồi đó đã lan rộng khắp cả nước, để lại một dấu son trong lịch sử, giúp nhân dân thức tỉnh, ý

thức được thân phận nô lệ làm than, nung nấu tinh thần chống giặc ngoại xâm - một tiền đề quan trọng cho cuộc khởi nghĩa vĩ đại tháng 8.1945.

II. Giòng trống Duy Tân

Tri thức mới chính là điều mà nhân dân luôn “khát”, đặc biệt trong thời kỳ đất nước bị nô lệ. Những nhà nho yêu nước tiến bộ đã quyết tâm mang tri thức mới đến từng thôn cùng ngõ hẻm. Hội trống Duy tân làm rung chuyển tận gốc rễ tư duy của một đất nước hơn ngàn năm dưới chế độ quân quyền.

Ngôi trường làm việc nghĩa đầu tiên trong lịch sử

Trong những ngày tháng 3.1907, không khí Hà Thành như rộn rã náo nức hẳn lên. Dân chúng sôi nổi bàn tán về ngôi trường mới tọa lạc tại số 4 Hàng Đào, mang tên Đông Kinh Nghĩa Thục. Một ngôi trường mà ngay khi vừa mới rục rịch khai trương đã có những thông tin loan đi khắp nơi: đây sẽ là nơi thực thi cách dạy và cách học hoàn toàn mới, do một đội ngũ hùng hậu những anh tài của đất Hà Thành đứng lên đảm trách!

Tên “Đông Kinh Nghĩa Thục” đã gợi cho dân chúng Hà thành nhiều suy đoán. “Đông Kinh”, ấy là tên cũ của kinh thành Thăng Long xưa do Lê Thái Tổ đặt năm 1430, gợi lên một cảm giác hoài cổ. Còn “Nghĩa Thục” là làm việc nghĩa. Chủ trương của trường là sẽ giảng dạy, phổ biến các kiến thức mới dành cho tất cả những người dân có nhu cầu học tập, bất kể tuổi tác và giới tính, học hoàn toàn miễn phí. Cái tên của trường đã làm cho nhà cầm quyền Pháp thời đó phải e dè: liệu Nghĩa Thục có liên quan gì tới nghĩa quân hay không? Đó là lý do khiến họ dùng dằng chưa chịu cấp giấy phép mở trường ngay lập tức. Dẫu vậy, sự im lặng của nhà cầm quyền được các nhà nho hiểu là sự... không phản đối.

Vài vị đồ nho khăn đóng áo the, trung thành với lối dạy học trò theo con đường khoa bảng khi nghe tin này thì phẩy tay, cho rằng đó là một trò ngông của những kẻ học Tây, học Nhật, muốn làm cái việc “gánh đá vá trời”. Song phần đông dân chúng thì muốn được tận mắt chứng kiến về những gì đang diễn ra trong ngôi trường đó. Người kẻ

chợ thường dừng lại trước ngôi nhà cụ cử Can, với một thái độ tò mò háo hức.

Căn nhà số 4 Hàng Đào vốn là một cửa hàng vải của bà cử Can, một cửa hiệu đã nổi tiếng từ nhiều năm nay. Tiệm vải có bề ngang chừng 5 thước, các tủ kệ hàng kê dọc theo hai bên tường, chừa lại lối đi chính. Những súc vải đủ loại, mềm mại, lóng lánh sáng trong nắng mới. Nào là lụa Hà Đông, the La Cả, đũi Vân Xa, lãnh Bưởi, gấm Thượng Hải. Hàng ngày, bà Cử cùng hai cô con gái thay phiên nhau bán hàng. Bà cử Can là một phụ nữ có nét mặt hiền hậu, nghiêm cẩn, đã theo nghiệp buôn bán từ thuở nhỏ. Các cửa hàng của bà và con cái buôn bán rất phát đạt, tạo được niềm tin cho dân chúng Hà thành vì chủ nhân biết giữ chữ tín trong kinh doanh đồng thời phu nhân là một nhà buôn khéo léo, khách hàng luôn cảm thấy hài lòng khi tìm đến tiệm. Tiệm vải số 4 Hàng Đào vốn đông khách, nay lại càng trở nên nhộn nhịp hơn bởi những người đến nghe ngóng thông tin, muốn tận mắt chứng kiến cách dạy và cách học của thầy trò của trường Đông Kinh Nghĩa Thục. Mọi hoạt động dạy và học của trường nằm lại phía sau của căn nhà và tầng gác phía trên. Nhiều người vẫn bán tín bán nghi, dò hỏi xem có thật là trường học dành cho tất cả mọi đối tượng (già - trẻ, gái - trai) mà người học không mất tiền hay không? Thời buổi đất nước loạn lạc với chồng chất khó khăn về kinh tế, chính trị, một trường tư không lấy tiền quả là điều kỳ lạ! Người ta đoán già đoán non, hẳn sau lưng nó phải có cả một hội những mạnh thường quân giàu có tài trợ. Cũng có nhiều người mừng thầm, rỉ tai nhau: hẳn là mấy ông đang tính làm việc lớn đây! Nghe đâu là tập hợp toàn những anh tài đất Bắc cả! Hãy chờ xem sao...

Quả là sự học của Đông Kinh Nghĩa Thục ngay những ngày đầu đã có một không khí thật sôi nổi, khác thường. Trước đây, ngôi nhà số 4 Hàng Đào ngoài là tiệm vải thì còn là một trường tư thực do Lương Văn Can mở ra để dạy học trò về Hán văn. Nay, nơi đây đã có những thay đổi đáng kể: số học trò đông hơn và không khí nhộn nhịp hơn. Trong buổi đầu thành lập trường, số học sinh đã lên tới hơn 60 người. Khách mua hàng thỉnh thoảng ngưng lại, gióng tai lắng tai nghe tiếng giảng bài sang sảng của thầy, hay tiếng đọc ê a

của các môn sinh. Không ít người đã xin phép lên tận lớp học để được tham quan. Họ sửng sốt khi chứng kiến quang cảnh hai lớp học, một dành cho nam, một dành cho nữ diễn ra rất sôi nổi. “Những cái đầu để chỏm ở giữa hoặc hai trái đào hai bên, chen với những mớ tóc đen nhánh quấn trong vành khăn nhiễu tam giang, phất phơ chiếc đuôi gà. Hết thầy đều cầm cùi, bấm môi tô những chữ a, chữ o, chữ e trên giấy”^[1] Lớp nữ thì có hẳn một cô giáo phụ trách. Lớp nam do thầy giáo ăn vận theo mốt mới, áo cánh, tóc cắt ngắn gọn gàng. Không khí học hành hào hứng và thoải mái, chứ không quá nghiêm trang như các lớp Hán học dạy theo lối từ chương.

Chà, con gái cũng được đến trường! Người ta trầm trồ là đúng thôi. Bởi thời đó, việc mở trường dạy cho cả nữ giới quả là một cuộc cách mạng về tư tưởng! “Nhất nam viết cố, thập nữ viết vô” - với quan niệm như vậy, dưới chế độ khoa bảng của triều đình, phụ nữ bị cấm không được học hành và thi cử. Các nhà nho tiến bộ đề cao chế độ bình quyền nên đã có sáng kiến mở lớp riêng dành cho nữ giới. Việc làm này đã được đa số dân chúng đón nhận với một thái độ đồng tình và tán phục. Lớp nữ được phụ trách bởi cô con gái của cụ Lương Văn Can tên là Lương Thị Tín, mà mọi người quen gọi là cô Năm. Một phụ nữ đứng lớp giảng dạy cũng lại là cái lạ nữa của trường Đông Kinh Nghĩa Thục!

Sau những buổi học, các môn sinh ùa ra khỏi lớp, vẻ phấn chấn hiện rõ trên từng gương mặt. Ai cũng háng hái và say sưa kể cho bạn bè, người thân về những cái mới mà họ vừa tiếp thu được ở trường.

Người ta xúc động và tán phục khi lần đầu tiên nhìn thấy hình dáng giang sơn gấm vóc của tổ quốc được thể hiện trên tấm vải trắng lớn với những tên núi, tên sông, qua bàn tay tài hoa của thầy giáo dạy môn địa lý Trần Đình Đức. Họ sôi nổi thuật lại những buổi giảng có lồng vào tinh thần yêu nước quật cường của dân tộc, “trông xưa mà ngẫm tới nay”, thầy giáo đã khiến cho tất cả mấy chục con người cũng sục sùi rơi lệ. Ngọn lửa yêu nước bùng nổ được thổi bùng lên trong trái tim của mỗi thầy trò. Lại cũng có buổi học thầy và trò ôm bụng cười sau khi thầy giáo đã kích thích liệt về tật nhuộm răng

đen và búi tóc... Chuyện về thầy Dương Bá Trạc thường đem cái bằng cử nhân của mình do triều đình Nguyễn cấp ra để “rao bán” với giá một xu!... Những hủ tục lạc hậu như để tóc dài, móng tay dài, tắm cũng phải chọn ngày... bị đem ra bài bác. Đây cũng là lần đầu tiên người học được tiếp xúc với môn toán pháp, và các thầy giáo của Đông Kinh Nghĩa Thục còn đề cao thực nghiệp, dạy cách buôn bán... Toàn là những điều mới và điều lạ mà trước đây người theo Hán học chưa từng được biết đến.

Đó là những buổi học chưa từng có trong lịch sử, thầy dạy rất tùy hứng, phóng khoáng và trò thì tiếp thu với tinh thần thoải mái nhất. Bởi cả thầy và trò đều đã loại bỏ hoàn toàn tâm lý học để thi. Dẫu rằng giáo án, tài liệu có sẵn nhưng nhiều khi cao hứng thầy có thể giảng xoáy sâu vào bất cứ một vấn đề nào đó cũng đủ làm hết tiết học. Cũng có khi thầy lại giảng cả những điều không có trong giáo trình. Nhưng rõ ràng đó đều là những kiến thức mới, giúp người học mở mang nhãn quan, thay đổi tận gốc rễ về tư duy và nhận thức. Tại Đông Kinh Nghĩa Thục có hẳn một thư viện sách, nơi mà các học trò, thậm chí cả người ở ngoài đều có thể tới để tìm tài liệu để tham khảo.

Và cứ thế, tiếng lành đồn xa, cho tới tháng 5 năm đó khi trường chính thức xin được giấy phép thành lập, cái tên Đông Kinh Nghĩa Thục đã được cả Hà thành và nhiều tỉnh vùng ven biết đến. Số người xin theo học ngày một tăng. Trường bắt đầu mở rộng quy mô. Ngoài địa điểm số 4 Hàng Đào, và sau này thuê thêm số 10 Hàng Đào, trường còn mở thêm các lớp học ở đình, chùa, nhà thuê mượn mới đáp ứng được nhu cầu học của dân chúng. Đông Kinh Nghĩa Thục còn có các phân hiệu ở hai tỉnh lân cận là Hà Đông và Sơn Tây: phân hiệu ở Thôn Canh và phân hiệu ở Tây Mỗ thuộc ở phủ Hoài Đức; phân hiệu ở làng Chèm, Từ Liêm, phân hiệu ở Tân Hội thuộc huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây. Mỗi phân hiệu sẽ có một số nhà nho phụ trách và trực tiếp giảng dạy.

* * *

Những người sáng lập Đông Kinh Nghĩa Thục, khoảng hơn 40 người, trong đó hầu có tên tuổi của những danh sĩ lẫy lừng trong Nam ngoài Bắc: thực trưởng Lương Văn Can, Giám học Nguyễn

Quyền, Phan Châu Trinh, Hoàng Tăng Bí, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Học... Có thể nói, họ là một tập hợp rất hùng hậu của những nhà nho tiến bộ, những chí sĩ mà tên tuổi của họ được người trong nước rất trọng nể về nhân cách và học vấn lúc bấy giờ. Khi đề cập tới sự thành công của Đông Kinh Nghĩa Thục, nhà sử học Nguyễn Văn Xuân nhận xét: "...nhờ sĩ phu Hà Nội vốn rất thông minh, tháo vát, có óc tìm tòi, học hỏi nên họ tạo cho trường một bộ mặt sáng sủa, hấp dẫn, rất thích hợp cho dân đô thị...(...) Trên ban điều khiển, Lương Văn Can là một vị cử nhân không chịu nhận chức vụ gì của triều đình, nên được kính trọng, ở cương vị thực trưởng thật xứng đáng. Học giám do Nguyễn Quyền, một nhân sĩ có danh vọng đảm đương. Ban giáo huấn gồm nhiều tay lỗi lạc."

Đông Kinh Nghĩa Thục không dạy theo lối khoa cử đương thời - nghĩa là không dạy theo cách "nhồi sọ" để người ta học rồi đi thi ra làm quan như thông lệ cả ngàn đời nay. Trường chủ trương học để lấy kiến thức, lấy sự hiểu biết và học để thực nghiệp, lấy tri thức áp dụng vào đời sống, vào nghề nghiệp. Chủ trương ấy quả là quá mới mẻ, rất đúng đắn, thậm chí nền giáo dục của chúng ta cách các cụ ngót một thế kỷ mà vẫn đang vật vã với chuyện làm sao để chuyển từ cách dạy để đi thi sang cách dạy thực nghiệp. Những nhà sáng lập Đông Kinh Nghĩa Thục đã làm một cuộc cách mạng trong giảng dạy!

Trường chia làm 4 ban: Ban Giáo dục, Ban Tu thư chuyên biên soạn sách, tài liệu giảng dạy cho nhà trường; Ban Cổ động và Ban Tài chính. Không những góp công sức dạy học không lấy tiền mà chính những người sáng lập này tự nguyện góp tiền bạc để lập trường dạy miễn phí.

Chữ quốc ngữ được coi là chữ chính để giảng dạy cho các môn sinh trong trường Đông Kinh Nghĩa Thục, ngoài ra còn có thêm tiếng Hán và Pháp văn. Sau hơn 1.000 năm mượn văn tự Hán làm ngôn ngữ chính, thì nay, các nhà giáo dục của Đông Kinh Nghĩa Thục hào bỏ Hán văn lẫn chữ Nôm - chữ vay mượn từ tiếng Hán với cách viết rất phức tạp - để chuyển sang dùng chữ Quốc ngữ như là ngôn ngữ chính của dân tộc trong thời kỳ mới. Một sự chuyển hướng đầy sáng suốt. Các cụ chỉ ra cái hay, cái đẹp trong chữ quốc ngữ: vừa dễ hiểu, dễ viết và gần gũi với người Việt.

Với khẩu hiệu “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”, các giáo trình của trường Đông Kinh Nghĩa Thục được soạn ra cùng một mục đích: kêu gọi đồng bào đổi mới về tư duy, hướng dân chúng theo cách học thực nghiệp. Trường chia làm 8 lớp từ tiểu học cho tới trung học. Không những không phải đóng phí (trừ lớp học tiếng Pháp có thu phí) mà người học còn được phát không giấy bút, và sách vở. Những người bận làm ban ngày thì có thể dự lớp học buổi tối.

Điều đáng nói là cách dạy và các tư tưởng rất mới mẻ mà các nhà nho yêu nước truyền thụ cho học trò. Đây là một ngôi trường theo mô hình của trường Khánh Ưng Nghĩa Thục của Nhật -nơi đã đào tạo các nhà duy tân góp phần làm thay đổi đất nước Phù Tang theo xu hướng tích cực. Nhà trường muốn truyền thụ cho học sinh những tư tưởng mới, với mong mỏi khai sáng dân trí. Trường lên án lối học khoa cử, chuyển sang cách dạy thực nghiệp, chống các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, cờ bạc... Chương trình dựa theo lối tân học Trung Hoa, Nhật Bản, dạy thể thao, dạy cách trí, toán pháp, địa sử, lịch sử, văn chương, công dân giáo dục. Với các môn sinh đã thông chữ Hán, nhà trường dùng sách tân thư Trung Quốc làm tài liệu giáo khoa. Ngoài ra, các sách vở cũng lồng vào các bài giảng kêu gọi lòng yêu nước, tinh thần tự cường dân tộc.

Về cách học, trong cuốn *Văn Minh tân học sách* do chính các nhà tư tưởng của Đông Kinh Nghĩa Thục soạn ra, có đoạn viết: “Cho phép học trò bàn bạc tha hồ đối đáp tự do, không phải nề hà. Không cần thể cách gì hết. Rồi thêm vào đó, mấy bài về toán pháp, về chữ quốc ngữ, để cho cái mà học sinh học và thi không trái với công việc thực tế mà họ phải làm...” Một cách dạy và học rất tiến bộ, đến nay vẫn còn thấy được tính đúng đắn của nó. Nguyễn Hiến Lê sau này đã đánh giá: “Tư tưởng thực là cách mạng.”

Với những tư tưởng mới, giúp người dân nâng cao đời sống văn minh, có kiến thức thực tiễn để áp dụng vào đời sống, phát triển văn hóa và kinh tế. Song, điều sâu sa hơn nữa là qua đó đã làm thức tỉnh lòng tự cường dân tộc. Thùỵ Dương trong bài báo *Bảo quốc tụy, tụyết quốc sĩ*^[2] đã nhấn mạnh chương trình giảng dạy của Đông Kinh Nghĩa Thục là “đưa vào các môn toán, khoa học thường thức, tụy nghi tiếp thu những cái mới của văn minh Âu Tây để khai trí, canh

tân - một tư tưởng, phương pháp rất mới ở thời bấy giờ. Nhưng chủ yếu bên trong là làm cho người dân ý thức được thân phận nô lệ mất nước, khơi dậy lòng ái quốc và ý chí phục thù để rửa nhục cho nòi giống.” Nhà sử học Chương Thâu cũng đánh giá tính chất của Đông Kinh Nghĩa Thục không bó hẹp trong phạm vi văn hóa - giáo dục mà có ý nghĩa như một cuộc vận động cải cách tư tưởng - văn hóa để đạt được mục đích duy tân đất nước, tạo nền tảng để xây dựng một quốc gia Việt Nam độc lập và giàu mạnh, sánh ngang các nước phương Tây, Mỹ và Nhật Bản và tiến tới giành độc lập tự cường cho dân tộc.

[2] *Đăng trên Người lao động ngày 16.6.2002*

III. Chân dung người góp lửa

Trong những ngày đầu tiên lập trường, trong số những người sáng lập Đông Kinh Nghĩa Thục thì tên cụ cử Can một lần nữa được người dân Hà thành nhắc tới với thái độ kính trọng, nể vì. Người được bầu làm thực trưởng, cũng là người đã hiến ngôi nhà số 4 Hàng Đào cho hoạt động của trường và có nhiều đóng góp về vật chất khác để ngôi trường làm việc nghĩa này có thể hoạt động theo đúng tôn chỉ, mục đích đã đặt ra.

Chốn tụ họp của danh sĩ đất Bắc

Cụ Cử Can khi đó đã bước sang tuổi 53. Mấy chục năm trời gần bó với nghề dạy học, cộng với những trăn trở với đất nước, đã khiến mái tóc sớm bạc trắng nên trông cụ già hơn tuổi thực rất nhiều. Dầu vậy, ở cụ vẫn toát lên sự nhanh nhẹn, quắc thước. Nét mặt nghiêm trang, cương nghị, nhưng đồng thời cũng thật điềm đạm. Sự đôn hậu, trong ánh nhìn và trong tác phong, cử chỉ khiến người đối diện thêm phần kính phục.

Người đương thời coi Lương Văn Can là “một danh vọng to tát trong giới cách mệnh ở Thăng Long, phàm văn thân chí sĩ trong nước đã hoạt động chống thực dân không ai không biết tiếng.”^[1]

Trong những ngày đầu các sĩ phu dốc sức mở Đông Kinh Nghĩa Thục, nhiều người trong ban sáng lập trường nói: trong trường Đông kinh Nghĩa Thục, nhà cụ Cử không chức gì là không có! Đó là một câu nói đùa đầy thú vị, nó còn hơn cả mọi lời khen trong hoàn cảnh lúc bấy giờ đối với cụ cử Can. Gia đình Lương Văn Can hầu như đã cống hiến hết thảy cho sự nghiệp giáo dục: nhà riêng thì được hiến cho trường học, con trai con gái đều có người tham gia dạy học, cụ thì làm chức thực trưởng của trường. Không những thế, kinh phí để duy trì các hoạt động của trường cũng có công không nhỏ của bà Cử và các cô con gái. Nhiều học trò cũ của cụ, cảm khái cái nghĩa khí, tấm lòng của thầy đối với sự nghiệp giáo dục dân trí của đất nước,

cũng đã quyên góp những món tiền lớn để giúp đỡ cho Đông Kinh Nghĩa Thục...

Không phải chỉ khi Đông Kinh Nghĩa Thục mở ra, người dân mới biết đến cụ cử Can. Thực ra, tiếng tăm của cụ đã từng vang khắp chốn Hà Thành từ lâu. Đó là người mà giới nho học nể vì, như một tấm gương mẫu mực về học vấn và tiết nghĩa. Sinh ra và lớn lên trong thời kỳ đất nước suy vi, từng bước mất dần vào tay giặc Pháp, những cuộc khởi nghĩa vũ trang đều bị dẹp tan trong khi vua quan triều Nguyễn đã cam chịu kiếp nô dịch, Lương Văn Can cũng như rất nhiều danh sĩ Hà thành cảm thấy bất lực trước thời cuộc.

Lương Văn Can, hiệu là Ôn Như, sinh năm 1854, trong một gia đình nghèo làm nghề nông và tiện gỗ ở xã Nhị Khê, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Nội. Dù là một gia đình nghèo nhưng lại trọng chữ nghĩa, các bậc thân sinh đã phải cầm cố đất đai để cho Lương Văn Can và người em là Lương Ngọc Lâm theo nghiệp đèn sách. Sự hiếu học của một gia đình nghèo đã giúp đất nước có thêm một tên tuổi lớn.

Thuở thiếu thời, rất may mắn chàng thanh niên Lương Văn Can đã sớm được theo học bởi một người thầy có tinh thần yêu nước. Đó là cụ Tú Liêm, người mà sau đó đã có những hoạt động chống Pháp và bị quân Pháp bắt. Ngay từ khi chưa đỗ đạt, Lương Văn Can đã được biết đến qua một hành động rất dũng cảm: một mình dám đứng lên xin xác thầy dạy, cụ Tú Liêm - một nhà nho yêu nước có các hoạt động chống Pháp và bị Pháp bắn chết, bêu đầu ở phủ Hoài Đức - về để mai táng. Hành động này của Lương Văn Can thời đó đã được triều Nguyễn khen là người có nghĩa. Những năm tiếp theo, Lương Văn Can lại may mắn được học bởi một người thầy tài đức, tâm huyết với nghề dạy học và không màng danh lợi, đó là cụ cử Nguyễn Huy Đức (thôn Vũ Thạch, huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội).

Năm 20 tuổi, Lương Văn Can đi thi và đỗ cử nhân tại trường thi Hương Hà Nội. Năm sau đó, năm 1875, Lương Văn Can thi Hội và vào tới nhị trường. Được triều đình bổ nhiệm làm quan nhưng ông đã không nhận chức mà về nhà mở trường dạy học. Hành động từ

chối chốn quan trường trong lúc chính quyền đã rơi vào tay kẻ thù, khiến người đời nề phục, coi Lương Văn Can là nhà nho tiết nghĩa và khí phách. Sau này, cụ cử Can có ghi lại trong *Hành trạng*: “Ta vốn điềm đạm, pháp trực, không ưa chỗ náo nhiệt, thấy vận nước gian nan, tài mình thô sơ, vẫn chỉ thủ tuyết ở nhà dạy học.”

Trong tình hình đất nước rối ren, cách hành xử của cụ khi đó là cách hành xử thông thường của những nhà nho yêu nước và bất lực trước thời thế. Song, việc “thủ tuyết” ấy không chỉ đơn giản là hành động “mũ ni che tai”, trốn mình trong vỏ ốc để quên thế sự. Căn nhà số 4 Hàng Đào từ lâu đã trở thành chốn vào ra của các danh nhân Hà Thành và anh em bốn phương. Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh cũng từng lui tới đây để bàn việc lớn. Theo lời kể của Đào Trinh Nhất, “mấy năm trước khi xuất dương, Sào Nam tiên sinh thường ra Bắc hà, cốt tìm những bạn thanh khí đồng tâm, có thể cùng nhau bàn bạc đại sự. Không một chuyến nào ông Giải Phan xứ Nghệ khét tiếng hay chữ, lại quên ghé thăm cụ cử Lương ở phố Hàng Đào.” Mọi người tin tưởng cụ Lương, vì sự thâm trầm, từng trải và là người có tấm lòng lớn với sự nghiệp của đất nước. Và trường Đông Kinh Nghĩa Thục chính là thành công từ các cuộc hội đàm giữa những con người tâm huyết vì vận mệnh đất nước. Những chí sĩ yêu nước nhận định, muốn đấu tranh trước hết phải nâng cao trình độ của người dân, khai hóa văn minh, xây dựng kinh tế đất nước, dần dần giáo dục tinh thần tự cường, lòng yêu nước. Và làm được việc khai dân trí thì chỉ có thể lựa chọn một công cụ giáo dục là đặc sách nhất.

Ngôi nhà của Lương Văn Can đã trở thành tâm điểm hội tụ hai luồng tư tưởng Đông Du và Duy tân trong những năm đầu thế kỷ 20.

Trước tiên, phải tự khai trí cho mình

Là người nhiều tuổi nhất trong số các chí sĩ yêu nước sáng lập Đông Kinh Nghĩa Thục, hậu thế khi nhìn lại cuộc đời Lương Văn Can đã không khỏi ngạc nhiên khi ở tuổi ngũ tuần mà cụ vẫn rữ bỏ được tư tưởng nho gia để đón luồng gió mới của phương Tây. Bình thường, để trở thành nhà trí thức cấp tiến đã là một điều không đơn giản với một nhà nho trẻ tuổi đã từng tôi rèn từ nhỏ trong môi trường khoa cử, thấm nhuần đạo Khổng, lại càng khó hơn với một nhà Nho

tuổi đã sang bên kia nửa cuộc đời. Hành động “đổi bút lông sang bút sắt”, nhanh chóng đón luồng triết học phương Tây của cụ Lương Văn Can khiến người đời khâm phục, đồng thời cho thấy cái Tâm và cái Tầm của một chí sĩ yêu nước.

Trong suốt một thời gian dài chứng kiến cảnh triều đình Nguyễn bất lực, nhượng bộ từng phần dân đất đai cho người Pháp, Lương Văn Can cũng như biết bao nhà nho yêu nước thời đó, cảm thấy bất lực trước thời cuộc, dù đã cố gắng xoay trở tìm cách góp sức cho tổ quốc. Đã có thời gian cụ tự ghi tên ra ứng cử vào hội đồng thị chính thành phố Hà Nội, với mong muốn dùng tiếng nói của mình đấu tranh giúp cho dân bớt được cảnh lầm than chùng nào hay chùng đó. Song cụ cũng sớm nhận ra đó là một việc làm vô nghĩa, bởi cái chức vụ tưởng như rất to tát này hóa ra chỉ là chiếc ghế mà người ngồi trên đó không có chút quyền hành nào: trong số 18 ghế ủy viên thì người Pháp chiếm tới 16 ghế và mọi quyết định của hội đồng này đều phải được thông qua Thống sứ Bắc kỳ hoặc Toàn quyền Đông Dương phê duyệt. Người Việt ngồi đó hóa ra chẳng thể ho he được gì nếu muốn đưa ra những ý kiến có lợi cho người dân mình... Nhiều bạn bè thời đó thắc mắc về hành động này, cụ Can cho hay: “Dẫu từng ứng cử làm nghị viện tỉnh, nghị viện thành phố, nhưng nghĩ mình làm nghị viện mà không có quyền phát nghị đương lúc hội đồng, bất quá chỉ vâng vâng dạ dạ, chỉ như con tròn ứng thanh, không làm gì cho tổ quốc xã hội được, bèn từ về.” Từ đó, cụ mở một trường tư mang tên Ôn Như tại số 4 Hàng Đào, chuyên tâm vào việc đào tạo những lớp trí thức trẻ có tâm, có tài cho đất nước. Rất nhiều những học trò của cụ sau này tham gia vào các tổ chức cách mạng, nhiều người đóng góp tiền bạc cho các tổ chức yêu nước. Ấu đó cũng là một đóng góp âm thầm nhưng thật đáng quý của cụ cho tổ quốc.

Trong những ngày tháng Lương Văn Can từ chối chốn quan trường về mở trường tư dạy học, căn nhà số 4 Hàng Đào trở thành nơi lui tới của nhiều nhà nho yêu nước. Các cụ trao đổi với nhau về tình hình thế sự. Một cơ hội cho cụ đón nhận những luồng gió tư tưởng mới mẽ đã tràn vào Việt Nam bằng rất nhiều con đường khác nhau. Đồng thời, cụ Can cũng đã nghiên cứu học tập một số bậc tiền

bồi có tư tưởng duy tân như Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch... Đó là những người ít nhiều được hấp thu nền văn minh phương Tây, đã từng đề nghị triều đình Nguyễn thực thi những chính sách mới, mang tính cách mạng cho đất nước: khai trí cho dân, học tập công nghệ của phương Tây, chấn hưng nền kinh tế... Những nhà yêu nước như Nguyễn Lộ Trạch đã chỉ ra nguyên nhân suy vong của một quốc gia và đề ra những kế sách cần kíp cho đất nước thoát khỏi con đường bế tắc... Song các đề nghị này chỉ được triều đình nhà Nguyễn thực thi một cách nhỏ giọt, những kết quả của nó chẳng thể làm thay đổi được tình hình đất nước. Những hạt giống tư tưởng mới không có đất để nảy mầm tại kinh đô Huế, một nơi vốn đầy rẫy sự bảo thủ và trì trệ. Dầu vậy, những tư tưởng mới mẻ của các bậc tiền bối này đã gây một tiếng vang trong giới trí thức tiến bộ trên toàn quốc. Thời đó, những tác phẩm *Thiên hạ đại thế luận*, *Quy ưu lục*, *Thời vụ sách* của Nguyễn Lộ Trạch như những ngọn đuốc chân lý giúp nhiều nhà nho bừng tỉnh.

Trong những năm cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, tình hình thế giới đã thay đổi một cách nhanh chóng. Ngay tại Trung Quốc, cái nôi của nền văn minh mang đậm dấu ấn của Khổng giáo, thì làn sóng duy tân đã ào ạt tràn sang, khiến cho xã hội biến động nhanh chóng như trải qua những cơn địa chấn lớn. Nhiều trường học mở ra với phong trào đổi mới trong cách dạy, cách học và các nhà trí thức tiến bộ hô hào bài trừ những hủ tục lạc hậu có cội rễ cả ngàn năm ở đất nước ta. Đặc biệt, cuộc Duy tân năm 1868 thành công đã giúp Nhật trở dậy thành một cường quốc, sau đó liên tiếp đánh thắng Trung Hoa (1894 - 1895) và Nga (1904 - 1905), tiếng tăm vang lừng khắp Á - Âu. Các chí sĩ Việt Nam thời đó vô cùng xúc động và hồ hởi khi một nước đồng chủng da vàng đã làm được một kỳ tích như vậy. Đặc biệt, dư âm của cuộc cách mạng tư sản Pháp cũng đã vang tới tận Việt Nam.

Hàng loạt các cuốn sách đã được các nhà Duy tân Trung Hoa dịch sang tiếng Hán và rất nhanh chóng, các tài liệu này lặn lẽ vào Việt Nam bằng nhiều con đường. Những chí sĩ yêu nước thời đó đã được làm quen với Montesquieu, Vontaire, Jean-Jacques Rousseau của Pháp hay các cuốn sách, những bài báo của Khang Hữu Vi,

Lương Khải Siêu - những nhà duy tân của Trung Quốc. Các nhà nho tiến bộ của chúng ta đã nhận ra sự lỗi thời của Khổng giáo trong hoàn cảnh lịch sử hiện tại, nhìn thấy được những lạc hậu của chế độ phong kiến đồng thời rất ngưỡng mộ sự phát triển vượt bậc của văn minh phương Tây.

Những tưởng một nhà nho như cụ Lương Văn Can, từng đỗ đạt cao, tuổi cũng đã lớn, một thời gian dài mở trường vẫn dạy học theo lối cũ, sẽ không thể bắt kịp làn sóng duy tân. Song rất may cụ Cử có một tinh thần học hỏi và cầu tiến, đã nhanh chóng tiếp thu những tư tưởng mới của thời đại, đổi mới tư duy, mở rộng nhãn quan. Trong sâu kín tâm can của cụ chính là nỗi trăn trở con đường đi cho đất nước. Cũng như bao trí thức thời đó, câu hỏi canh cánh trong lòng cụ Cử là: phải làm gì đây để đổi thay vận nước? Thực dân Pháp với chiêu bài khai hóa càng lúc càng siết chặt gọng kìm đô hộ. Các cuộc khởi nghĩa lẻ tẻ nổ ra trên cả nước bị triều đình Huế và thực dân Pháp đàn áp, đã gần như tiêu tan hết. Rõ ràng, không thể đấu tranh bằng phương pháp cũ để giành độc lập dân tộc trước một kẻ thù mạnh như Pháp. Những chí sĩ duy tân như Phan Châu Trinh đã kêu gọi: phải khai dân trí cho nhân dân để từng bước một đấu tranh giành lấy dân quyền và nhân quyền.

Nhưng muốn khai trí cho dân, trước tiên phải khai trí cho chính mình. Đó là con đường duy nhất lúc đó để một người không còn trẻ trung sung sức có thể cống hiến mình cho tổ quốc.

Vậy là cụ Cử mái tóc phơ bạc *đêm đêm chong đèn ngốn ngấu đọc những tài liệu duy tân.* Những tư tưởng nhân đạo, dân quyền, tự do, bình đẳng của cách mạng Pháp như mở ra trong cụ một con đường mới. Trong niềm xúc động, cụ đã làm một bài thơ để ngợi ca cuộc cách mạng Pháp 14.7.1789.

Từ khi tiếp thu được những tư tưởng mới, Lương Văn Can đã thay đổi. Nhà văn Hoài Anh kể rằng, những tư tưởng mới này đã giúp cụ thay đổi cả tâm tính. Từ một thầy giáo nghiêm khắc, nóng tính đối với học trò và con cái trong gia đình, cụ đã trở nên mát tính, không bao giờ đánh mắng học trò và con cái nữa. Trước kia, Lương Ngọc Quyến, người con trai có xu hướng thích nghiệp võ, chê nghiệp

văn thường xuyên bị cha dùng thước gỗ đầu, thì sau đó Quyển cũng được cha cho tùy thích với nghiệp võ. Cụ hiểu ra rằng cần để mỗi cá nhân phát huy tối đa những thiên hướng của họ, không thể gò ép được... Có thể nói, nhờ những tư tưởng mới, cách nhìn về cuộc sống của Lương Văn Can đã thay đổi một cách cơ bản từ gốc rễ.

Tự học hỏi những kiến thức tiến bộ của nhân loại để đổi mới mình đã giúp Lương Văn Can trở thành một nhà nho có tư tưởng cấp tiến và hết lòng ủng hộ những xu hướng đấu tranh tiến bộ.

* * *

Hậu thế đã nhận định, Lương Văn Can và Phan Châu Trinh là hai người có công đầu trong việc sáng lập ra mô hình trường Đông Kinh Nghĩa Thục. Thời đó, khi phong trào duy tân khá rầm rộ trên khắp rẻo đất miền Trung - quê hương của hai vị chí sĩ họ Phan - cụ cử Can chính là một trong những mắt xích kết nối các anh em yêu nước Hà thành với các miền trong cả nước.

Người đời sau khi ôn lại sự khai sinh của trường Đông Kinh Nghĩa Thục vẫn không quên nhắc về cuộc họp mặt lịch sử vào năm 1906 của những chí sĩ yêu nước như Phan Bội Châu, Tăng Bạt Hổ, Phan Châu Trinh Nguyễn Quyền, Đỗ Chân Thiết, Lương Trúc Đàm... dưới mái nhà số 4 Hàng Đào để đưa ra quyết định sáng lập ra một ngôi trường mới với một hoài bão vĩ đại là nâng cao dân trí cho dân tộc.

Sự có mặt của Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu trong cuộc họp này chính là hai gương mặt đại diện cho hai đường lối đấu tranh ôn hòa và bạo động theo xu hướng mới của đất nước thời kỳ ấy. Khi đó, tại miền Trung, phong trào Duy Tân được khởi phát bởi Phan Châu Trinh, đã đạt được những thắng lợi ban đầu, còn công cuộc Đông Du của cụ Sào Nam cũng có những thành tựu nhất định - chuyển ghé về Hà Nội năm 1906 của cụ cũng là vì mục đích vận động thanh niên xuất dương. Hai danh sĩ yêu nước lấy lòng thời dù rất gần bó với nhau song họ lại đi trên hai con đường riêng: Phan Bội Châu thì chủ trương dựa vào lực lượng của Nhật để đấu tranh bằng con đường bạo động; còn Phan Châu Trinh lại chủ trương đấu tranh bằng con

đường công khai, ôn hòa, từng bước giành những quyền tự chủ, bình đẳng cho dân tộc.

Dù có những bất đồng về đường lối, song hai phái bạo động và duy tân đã thống nhất để đi đến việc thành lập một ngôi trường duy tân, mở những lớp học không thu tiền, nhằm khai dân trí - càng nhiều người đến học thì càng tốt cho việc nâng cao trình độ của người dân trong xã hội.

Các nhà chí sĩ yêu nước đã đồng tình với nhận định: Người Việt thua Pháp vì sự lạc hậu, yếu kém về kinh tế, văn hóa, chính trị. Muốn đấu tranh giành được quyền tự chủ thì trước hết phải mở mang dân trí, nâng tầm hiểu biết của người dân lên. Khi dân trí cao, kinh tế, văn hóa cũng sẽ phát triển và đồng thời người dân sẽ nhận ra trách nhiệm của mình trước tổ quốc. Việc chấn hưng giáo dục nên làm trước nhất, để nhanh chóng khắc phục sự yếu kém của người Việt, bồi dưỡng những nhân tài, nhanh chóng hội nhập với nền văn minh thế giới, tìm được một chỗ đứng cho quốc gia trong cộng đồng thế giới. Đó là một tư tưởng rất tiến bộ vào thời bấy giờ.

Điều gì khiến cho hai phái bạo động và ôn hòa đã đi đến chỗ cùng nhất trí trong quan điểm đấu tranh bằng công cụ mới - khai dân trí - như vậy?

Nguyễn Hiến Lê đã thuật lại trong Đông Kinh Nghĩa Thục về cuộc gặp gỡ giữa hai phái bạo động và ôn hòa trên căn gác tàu mã tại nhà Lương Văn Can:

“Cụ Sào Nam kể lai lịch cùng chí hướng của Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, những lời hứa hẹn của các chính khách Nhật rồi bàn lẽ phải nhờ sức viện trợ của Nhật.

Cụ Nguyễn Quyền đứng dậy nói:

Theo ngu ý, như vậy e sa vào cái lối “tiền môn cự hổ, hậu hổ tiến lang”^[2].mất.

Cụ Sào Nam bênh vực quan niệm của mình, đại ý nói, không nhờ ngoại viện thì gắng sức cũng chỉ gây được thanh thế như cụ Phan Đình Phùng là cùng, không sao thắng nổi Pháp.

Cụ Lương đứng ra hòa giải:

Tôi nghĩ, ngoại viện và tự cường phải đồng thời tiến hành mới nên.”

Từ đó, đường lối cách mạng của các cụ, kể cả cụ Sào Nam, là một mặt tiến hành giải phóng dân tộc bằng biện pháp võ trang, mặt khác đấu tranh công khai hợp pháp nhằm tuyên truyền giáo dục quốc dân, cải cách kinh tế xã hội để phục vụ cho cuộc đấu tranh võ trang”.

Câu nói của Lương Văn Can trong tình hình mâu thuẫn giữa hai phái duy tân ôn hòa và duy tân bạo động thời đó được đánh giá như một sự giảng hòa sự bất đồng trong đường lối đấu tranh của các chí sĩ yêu nước. Lương Văn Can dường như đã vượt lên trên những tư tưởng đương thời - cụ nhìn ra được con đường mà cuộc cách mạng giải phóng dân tộc tất phải đi qua.

Vì nghiệp lớn, di sản tổ tiên không nên tiếc

Đấu tranh công khai ôn hòa kết hợp bạo động là sự lựa chọn của Can Lương Văn Can. Cụ đã ủng hộ hết mình sự hoạt động của cả hai phái Đông Du và Duy Tân. Và sự đóng góp trên mặt trận đấu tranh nào cụ cũng dồn toàn bộ tâm lực.

Ngay trong thời kỳ đầu của phong trào Đông Du, khi các chí sĩ theo tư tưởng bạo động như Phan Bội Châu, vận động những người yêu nước xuất dương sang Nhật du học để từ đó tìm đường cứu nước, sự đóng góp của Lương Văn Can âm thầm nhưng rất to lớn. Tháng 1.1806, Phan Bội Châu về nước để vận động các anh tài trong nước đi du học, mở đầu cho quá trình đông du. Cụ đã tìm được 3 người để đưa sang Nhật. Tháng 10.1905, khi cụ Phan đặt chân tới Yokohama (Nhật Bản) đã hết sức bất ngờ khi đã thấy Lương Ngọc Quyến đợi sẵn cụ ở đó. Tiếp theo là con thứ của cụ Can, Lương Ngọc Nhiễm và 4 người học trò của Lương Văn Can lên đường sang Nhật. Như vậy, mở đầu phong trào Đông du, trong số 9 thanh niên du học, cụ cử Can đã có công đóng góp thầy 6 người (trong đó có 2 con trai). Để “hợp thức hóa” cho việc 2 con đi Nhật du học, cụ đăng báo về việc con bỏ nhà đi sang nước ngoài. Việc làm này cho thấy cụ Ôn Như là người rất kín kẽ, biết lường trước tính sau, chắc chắn và sáng suốt.

Đối với Lương Văn Can, mọi con đường đều để đi đến mục tiêu cuối cùng: giành lại độc lập tự do cho dân tộc. Đó là mục đích cao cả nhất và thiêng liêng nhất mà cụ theo đuổi suốt cuộc đời.

* * *

Mô hình trường Đông Kinh Nghĩa Thục lập ra với mong muốn là nơi để các nhà nho tiến bộ thực truyền bá những tư tưởng mới để nhanh chóng làm thay đổi cơ bản về trình độ dân trí và nền kinh tế đất nước.

Là một trong những thành viên sáng lập ra Đông Kinh Nghĩa Thục, cụ Cử Can khi đó vừa đảm nhiệm việc biên tập sách giảng dạy đồng thời vừa là một người nắm giữ “tay hòm chìa khóa” cho nhà trường. Theo dõi việc thu chi quả là không dễ dàng đối với những nhà nho từ nhỏ đã cặm cụi với bút lông để đi theo con đường khoa bảng, dẫu vậy, cụ vẫn tình nguyện đảm nhận công việc này. Căn nhà của cụ còn là ký túc xá cho một số học sinh quá nghèo tá túc. Quả là không hề phóng đại khi nhận định rằng gia đình của Lương Văn Can hồi đó đã cống hiến hầu như toàn bộ tâm sức, trí lực và tài sản cho ngôi trường với giấc mơ khai trí dân quốc.

Những ngày đầu tiên mở trường, số kinh phí để duy trì trường đều do các thành viên sáng lập đóng góp và một số nhà hảo tâm yêu nước. Nhưng chỉ ít lâu sau, số người theo học đã lên tới vài trăm. Lúc này, để duy trì cho trường hoạt động phải cần đến nguồn kinh phí rất lớn. Các đóng góp của các sĩ phu tiến bộ và những nhà hảo tâm cũng bắt đầu thưa dần, lòng tốt của con người đến mấy thì cũng có giới hạn, bởi ai cũng phải lo kinh tế cho gia đình riêng của họ. Gia đình cụ Can do đã đóng góp nhiều lần cho trường và các tổ chức cách mạng đưa người ra nước ngoài học tập, nên dù việc buôn bán vẫn rất phát đạt thì ngân quỹ gia đình cũng không thể cáng đáng nổi những chi tiêu của trường. Tình hình tài chính của Đông Kinh Nghĩa Thục rơi vào tình thế “nước sôi lửa bỏng”, phải cần ngay một số tiền để duy trì cho bộ máy của trường ngày một phình to ra: nào tiền in sách, tiền ăn cho mấy chục người, tiền trả một khoản phí nhỏ mang tính chất “tượng trưng” cho các thầy giáo... Và các khoản tiền này ngày một tăng. Sau những đắn đo, cụ đề nghị với cụ bà bán tiệm buôn Quảng Bình An ở phố Hàng Ngang để dồn tiền cho trường học.

Không ngần ngại, phu nhân đồng ý trước đề nghị hết sức bất ngờ của chồng. Hiệu buôn bán đi được 7.000 đồng, số tiền này được xung vào quỹ chi tiêu của trường. Cụ Cử vô cùng cảm kích trước tấm lòng của người vợ hiền, người đã giúp chồng theo trọn con đường phụng sự tổ quốc. Hiệu buôn ấy ngoài là một sản nghiệp lớn thì nó còn có ý nghĩa thiêng liêng là một món hồi môn. Sau này, bà cử kể lại cái quyết định chóng vánh thời đó: *“Tôi cầm bút ký tờ đoạn mãi mà tay run lên. Từ nhỏ, có bao giờ dám động tới di sản của tổ tiên đâu. Bán cửa hiệu đó xong, độ một tháng sau trường bị đóng cửa, nếu không, tôi không biết sẽ phải dùng cách nào để kiếm tiền.”*

Sau này, Phan Bội Châu càng kính phục và trân trọng tấm lòng Lương Văn Can vì từ cha đến con đều thiết tha yêu nước và hết sức hăng hái tham gia vào phong trào đấu tranh giành độc lập. Cụ Cử đã “xuất tiền hàng nghìn hàng vạn” để tiếp tế cho phong trào Đông Du trong những giai đoạn khó khăn nhất, khi mà mật thám Pháp giăng lưới khắp nơi, cả trong nước và ở nước ngoài. Phan Bội Châu đánh giá lòng yêu nước của cha con cụ Lương là “không sợ tổn tiền, không ngại đổ máu”.

IV. Công cuộc “khai dân trí, chấn dân khí”

Mới mẻ thay luồng gió canh tân

Ngoài giảng dạy, thì mỗi tháng trường có 2 buổi diễn thuyết trước công chúng vào ngày rằm và mồng một. Những hoạt động diễn thuyết diễn ra rất sôi nổi, mỗi buổi diễn thuyết đã thu hút một lượng thính giả vô cùng đông đảo. Đây là một trong những hoạt động tuyên truyền rất hiệu quả của Đông Kinh Nghĩa Thục. Những đề tài diễn thuyết đều được xoay quanh mục đích chính: làm sao truyền được các kiến thức mới cho người dân, xóa bỏ dần những hủ tục lạc hậu tồn tại trong xã hội hàng ngàn đời; đồng thời cũng là tiếng chuông đánh thức lòng yêu nước, tính tự cường vốn lâu nay hầu như đã bị vùi sâu bởi những nhọc nhằn của cuộc mưu sinh và nỗi sợ hãi của thân phận người dân trong một đất nước nô lệ. Cụ Lương Văn Can, người cao tuổi nhất với vẻ điềm đạm, chững trạc rất đáng kính, thường giữ vai trò chủ tọa. Các diễn giả thường xuyên như Dương Bá Trạc, Nguyễn Quyền, Nguyễn Văn Vĩnh... thì trái lại, rất sôi nổi và phóng khoáng. Họ đều là những người tiên phong trong cách ăn mặc mới: quần tây, áo cánh, cắt tóc và để răng trắng. Con trai thứ của cụ Lương Văn Can là Lương Trúc Đàm, trở thành một trong những nhà giáo, nhà diễn thuyết đầy nhiệt huyết. Dân chúng Hà Thành cũng đặc biệt tán thưởng một diễn giả rất hăng hái và có cách diễn thuyết đầy cuốn hút đó là Phan Châu Trinh. Mỗi lần có dịp ra Bắc là cụ lại tham gia vào việc diễn thuyết trước hàng ngàn người dân. Các cuộc đăng đàn diễn thuyết đôi khi trở thành những cuộc tranh luận rất sôi nổi và bình đẳng của các diễn giả. Để hô hào bỏ tục để tóc dài, cụ Phan đã nói một cách hùng hồn:

“Mấy ngàn năm trước dân tộc ta “đoạn phát văn thân”^[1]. Từ khi bị Triệu Đà cướp nước, mới nhiễm tục Trung Hoa, nhưng chỉ một số người ở thành thị theo họ thôi. Tới khi nhà Minh chia nước ta thành quận huyện, cưỡng bách toàn dân ăn mặc như họ, thì trai bới tóc, gái mới mặc quần hai ống, và người mình thành người Tàu. Ngày nay,

may mà trời mở lòng người, một sớm thức tỉnh, cả nước duy tân, anh em cắt phăng cái búi tóc đi khiến cho cái lũ xuẩn xuẩn vi trùng không còn đất thực dân trên đầu ta mà hút máu ta thì há chẳng phải là đại khoái ư? Sao, anh em mình sao?” Tiếng cười, tiếng hoan hô vang cả phòng.”[2]

Cách diễn thuyết của các nhà nho ta quả là đầy thâm ý! Qua việc vận động dân chúng bỏ búi tóc củ hành, các cụ cũng khéo léo “gài” vào đó tinh thần yêu nước và chống thực dân. “Lũ xuẩn xuẩn vi trùng” - chấy rận - là hình ảnh bóng gió của thực dân Pháp đang lợi dụng sự u mê của người dân để hút máu, để bóc lột, nếu người dân đổi mới thì sẽ không còn cảnh lầm than như vậy nữa. Quả là một tác phẩm tuyên truyền đầy hào hứng, ý vị và sâu sắc. Từ đó dấy lên một phong trào cúp tóc khắp Bắc, Trung, Nam - một hình ảnh của những công dân duy tân, ái quốc.

Hình thức diễn thuyết đã lôi kéo và thức tỉnh đồng bào ở nhiều địa phương trên cả nước. Thậm chí, người ta đã có bài về khuyết danh miêu tả không khí hồ hởi và nhộn nhịp của các buổi diễn thuyết, bình văn:

Buổi diễn thuyết, người đông như hội

Kỳ bình văn khách, đến như mưa

Bài về này nhanh chóng lan xa, uy tín của trường càng như sóng cồn. Lương Văn Can cũng ghi lại Trong *Hành Trạng*: “Chỉ mới 5-6 tháng mà học trò gần 600 người, khi diễn thuyết thì người đến nghe đông như hội”. Trong số các thính giả, ngoài tầng lớp dân thường là các nhà nho, nông dân, thậm chí có cả những gương mặt của các viên chức, binh lính và quan lại. Điều đó cho thấy tầm ảnh hưởng và sự cuốn hút của các tư tưởng mới từ phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục đến đời sống của nhân dân thật là mạnh mẽ. Một món ăn tinh thần vô cùng phong phú, hấp dẫn, mới mẻ vào thời kỳ đó.

Từ những buổi diễn thuyết này, các thơ văn cổ vũ lòng yêu nước và tinh thần đổi mới đã đi sâu vào các tầng lớp nhân dân, thổi bùng lên những phong trào đổi mới như cắt tóc, ăn mặc Âu hóa, phản đối việc dùng tiền sắt do Pháp đúc... Các hoạt động giảng dạy, diễn thuyết này đã lan ra các vùng phụ cận. Trường ban đầu ở số 4 Hàng

Đào, sau mướn thêm căn số 10 và ngoài ra còn được mở 4 phân hiệu tại Hà Đông và Sơn Tây. Nhiều trường lớp mô phỏng Đông Kinh Nghĩa Thục được mở ra ở các tỉnh lân cận khác như Thái Bình, Hưng Yên, Bắc Ninh, Hải Dương... Các phong trào này hòa với các phong trào Duy tân ở miền Trung rồi ở Sài Gòn... đã tạo nên một làn sóng Duy tân trên khắp đất nước.

Những tư tưởng duy dân của các nhà nho lập trường Đông Kinh Nghĩa Thục còn được lan xa, lan rộng nhờ sự ủng hộ của những tờ báo tiến bộ thời đó. Hai cơ quan ngôn luận chính cho Đông Kinh Nghĩa Thục là *Đăng Cổ Tùng Báo* do Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ bút phần quốc văn và *Đại Việt Tân Báo* do Đào Nguyên Phổ làm chủ bút. Hai nhân vật này rất nổi tiếng thời đó. Nguyễn Văn Vĩnh, một trong những sáng lập viên của Đông Kinh Nghĩa Thục và phụ trách dạy Việt Văn và Pháp Văn cho Đông Kinh Nghĩa Thục. Đào Nguyên Phổ thì dạy Hán Văn. Những bài viết giàu tâm huyết trên hai tờ báo này đã góp phần không nhỏ làm thay đổi, đánh bật tận gốc rễ rất nhiều hủ tục và tư duy lạc hậu của người dân nước Việt.

* * *

Dù tài liệu giảng dạy của Đông Kinh Nghĩa Thục đã mất mát đi gần hết, song những gì còn lại đến ngày nay, khi giờ lại cũng đủ làm hậu sinh xúc động. Xúc động vì lòng nhiệt thành của một lớp người dũng cảm, đã dùng trí tuệ, sự khôn khéo để truyền bá những tư tưởng tiến bộ đến các tầng lớp nhân dân trong một hoàn cảnh rất đặc biệt. Xúc động bởi rất nhiều điều các cụ nói ra cách đây gần 1 thế kỷ mà đến nay vẫn còn rất tươi mới, nguyên giá trị. Đó là những tư tưởng vượt thời gian.

Quốc Dân Độc Bản là một tài liệu giảng dạy rất quan trọng của Đông Kinh Nghĩa Thục, là tập hợp tư tưởng tiến bộ mà các nhà nho, trong đó có Lương Văn Can, dày công biên soạn ra. Một cuốn sách đã đề cập đến hầu hết các vấn đề trong xã hội như chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, giáo dục... Ngay lời mở đầu của *Quốc Dân Độc Bản*, các tác giả đã chỉ ra các triều vua chúa trước kia không chú trọng vào giáo dục quốc dân. Trong khi đó “phàm một nước mà không có giáo dục quốc dân, thì trăm họ u mê, không biết quốc gia là

gì, chính trị là gì. Trên có vua hiền, chính phủ có tướng giỏi, nhưng trăm họ thì như bù nhìn, chỉ nghe theo lệnh của chính phủ, bước từng bước một. Cho nên dân chỉ có thể tĩnh mà không có thể động. nước yếu mà không đại trị thì gặp một biến cố nhỏ sẽ như gặp nước sôi lửa bỏng, không tài nào thu xếp được...”

Cuốn sách có đề cao truyền thống lịch sử và chỉ ra sự tụt hậu của đất nước. Một nước khai hóa rất sớm, có văn tự, lịch toán,... từ mấy ngàn năm trước, với những truyền thống dựng nước và giữ nước oai hùng. Trong khi các nước mới khai hóa như Âu Mỹ, dù muộn màng nhưng họ lại có những bước nhảy vọt cực kỳ nhanh chóng, thì đất nước ta suốt một thời kỳ dài không hề có sự đổi thay nào đáng kể: “Dụng cụ của ta đều cũ kỹ, lạc hậu, đồng ruộng hoang vu, dân đói rách, chưa bỏ thói ngang ngạnh, tính nô lệ vẫn còn.” Và cuốn sách đã cảnh tỉnh dân chúng về sự lạc hậu trì trệ của cả một dân tộc: “Than ôi! Khai phá sớm như thế kia, mà tiến bộ chậm như thế này! Thật là đáng tiếc! Dân ta chớ nên cho khai phá sớm là vinh, mà nên cho tiến bộ chậm là nhục. Trong thế giới ngày nay cạnh tranh rất là ác liệt, cùng nhau tiến bộ thì sinh tồn, không tiến bộ bằng người thì không có ngày tự lập. Không thể như trăm năm trước, cứ đóng cửa mà trị dân, dù không tiến bộ cũng có thể ngồi mà giữ nước.”

Các nhà chí sĩ thời đó đã luận bàn rất sâu sắc về vấn đề văn minh: “Các nước trên địa cầu tất phải từ dã man mà khai hóa thành văn minh. Văn minh rồi, nhưng tiến bộ nhanh hay chậm, trình độ cao hay thấp, còn tùy. Văn minh không có giới hạn, càng tiến thì càng cao. Có thể nói nước kia văn minh hơn nước này, nhưng lại không thể nói văn minh nước kia đã đạt đến cực điểm. (...) Bàn về văn minh nước ta, khuyết điểm còn nhiều nhưng không có gì phải lo, chỉ phải tiến nhanh lên mà thôi.” Phải tiến nhanh lên - đó là một khẩu hiệu, một lời kêu gọi đồng bào cùng gắng sức lao động để bắt kịp khoa học công nghệ mới, thoát khỏi sự lạc hậu về kinh tế và văn hóa. Phương châm đó vẫn đúng đắn và mới mẻ trong thời đại mới. Khi bàn về khẩu hiệu “phải tiến nhanh lên mà thôi”, Nguyễn Khắc Mai (Hội Khuyến học Việt Nam) từng nhận xét: “Lời nói đã 100 năm cũ mà vẫn như rất mới, như là nói với chính chúng ta hôm nay vậy. Có thể coi *Quốc Dân Độc Bản* là một tuyên bố đổi mới. Còn hơn là một

tuyên bố, đây chính là một cương lĩnh chấn hưng dân tộc mở đầu thời hiện đại của nước ta. Những thanh niên nào quan tâm đến vận nước, giờ đây nên giờ lại trang sách xưa và tìm ở đấy những tâm huyết, những tình cảm, những dự báo của tiền nhân.”[3]

Trong mối quan hệ giữa nước và dân, đó là một mối quan hệ của cây và rừng - không có cây hợp lại thì không có rừng. Và một nước thật sự mạnh, đó là dân phải mạnh. “Nước mạnh hay yếu là do dân. Nước có dân như thân thể có tứ chi và các bộ phận khác. Chưa hề có tứ chi và các bộ phận khác yếu mà thân thể lại mạnh. Cũng chưa hề có dân yếu mà nước lại mạnh(...). Dân mạnh thì nước yếu thì có thể chuyển thành mạnh, và mạnh lâu dài. Dân nước ta có ưu điểm là an phận, thành thực, nhẫn nại. Không biết lợi dụng những ưu điểm ấy thì sẽ sinh ra ba cái tệ. Một là, bảo thủ mà không biết tiến thủ. Hai là, dựa vào người mà không biết tự lập. Ba là, yên thân mình, nhà mình mà không biết ái quần, ái quốc.”

Quốc Dân Độc Bản còn đề cập tới lòng yêu nước - một tình cảm rất tự nhiên của mỗi con người. Song, yêu nước, theo các nhà nho cấp tiến, không phải là lời nói suông. Mỗi người phải thể hiện lòng yêu nước bằng chính hành động của mình, “phải có dũng khí làm cho thế lực của chúng ta mở rộng ra thành nước lớn”, phải “rèn luyện tinh thần công thủ và chiến thắng”; với những tài nguyên thiên nhiên mà đất trời ban tặng thì chúng ta phải “dốc tâm tư, tài lực ra, phát huy những của cải tiềm tàng ấy”. Và với truyền thống lịch sử hơn bốn nghìn năm, thì người yêu nước là người phải biết “mài sắc ý chí tiến thủ mà tự cường không nghỉ, khiến cho nền văn minh của nước ta cao tột bậc. Lòng yêu nước còn thể hiện ở việc không miệt thị văn tự của tổ tông truyền lại khi tiếp thu nền văn hóa nước ngoài... Những nhà chí sĩ yêu nước ấy chứa chan hi vọng vào một ngày mai tươi sáng: “Biết đâu thế kỷ XX này, thế giới da vàng chúng ta chẳng phải là do thiếu niên chúng ta xây dựng? Chỉ sợ chúng ta không có lòng yêu nước thật sự mà thôi.”

Khi nói về ý chí tiến thủ, *Quốc Dân Độc Bản* khẳng định: “Nước nào có nhiều người có ý chí tiến thủ thì nước đó mạnh.” Và đó là lý do vì sao mà người châu Âu đã vươn thế lực ra khắp toàn cầu. Trong

khi đó “dân ta đại để bảo thủ mà không biết tiến thủ. Sở dĩ bảo thủ, một là do “tri túc”, hai là do “hiếu cổ”.(...) Người ngày nay mà không muốn hơn người ngày xưa thì vả mình không tiến. Nước yếu thì sẽ bị nước văn minh hơn thôn tính. (...) sống thời buổi cạnh tranh ngày nay, đạo lý của tự cường là: họ tiến một bước, mình cũng phải tiến một bước.

Và nỗi bi thảm của một quốc gia không được độc lập đó là: “Người Âu xâm chiếm nước ta, tham vọng của họ rất lớn, mà lòng khinh ghét của họ đối với người giống khác cũng rất ghê. Cho nên, nước ta phụ thuộc họ thì họ ngấm ngấm thay đổi ngôn ngữ, văn tự của ta, tiêu diệt tận gốc lòng yêu nước của nhân dân ta, đánh tô thuế rất nặng làm cho nhân dân ta khốn đốn tuyệt đường mưu sinh. Họ lấy uy binh mà trấn áp, lấy trọng pháp mà ngăn ngừa để đoạt quyền tự do của dân ta. Họ là chủ nước thì họ hưởng quan cao, lộc hậu; còn dân nước nô lệ thì gánh chịu việc nặng, việc hèn.”

Ngoài ra, *Quốc Dân Độc Bản* là một trong những tài liệu đầu tiên của Việt Nam đề cập đến các vấn đề tư bản, thông thương, các khái niệm về ngân hàng như trái phiếu, hối phiếu, séc; khái niệm về công ty, về mậu dịch...

Như vậy, bên cạnh việc giảng dạy về đạo đức, cung cấp các kiến thức về mô hình nhà nước mới của Nhật Bản, Trung Quốc, các kiến thức thực tiễn giúp người dân thực nghiệp,... thì điều hết sức quan trọng là các chí sĩ muốn truyền vào các tầng lớp trong xã hội sự thức tỉnh lòng yêu nước, ý chí chiến đấu giành độc lập cho dân tộc, ý thức được thân phận yếu kém, nhục nhã của một dân tộc bị nô lệ. Và con đường để giành được thắng lợi là mỗi người thân phải tự ý thức được mình, phải tiến lên phía trước để tiến kịp văn minh nhân loại, đua tranh với các nước văn minh trên toàn thế giới.

Quốc Dân Độc Bản là những tư tưởng tiến bộ của các nhà nho yêu nước của Đông Kinh Nghĩa Thục, trong đó, chúng ta không thể không nhắc tới công lao của nhà giáo, nhà trí thức Lương Văn Can - người vừa tham gia giảng dạy, lại đứng đầu trong ban Tu thư, chỉ đạo việc biên soạn các tài liệu giảng dạy cho Đông Kinh Nghĩa Thục.

Những nhà nho xung phong làm kinh tế

Một trong những phong trào rất tích cực hồi đó để cải cách đất nước phải kể đến việc chấn hưng công thương. Các nhà nho Đông Kinh Nghĩa Thục nhận định, phải khai dân trí, hướng người dân vào thực nghiệp: mở các hiệu buôn, khuyến khích dân dùng hàng nội hóa, đầu tư vào khai mỏ, lập đồn điền...

Hàng loạt bài thơ phú, bài vè đã cổ vũ cho việc buôn bán, lập thương hội, mở đồn điền... Chẳng hạn, người thời đó rất hăng hái ủng hộ phong trào buôn bán, hợp thương. Trong *Bài ca khuyên hợp thương* của cụ Trần Quý Cáp cho thấy một không khí hợp buôn bán rất sôi nổi:

... Bỏ bạc tiền ra để buôn chung
Người có của kẻ có công
Xem nhau lại đem lòng thân ái
Hiệp bãi cát gây nên non Thái
Hiệp ngàn dòng nên cái biển Đông
Mới gọi rằng hào kiệt, anh hùng...

Trong *Quốc Dân Độc Bản* có hẳn một chương cổ vũ “Nước ta nên chấn hưng thực nghiệp”, trong đó có đoạn: “Nói về văn minh thì nước ta đã có nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp từ lâu rồi, và dân ta cần kiệm, chỉ có, tinh xảo. Về tài nguyên thiên nhiên thì khắp nước đều có sông ngòi đủ tưới tiêu, bờ bãi ven sông lắm phù sa, thích hợp cho trồng trọt. Rồi mỏ than, mỏ sắt đâu cũng có, không kể hết. Nước như vậy mà dân vẫn nghèo, vì nguyên nhân nào thì chúng ta cũng biết. Phẩm vật là do nông nghiệp, công nghiệp mà có phẩm vật càng nhiều càng hay. Chức nghiệp cũng không hạn chế. Thương nghiệp tuy không làm ra phẩm vật nhưng lại làm cho phẩm vật do công nghiệp, nông nghiệp làm ra lưu thông, không ứ đọng. Do đó, nông, công, thương đều là thực nghiệp, làm giàu cho đất nước. Thực nghiệp càng phát triển, nước càng giàu.”

“Thực nghiệp càng phát triển, nước càng giàu” - đó là một con đường mới để đưa đất nước đi lên. Nhiều thành viên của Đông Kinh Nghĩa Thục bắt tay vào làm kinh tế để thực thi chính các học thuyết của họ đề xướng, vừa để có tiền đóng góp cho tổ chức. Dù không

được thành công lắm về mặt tài chính đối với nhà trường song phong trào chấn hưng thực nghiệp của các chí sĩ Đông Kinh Nghĩa Thục đã là một ngọn đuốc tiên phong trong việc phát triển kinh tế trên nhiều miền đất nước.

Chuyện nhà nho tiên phong trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh là một trong những đề tài được bàn luận rất sôi nổi. Quả thực, đây là một trong những bước tiến bộ vượt bậc trong bối cảnh xã hội lúc bấy giờ, như một tấm gương chói sáng về thực nghiệp. Trước kia, trong xã hội phong kiến theo thứ tự nghề nghiệp - sĩ, nông, công, thương - thì buôn bán bị xếp vào cuối bảng. Triều đình chỉ chú trọng vào đối tượng kẻ sĩ, coi đó là một nghề cao quý nhất. Trong tác phẩm *Quốc Dân Độc Bản* - một trong những tài liệu được coi như tuyên ngôn của Đông Kinh Nghĩa Thục, các soạn giả cũng đã lên án “thói thường” những kẻ hủ nho: “Phàm những kẻ biết đôi chút từ chương là đã vênh vang tự cho mình là sĩ, không thềm đứng chung hàng với nông, công, thương, họ cho là hèn hạ, gọi là dân buôn, dân thợ, dân cúng, ngu dốt, thậm chí có kẻ không thềm nói đến vài vóc, thóc gạo nữa!” Và nay, để thay đổi quan niệm này, các nhà nho cần phải tự đứng ra làm một cuộc cách mạng để đổi mới nếp nghĩ, cách làm, nâng cao tầm quan trọng của công thương, đưa nghề này lên vị trí dẫn dắt trong nền kinh tế. Chính các cụ phải là người làm gương, là những người xung phong vứt bỏ mọi danh vị, bằng cấp để bước vào con đường làm giàu vì cộng đồng. Và, theo các nhà duy tân thời đó, làm giàu cũng là một cách để cứu nước, bởi dân có giàu thì nước mới mạnh được.

Nhiều hội buôn ra đời, có sự tương hỗ lẫn nhau về kinh nghiệm và bí quyết làm ăn. Một phong trào rầm rộ đã kéo theo nhiều thành công về kinh doanh trong cả nước. Tuy nhiên, các nhà nho hầu hết là chỉ giỏi về văn chương, thơ phú, việc buôn bán quả là còn nhiều bỡ ngỡ, khó khăn nên nhiều trường hợp không tránh khỏi thất bại. Đầu tiên là hội buôn gạo của Đỗ Chân Thiết và Phương Sơn: Mua gạo ở Hải Dương, Thái Bình, về Hà Nội bán. Do không có kinh nghiệm nên các cụ đã bị thua lỗ. Sau đó, Đỗ Chân Thiết cùng một số người lập hội buôn Đồng Tế Lợi ở phố Mã Mây, chuyên buôn bán hàng nội hóa, rồi

mở thêm hiệu Tụy Phương chuyên buôn bán thuốc Bắc. Hai thành viên quan trọng của Đông Kinh Nghĩa Thục là Hoàng Tăng Bí và giám học Nguyễn Quyền cũng cùng nhau mở công ty Đông Thành Xương ở Hàng Gai, vừa buôn bán hàng tạp hóa vừa làm công nghệ như dệt xuyên hoa đại đóa, ướp trà sen. Hồi đó, các sản phẩm của hai cụ làm ra được khách hàng đánh giá chất lượng không kém gì hàng nước ngoài. Ngoài ra có các công ty Nghiêm Xuân Quảng buôn bán the lụa Thái Bình; công ty Đông Ích dệt và xuất khẩu lụa .v.v. Tiếp đó, phong trào lập hội kinh doanh còn được lan dần ra các tỉnh. Khẩu hiệu *Chấn hưng nội hóa, bài trừ ngoại hóa* không chỉ có tác dụng thúc đẩy nền kinh tế phát triển mà còn là một trong những hành động cổ vũ tinh thần tự cường, lòng yêu nước. Các cụ đã dũng cảm đứng lên cạnh tranh với kinh tế tư bản Pháp và Hoa kiều. Trong không khí đầy phấn chấn, khẩu hiệu *Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam*, và *Dùng hàng nội là yêu nước* lan truyền trong người tiêu dùng, như kích thích thêm phong trào thực nghiệp và tinh thần tự cường dân tộc.

Những cái tên như Liên Thành thương quán ở Bình Thuận, Triều dương thương quán ở Nghi Lộc- Nghệ An, các cơ sở Minh Tân ở Nam kỳ... chịu ảnh hưởng từ phong trào Duy Tân của Phan Châu Trinh, đã hòa chung với phong trào thực nghiệp của Đông Kinh Nghĩa Thục, tạo thành một làn sóng trên toàn quốc. Đặc biệt, cơ sở sản xuất nước mắm Liên Thành làm ăn phát đạt, đóng góp nhiều cho các phong trào yêu nước và sau này đã từng dự đấu xảo thuộc địa Pháp tại Marseille vào năm 1922, xuất khẩu sang các nước trong khu vực - cũng ảnh hưởng từ phong trào Duy Tân do Phan Châu Trinh phát động.

Nguyễn Hiến Lê kể lại trong cuốn *Đông Kinh Nghĩa Thục*: “Phong trào kích thích đồng bào tới nổi vài quan lớn đương thời cũng khảng khái xin nghỉ việc để về nhà đi buôn. Như cụ Nghiêm Xuân Quảng đương làm án sát Lạng Sơn, cáo quan về mở hiệu buôn tơ ở Hàng Gai (hay Hàng Quạt?) và chính cụ ngồi cân tơ.” Quả là một hình ảnh rất sinh động và lạ lùng thời đó. Khó ai hình dung ra cảnh một vị quan lớn có thể bỏ quan trường để trở thành một nhà buôn, không phẩm

hàm, không chức tước, từ sáng tới tối bận bịu với chuyện buôn bán bán. Cụ Nghiêm là một minh chứng tuyệt vời nhất cho sự lên ngôi của nghề kinh doanh trong thời kỳ đó và cũng là bằng chứng về sự tiên phong cho các nhà nho: vứt bỏ công danh, chức tước để đi tiên phong trên con đường củng cố nền kinh tế.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, có hai tên tuổi được lưu danh đó là Độc tướng quân và Bùi Đình Tá. Độc tướng quân không rõ tên tuổi, cũng là một nhà nho học giỏi nhưng không thích con đường khoa cử. Ông hưởng ứng phong trào duy tân đã lên Yên Bái mở đồn điền Yên Lập, rộng tới 50 mẫu, song do không có người làm (cái tên Độc tướng quân được đặt cho con người này bởi vì ông một mình lao động nơi rừng thiêng nước độc) nên cuối cùng cũng thất bại. Bùi Đình Tá, vốn con nhà quan, được học trường Tây, một người Tây học nhưng có tinh thần yêu nước. Cụ đã mở một đồn điền ở Mỹ Đức (Hà Tây) làm nơi nuôi dạy trẻ mồ côi, như một cô nhi viện đầu tiên ở Việt Nam. Song do thiếu vốn nên sau vài vụ mất mùa cụ đã không còn cầm cự được, phải giải thể.

Thời đó, các nhà nho dù không có kiến thức gì về địa chất, nhưng cũng hăng hái đi vào lĩnh vực khai mỏ và đã tìm ra một số mỏ than, mỏ chì, mỏ kẽm. Công cuộc khai mỏ dở dang thì bị dẹp vì trường Đông Kinh Nghĩa Thục bị thu hồi giấy phép hoạt động.

Nhìn lại lịch sử giai đoạn này, chúng ta không khỏi ngạc nhiên và thú vị khi đã có một thời kỳ các nhà nho hăng hái quảng bút nghiên xông ra thị trường làm kinh tế. Thành tựu mà lớp trí thức thời đó đạt được từ phong trào thực nghiệp không phải chỉ đánh giá dựa trên yếu tố lợi ích kinh tế cho cơ sở trường, vì tổ chức của các hội buôn này vẫn còn mạnh mún và mang tính chất cá nhân nhiều hơn; song cái lớn hơn là các nhà nho đã phá bỏ được quan niệm khinh công thương vốn đã ăn sâu bám rễ vào đầu óc người Việt, kêu gọi nhân dân khắp nơi tham gia phong trào làm kinh tế, mang tầm vóc thương nghiệp đại quy mô. Đúng như Nguyễn Văn Xuân đã nhận xét trong *Phong trào duy tân*: “Nếu nó thành công, nghĩa là phong trào duy tân không bị quét sạch, thì thương nghiệp dẫn theo sự phát đạt lớn lao của công kỹ nghệ sẽ đủ sức đưa kinh tế mậu dịch Việt Nam lên một

độ cao. Nó sờ dĩ lên cao, lên mạnh, cải tiến, hoàn thiện được là vì đã trút được phần nào lối giấu nghề, lối vị kỷ, theo phương thức đã thâm căn cố đế trong xã hội ta, khiến công nghệ không ra khỏi xóm làng. Dưới sự hướng dẫn của các nhà nho yêu nước, chỉ biết ngày đêm kêu gọi hợp tác, hợp quần, trao đổi kinh nghiệm, đẩy mọi ngành, mọi nghề tiến lên không phải vì mục đích tư lợi thôi, mà còn vì mục đích cứu nước, chắc chắn kinh tế mật dịch sẽ có những bước tiến mới.”

Các nhà nho yêu nước đã đưa ra một quan niệm mới cho tinh thần yêu nước: yêu nước là phải hành động như thế nào để đưa đất nước sánh ngang với các nước tiên tiến trên thế giới.

V. “Lò phiến loạn Bắc Kỳ”

Hoạt động trong trường Đông Kinh Nghĩa Thục là các danh sĩ mà trong đó tự hình thành theo hai phái: phái bạo động và phái ôn hòa. Đường lối hoạt động của những chí sĩ Đông Kinh Nghĩa Thục theo chủ trương ôn hòa của Phan Châu Trinh, đấu tranh công khai với Pháp một cách khéo léo, từng bước giành lại dân quyền và nhân quyền.

Theo như đánh giá của Nguyễn Hiến Lê thì hai phái ôn hòa và bạo động “chung sống hòa bình” với nhau, hầu như không xảy ra mâu thuẫn đối kháng. Tất nhiên, vì nằm ngay giữa Hà Thành, Pháp luôn giăng mật thám dò la khắp nơi, thì không dễ dàng cho phái bạo động thực hiện các hành động mang tính bạo động. Họ chỉ thể hiện ngầm trong các bài giảng và một số hành động bí mật. Tuy vậy “nhiều cụ lại quá hăng hái” và đây là gót chân Asin để thực dân Pháp tóm được.

Trong *Lương Văn Can và phong trào Duy Tân - Đông Du*, Lý Tùng Hiếu có đề cập đến vấn đề này: “Song song với việc phát động phong trào mở trường, lập hội kinh doanh, một số thành viên Đông Kinh Nghĩa Thục còn có những hoạt động ám trợ cho phái Đông Du - bạo động. Các cụ Nguyễn Quyền, Dương Bá Trạc, Hoàng Tăng Bí tích cực vận động và tuyển chọn người để gởi đi du học. Các cụ Vũ Hoành, Lê Đại, Nguyễn Quyền, Nguyễn Hữu Cương thì hăng hái vận động những người ghét Pháp và cùng với các binh lính người Việt đóng trong thành Hà Nội cũ bàn kế hoạch nổi dậy hưởng ứng lời kêu gọi bạo động cứu nước của Phan Bội Châu.v.v.”

Cũng không ít lần tại các buổi diễn thuyết, những người đăng đàn đã bàn về lòng yêu nước một cách sôi nổi. Do vậy, không khó gì để thực dân Pháp đánh hơi được sự nguy hiểm của Đông Kinh Nghĩa Thục. Cụ Lương Văn Can, một con người luôn chọn cách ứng xử rất khôn khéo, kín kẽ trước kẻ thù, đã tiên liệu trước được nguy cơ này. Theo Nguyễn Hiến Lê, một số chí sĩ đã hành động vượt hẳn ra ngoài đường lối của Đông Kinh Nghĩa Thục như mua và chở khí giới về Hà

thành, đưa thanh niên lên Yên Thế gia nhập nhóm nghĩa quân của Đề Thám...

Không thể kiểm soát được các hành động của phe bạo động, cụ cử Can e sợ trường sẽ bị Pháp đóng cửa. Ai cũng hiểu rằng, việc duy trì một Đông Kinh Nghĩa Thục ngay giữa lòng địch, đấu tranh bằng con đường công khai là một hoạt động quan trọng không kém gì con đường đấu tranh bằng vũ trang. Chính Lương Văn Can đã đề chủ trương tách hội viên ra làm hai phe ôn hòa và bạo động. Người theo chủ trương ôn hòa sẽ ở lại điều hành Đông Kinh Nghĩa Thục, phái bạo động sẽ phải ra đi, lập một tổ chức riêng để hoạt động. Như vậy mới giữ được sự an toàn cho nhà trường. Mọi người đồng tình với ý kiến trên, song chưa kịp thực thi phương án tách nhóm thì trường đã bị đóng cửa.

* * *

Đông Kinh Nghĩa Thục bị đóng cửa có nhiều nguyên nhân. Từ lâu, mật thám Pháp đã dò la thu thập thông tin về các hoạt động của trường. Những cuộc diễn thuyết ngay từ đầu đã gây cho Pháp cảm giác khó chịu và bất an. Dù không đi vào các đề tài chống nhà cầm quyền một cách vũ mạt, song những cách tuyên truyền luôn khéo léo “gài” vào đó những lời kêu gọi sự thức tỉnh nhân tâm, hướng người dân ý thức được thân phận nô lệ. Ý thức tự cường dân tộc như những hạt giống vùi sâu trong đất, nay được gặp cơn mưa rào, đã bung lên thành những mầm cây tươi tốt.

Mật thám đã thu thập được nhiều bằng chứng bất lợi cho nhà trường. Những bài vè, bài thơ cổ vũ lòng yêu nước của nhân dân, rồi việc người dân không chịu dùng tiền sắt cũng xuất phát từ một bài thơ tuyên truyền ngấm ngầm, được người Pháp cho là có nguồn gốc từ Đông Kinh Nghĩa Thục.

Người Pháp không ngờ rằng một ngôi trường vừa mở ra được vài tháng mà thanh thế đã ngùn ngụt. Đi tới đâu người ta cũng nói về Đông Kinh Nghĩa Thục. Ý thức phản kháng của nhân dân dân trước những chính sách của Pháp dần dần mạnh lên. Người ta bắt đầu nói nhiều đến nhân quyền, dân quyền... Và rõ ràng đó là một dấu hiệu không lấy gì làm tốt đẹp cho “nhà bảo hộ Pháp” lúc bấy giờ.

Qua việc khai dân trí, tinh thần đấu tranh của người dân được khơi dậy và không ngừng được nâng cao. Trường Đông Kinh Nghĩa Thục là một trong những ngôi trường đi theo phong trào Duy Tân trong cả nước thời đó, nhưng nó lại nổi bật, sáng chói như một hiện tượng rất lạ kỳ, thu hút sự chú ý và sự hưởng ứng của nhân dân trong cả nước. Thậm chí, rất nhiều các danh sĩ ở các tỉnh thành khác đã khăn gói tìm đến Thục trưởng Lương Văn Can và các nhà sáng lập Đông Kinh Nghĩa Thục để xin tài liệu giảng dạy, học tập mô hình của trường đem về áp dụng cho địa phương mình.

Trong một bản báo cáo, toàn quyền Klobukowsky đã đề cập tới những ảnh hưởng của Đông Kinh Nghĩa Thục như sau: “Hàng loạt thơ ca truyền miệng đã đưa vào tới những vùng thôn quê hẻo lánh. Có những áng văn, những bài thơ đã kích từ ngoài nước bí mật chuyển về, đem rải khắp trong đô thị... Các cuộc thẩm vấn ở tòa đại hình cho chúng ta biết phương pháp hành động của bọn phát ngôn cho phong trào chống chọi ấy. Họ đọc thuộc lòng những đoạn thơ ca đem một tinh thần yêu nước rất kích động.

Họ đi khắp Đông Dương, tổ chức những buổi họp mặt bí mật và đọc những điều răn mà khẩu khí hùng hồn làm cho thêm phần linh hoạt, và một mặt nữa, vẻ bí mật bao phủ xung quanh họ cũng làm cho câu chuyện họ nói có một sức quyến rũ hơn nữa.”

Và như vậy, Đông Kinh Nghĩa Thục trở thành nỗi lo lắng của người Pháp. Nó như cái gai trong mắt - một cái “lò phiền loạn” ở Bắc Kỳ đang ngày một mạnh lên và đã đến lúc phải nhổ bỏ.

Vào một ngày tháng 1.1908, thực dân Pháp bắt ngờ ập vào trường Đông Kinh Nghĩa Thục, thu hồi giấy phép của trường, khám xét, tịch thu tài liệu, đồ dùng giảng dạy. Pháp lấy lý do trường có xu hướng chính trị chống “mẫu quốc” và có nhiều dấu hiệu cho thấy có liên quan tới các hoạt động chống Pháp của tổ chức mà Phan Bội Châu đang điều hành ở nước ngoài.

Trước đó, vào 11.11.1907, Pháp ra lệnh đóng cửa tờ *Đăng cổ tùng báo* - một cơ quan ngôn luận của Đông Kinh Nghĩa Thục. Những người sáng lập ra trường đã có dự cảm rằng một ngày không xa trường sẽ bị khám xét, nên đã giấu đi hầu hết những tài liệu bí mật.

Do vậy, Pháp không có được bằng chứng gì để kết tội những người trong tổ chức của Đông Kinh Nghĩa Thục.

* * *

Đông Kinh Nghĩa Thục bị đóng cửa, các hoạt động diễn thuyết cũng bị cấm. Đây là một tổn thất lớn của phong trào yêu nước Duy Tân. Song, nhờ những hoạt động giáo dục, tuyên truyền của phong trào Duy Tân trên phạm vi rộng, nhất là ảnh hưởng to lớn của ngôi trường Đông Kinh Nghĩa Thục - dù trường này chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn - mà tinh thần đấu tranh của nhân dân trên cả nước đã rất sôi nổi và nóng bỏng.

Sức ép của chính sách thuế khóa quá hà khắc đã dồn người dân vào cảnh điêu đứng. Trong dân gian lúc đó truyền nhau bài về chống thuế:

Các hạng thuế Pháp càng tăng mãi

Thuế đình, điền rồi lại thuế bò

Thuế chó cũi, thuế lợn lò

Thuế muối, thuế rượu, thuế đò, thuế xe

Thuế tất cả, trầu cao, chè thuốc...

Bên cạnh đó, chế độ công suru đầy bất công với người nghèo đã làm cho cuộc sống dân nghèo vốn đã khổ cực nay lại càng khổ cực chất chồng.

Nhờ sự tuyên truyền dưới hình thức công khai, ý thức phản kháng của quần chúng lan truyền đi rất nhanh. Cuối năm 1907, đã có nhiều cuộc diễn thuyết lan đến tận những xóm làng hẻo lánh, kêu gọi việc đấu tranh kháng suru, kháng thuế. Và nơi châm ngòi đầu tiên là ở huyện Đại Lộc tỉnh Quảng Nam: vào tháng 3.1908, hơn 300 người làm việc ở mỏ than Nông Sơn đã kéo nhau về Hội An, đòi gặp bằng được viên công sứ Pháp, yêu cầu nhà cầm quyền phải nhận đơn khiếu nại... Phong trào kháng suru, kháng thuế nhanh chóng lan ra nhiều huyện khác của Quảng Nam. Dân chúng vùng lên tham gia vào cuộc biểu tình, ồ ạt kéo nhau về Hội An - trung tâm đầu não của tỉnh. Những người biểu tình mang theo kéo, chặn đường cắt tóc của bất cứ ai họ gặp, nếu người đó còn để tóc dài. Những người biểu tình

gọi nhau là đồng bào, do vậy mà phong trào này có tên là “Giặc đồng bào” hay cuộc dân biến “hót tóc, xin râu”. Người biểu tình trải chiếu ở ngoài cổng dinh quan công sứ, nấu ăn tại chỗ, thay phiên nhau chờ nộp đơn khiếu nại, cho dù bị đàn áp nhưng tinh thần của dân chúng không hề suy giảm.

Từ Quảng Nam, phong trào này đã lan ra Bình Định, Phú Yên, Nha Trang, Thanh Hóa... Đoàn biểu tình đi đến đâu là quan phủ đều trốn mất vì sợ bị người dân túm cổ cúp tóc!

Thấy tinh thần đấu tranh của dân chúng lên cao, thực dân Pháp không còn có thể ngồi yên với chiêu bài dân quyền nữa. Tháng 4.1908, chúng đã ra lệnh cho quân lính xả súng vào đám đông, bắt bớ dân chúng, thẳng tay đàn áp phong trào.

Phong trào kháng sưu kháng thuế này đến tháng 5.1908 thì tan rã do sự đàn áp đẫm máu của chính quyền thực dân. Nhiều nhà cách mạng của Đông Kinh Nghĩa Thục đã bị bắt, xử tử hoặc lưu đày, cho dù chúng không nắm được trong tay các bằng chứng rõ ràng.

Một sự kiện tiếp theo đó là vụ đầu độc binh lính Pháp ở Hà Nội xảy ra vào 27.6.1908. Đây là một kế hoạch khá quy mô của anh em binh lính người Việt trong quân đội Pháp, sau khi đầu độc lính pháp sẽ kết hợp với quân của Hoàng Hoa Thám để chiếm Hà Nội. Song do nguồn tin bị rò rỉ ra ngoài nên kế hoạch đánh úp Hà Nội không thành. 200 lính Pháp bị đầu độc bằng cà độc dược, tuy không gây ra tử vong song đã làm náo loạn hàng ngũ kẻ địch.

Toàn Hà Thành rơi vào tình trạng báo động đỏ. Những cuộc truy quét bắt bớ người của quân đội Pháp tiến hành khắp nơi. Quân lính tuần tiễu khắp mọi ngả đường, cho không khí của thành phố vô cùng căng thẳng.

Trong cuộc truy quét này, một lần nữa nhiều anh em trong tổ chức Đông Kinh Nghĩa Thục lại bị đưa về đồn tra hỏi, trong đó không ít người bị bắt giam chờ ngày xét xử.

* * *

Hậu quả của sự đàn áp đối với phong trào cách mạng Duy tân thời đó rất nặng nề. Có thể gọi đó là một cuộc khủng bố đẫm máu đối

với lực lượng hoạt động phong trào Đông Du cũng như nhân dân cả nước.

Những bản án dành cho các nhà cách mạng được thực thi bởi chính công cụ của Pháp đó là triều Nguyễn dưới thời vua Duy Tân, khi đó mới ở tuổi lên 9. Trong phong trào này, có 435 người phải chịu án, trong đó có những cái tên rất quen thuộc của phong trào Duy tân nói chung và Đông Kinh Nghĩa Thục nói riêng: Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Tiểu La Nguyễn Thành, Trần Cao Vân, Trần Quý Cáp, Ngô Đức Kế... Cụ Trần Quý Cáp bị xử chém ngang lưng ngay tại Nha Trang. Phan Châu Trinh ban đầu bị kết án tử hình, sau hạ án xuống còn mức đi đày ra Côn Đảo. Phan Bội Châu bị tử hình vắng mặt. Sau sự kiện này, tờ *Đại Việt Tân báo* cũng bị đóng cửa.

Sau vụ Hà Thành đầu độc, nhiều thành viên của Đông Kinh Nghĩa Thục đã bị đưa ra xét xử và bị kết án. Nguyễn Quyền, Lê Đại, Vũ Hoàn bị án chung thân khổ sai, Dương Bá Trạc 15 năm tù, Hoàng Tăng bí ban đầu bị kết án đi đày ra Côn Đảo 5 năm sau đó nhờ sự can thiệp của nhạc phụ là Thượng thư Bộ học Cao Xuân Dục nên án giảm xuống, chỉ bị đưa an trí ở Huế.

Lương Văn Can cũng bị triệu vào đồn để thẩm tra. Theo Nguyễn Hiến Lê, cụ Cử Can được mời vào dinh tổng đốc Hà Đông Hoàng Trọng Phu. Vốn cũng xuất thân từ giới nho sĩ, Hoàng Trọng Phu cũng phải nể vì một người dám từ chối lộc quan như cụ Cử Can, nên cách đón tiếp có phần trịnh trọng. Viên tổng đốc khuyên cụ khai ra mọi chuyện. Lương Văn Can với vẻ khoan thai của một thực trưởng, ôn tồn đáp: “Chúng tôi mở Nghĩa Thục để giúp chính phủ khai hóa dân trí, và chính phủ đã cho phép. Từ khi chính phủ rút phép thì chúng tôi thôi, không hoạt động gì cả.” Việc hai con xuất dương được lôi ra làm bằng chứng buộc tội, cụ cử Can bình tĩnh giải thích, rằng việc hai con trốn ra nước ngoài, cụ đã thông báo rộng rãi ở nhật trình Tây. Nhờ những lý lẽ rất sắc sảo, hợp lý và vẻ ung dung của một nhà nho đáng kính, viên tổng đốc này buộc phải để cụ về.

Sự tổn thất về lực lượng còn kéo theo sự tổn thất về kinh tế. Một loạt các hội buôn danh tiếng được thành lập trong phong trào Duy Tân và do các thành viên Đông Kinh Nghĩa Thục khởi dựng ở Hà

Thành như Đồng Lợi Tế, Tụy Phương, Đông Thành Xương, Hồng Tân Hưng bị đóng cửa.

Cuộc khủng bố trắng năm 1908 đã khiến Đông Kinh Nghĩa Thục thực sự bị tan vỡ. Sự đổ vỡ ấy kéo theo biết bao bi kịch: đó là cảnh bắt bớ, tù đày, đầu rơi máu chảy. Những người không bị bắt thì cũng bị mật thám theo dõi. Một không khí lo sợ, hoang mang bao trùm khắp Hà thành. Trong khi đó tháng 10.1908, Pháp đã bắt tay với Nhật và chính phủ Nhật đã giải tán tất cả các du học sinh Việt Nam đang du học tại Nhật, trục xuất khỏi nước Nhật. Như vậy, phong trào Đông Du đến thời điểm này cũng đã bị đàn áp.

Những chí sĩ trong phái Đông Du - bạo động của Phan Bội Châu sau khi bị trục xuất khỏi nước Nhật, đã phải trôi dạt sang Quảng Đông, Trung Quốc, tiếp tục con đường học tập, đấu tranh trong một hoàn cảnh hết sức khó khăn. Lương Văn Can đã âm thầm kết nối với tổ chức này. Năm 1910 cụ gửi hai thanh niên là Dư Tất Đạt (sau đổi tên thành Dương Quốc Uy) và Lâm Đức Mậu. Đây là những hạt nhân quan trọng thành lập tổ chức Tâm Tâm xã tại Quảng Châu năm 1923. Tổ chức này đã cử người về nước liên lạc với Lương Văn Can để xây dựng cơ sở trong nước. Tâm Tâm xã ở nước ngoài cũng đã làm được một số việc rất có ý nghĩa, như tổ chức ám sát toàn quyền Đông Dương tại Sa Diện - dù việc bắt thành nhưng Tiếng Bom Sa Diện đã góp phần thức tỉnh tinh thần yêu nước của người dân Việt; đào tạo ra một thế hệ chiến sĩ cộng sản đầu tiên như Lê Hồng Phong, Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu...

Trong những ngày tháng Hà Thành bị mật thám giăng lưới khắp nơi, các hoạt động yêu nước chỉ được thực hiện một cách bí mật và cực kỳ khôn khéo. Những đồng tiền tích góp từ hoạt động kinh doanh của gia đình được cụ gom góp lại thành từng món để gửi ủng hộ cho các tổ chức yêu nước. Đó là hành động yêu nước rất thiết thực của cụ cử Can lúc bấy giờ. Những món tiền lớn đã bằng nhiều con đường để đi sang Quảng Châu, tới tay các anh em đang học tập và làm cách mạng, trong thời điểm đó vô cùng túng quẫn. Những khoản chi viện của cụ như những cơn mưa trong mùa hạn. Sau khi đưa hai thanh niên sang Quảng Đông, Lương Văn Can đã tìm cách gửi cho Phan Bội Châu số tiền 250 đồng. Với số tiền quỳên góp được được

500 đồng, tháng 10.1910 Phan Bội Châu cùng với các chiến sĩ sang nước Xiêm mở trại ấ cày cấy, lập cơ sở để chờ thời cơ mới. Ngoài ra, cụ cử Can còn gửi tiền cho các chiến sĩ cách mạng Đông Du để có vốn mở một hiệu buôn ở Long Châu (Quảng Tây). Lý Tùng Hiếu đã nhận xét về hành động này của Lương Văn Can: “Những hoạt động chi viện của Lương Văn Can vào thời điểm chông gai ấy thật là dũng cảm, nếu chúng ta biết rằng vào ngày 7.2.1910, Phan Bội Châu và 4 đồng chí của cụ ở hải ngoại một lần nữa bị Tòa án Nam Triều tỉnh Nghệ An kết án tử hình vắng mặt!”

* * *

Ngày 26.4.1913, cả thành phố Hà Nội như rung chuyển bởi tiếng bom phát ra từ khách sạn Hà Nội. Một cuộc tấn công bất ngờ của một nhóm người yêu nước đã khiến quân Pháp một phen hốt hoảng, náo loạn. Cuộc tấn công đã giết chết 2 thiếu tá Pháp và làm bị thương 6 tên khác. Vậy là chỉ trong một thời gian ngắn, Pháp đã bị 2 đòn tấn công bất ngờ. Cách đó ít hôm, vào ngày 12.4, vụ đánh bom tại Thái Bình đã giết chết tuần phủ Thái Bình Nguyễn Duy Hàn khét tiếng độc ác - một tay sai trung thành của Pháp. Đây là những hoạt động của một số đồng chí trong tổ chức Việt Nam Quang Phục Hội mới về nước. Các cuộc tấn công này nhằm phô trương thanh thế của một tổ chức vừa được thành lập, gây được tiếng vang trong công luận.

Những cuộc tấn công này một mặt đã làm cho Pháp lo lắng, nhưng đồng thời cũng gây ra một thiệt lớn về lực lượng mà có lẽ thời đó các chiến sĩ cách mạng của ta chưa thể lường hết được. Quân Pháp điên cuồng đàn áp, lục soát để truy tìm ra lực lượng cách mạng. Hành động trả đũa lần này làm cho cả Hà thành rơi vào không khí tang tóc. Cuộc truy quét đã bắt giữ 254 người, trong đó Lương Văn Can cũng là một trong những nhân vật bị Pháp nghi ngờ có dính líu tới bạo động.

Trong thời gian trước đó, Lương Văn Can đã móc nối liên lạc với các chí sĩ yêu nước của Việt Nam Quang Phục Hội, có những cuộc mật đàm với tổ chức này. Bước vào tuổi 59, cụ cử Can nung nấu quyết tâm làm một chuyến xuất dương để được sát cánh cùng cùng

các anh em chiến sĩ làm cách mạng. Các kế hoạch trên đã bị đổ bể sau sự kiện đánh bom Hà Thành.

Đó là những ngày mà không chỉ gia đình cụ lo lắng mà cả những học trò và những người dân Hà thành thấp thòm cho số phận của cụ cùng với các đồng chí yêu nước khác. Giặc Pháp khi đó đã siết chặt gọng kìm đô hộ, triều đình Nguyễn ở Huế bị vô hiệu hóa thành một thứ bù nhìn. Những “mầm mống phản loạn” nổi lên lập tức chúng tìm mọi cách để nhổ sạch tận gốc.

Sau rất nhiều cuộc tra hỏi, thẩm vấn và bắt bớ, phải 4 tháng sau, Pháp mới đưa những người bị bắt ra xét xử. Ngày 5.9.1913, hàng loạt bản án đã được đưa ra: 7 chiến sĩ bị tử hình là Phạm Văn Tráng, Nguyễn Khắc Cần, Phạm Đệ Quý, Vũ Ngọc Thụy, Phạm Hoàng Quế, Phạm Hoàng Triết, Phạm Văn Tiến. Sáu người bị xử tử vắng mặt là Phan Bội Châu, Cường Để, Nguyễn Văn Túy, Nguyễn Trọng Thường, Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Bá Trắc. Ngoài ra là hàng loạt những bản án chung thân, khổ sai... Cụ Lương Văn Can vì tuổi già sức yếu nên được Hội đồng đề hình của thực dân “châm chước” cho mức án 10 năm lưu đày sang Nam Vang (Phnom Penh, Campuchia). Con trai cụ Lương Ngọc Bân cũng bị phạt 10 tháng tù giam.

Một loạt các chiến sĩ yêu nước hoạt động ở nước ngoài bị Pháp truy đuổi và bắt giữ, trong đó có Phan Bội Châu bị bắt ở Quảng Đông, Cường Để phải lưu vong sang châu Âu, Phan Châu Trinh ở Paris cũng bị bắt giam vào tháng 9.1914 và phải đến tháng 7.1915 mới được thả. Những tổ chức cách mạng trong và ngoài nước hầu như bị tan rã gần hết vào thời điểm đó.

* * *

Đông Kinh Nghĩa Thục chỉ tồn tại trong 9 tháng. Nhưng 9 tháng đó các chí sĩ yêu nước đã làm cho dân tộc đạt được những bước tiến dài, có thể so sánh bằng bước tiến của nhiều thế kỷ trước. Đông Kinh Nghĩa Thục như ngọn đuốc sáng soi vào sự tăm tối của nhân dân, giống một tiếng chuông mạnh mẽ làm thức tỉnh lương tri, ý thức tự cường, nỗi đau mất nước. Đông Kinh Nghĩa Thục cũng giúp người dân hiểu được tầm quan trọng của thực nghiệp. Lần đầu tiên trong lịch sử nghề kinh doanh buôn bán được đề cao, như một công

cụ để vươn lên, tranh đua cùng các cường quốc trên thế giới. Đây cũng là lần đầu tiên trong lịch sử các nhà nho vứt bỏ phẩm hàm để chuyển sang làm kinh doanh, buôn bán.

Chỉ trong 9 tháng tồn tại, Đông Kinh Nghĩa Thục đã làm được phép màu: hâm nóng được bầu nhiệt huyết yêu nước trong nhân dân. Sự vùng lên trong phong trào chống thuế, vụ Hà Thành đầu độc hay cuộc tấn công bằng bom vào sứ quan Pháp ở khách sạn ở Hà Nội là hệ quả tất yếu khi người dân ý thức được sự bóc lột dã man của Pháp và thân phận mất nước.

Nói đến tầm ảnh hưởng to lớn của Đông Kinh Nghĩa Thục, chúng ta không thể không nhắc tới ngọn đuốc tinh thần của phong trào này đó là thực trưởng Lương Văn Can, người khởi xướng Phan Châu Trinh, giám học Nguyễn Quyền và hàng chục nhân vật tiếng tăm khác. Họ là những người đã khai sinh ra ngôi trường đặc biệt này, khôn khéo tổ chức các hoạt động công khai ngay trước mũi nhà cầm quyền Pháp.

Ngôi trường làm việc nghĩa ấy đã có sự đóng góp công sức to lớn của cá nhân Lương Văn Can, với vai trò của người gắn kết các chí sĩ dưới một mái nhà chung để thành lập nên Đông Kinh Nghĩa Thục. Cũng chính cụ và toàn bộ gia đình đã tận tụy hết lòng, góp công và góp của cho ngôi trường: hiến nhà làm cơ sở cho trường, bán gia sản của ông cha để đóng góp, duy trì hoạt động của trường; 3 người con làm giáo viên tình nguyện cho Đông Kinh Nghĩa Thục. Bản thân Lương Văn Can vừa là giáo viên, vừa là thực trưởng, vừa là người giữ tiền, vừa soạn sách, tham gia diễn thuyết... Toàn bộ tâm sức của gia đình cụ Cử Can đã dồn hết cho mái trường, cho sự nghiệp khai dân trí, chấn dân khí. Dưới ngọn cờ Đông Kinh Nghĩa Thục, Lương Văn Can hiện lên với tư cách của một nhà giáo đầy tâm huyết, một nhà Cách mạng yêu nước tiến bộ.

Chương II: KINH DOANH ĐỂ PHỤNG SỰ TỔ QUỐC

Phụng sự tổ quốc - đó là mục tiêu cao nhất mà danh sĩ họ Lương đặt ra. Trong khi bị đi đày sang Campuchia, Lương Văn Can đã biến cái rủi thành một cơ hội: cụ là người Việt tiên phong khai phá một thị trường bỏ ngỏ, mở đường cho một phong trào buôn bán sang Campuchia. Những đồng tiền kiếm được từ việc kinh doanh lại được đóng góp cho phong trào cách mạng.

I. Những năm biệt xứ và chuyện kinh doanh ở xứ người

Nghĩ thương cụ Cử già tuổi tác

Vì non sông phải bước tân toan...

(Hà Thành lâm nạn - Nguyễn Quang Diêu)

Những tháng ngày bị lưu đày trên đất khách của nhà chí sĩ yêu nước Lương Văn Can là những tháng ngày đầy rẫy những gian truân. Ở tuổi 59, sau một thời gian nằm trong nhà lao Hỏa Lò, rồi phải chịu những thiếu thốn vất vả của thân phận tù đày... là những thử thách rất lớn. Thời đó, khi bị đi đày biệt xứ, do lạ thổ nhưỡng, rồi phải chịu cảnh đói khát, nóng lạnh bất thường... rất ít người sống sót trở về, hoặc khi trở về thì sức đã cùng lực đã kiệt. Nhưng dường như những khổ ải kể trên đã không hề làm cụ nản lòng.

Lường trước được những khó khăn của chồng, bà cử Can đã cho người con trai thứ 8 là Lương Ngọc Môn, khi đó 15 tuổi, đi theo sang Cao Miên, để hai cha con sớm tối có nhau. Trong chuyến đi đày năm đó, ngoài hai cha con cụ cử Can còn có 3 chí sĩ khác. Mười năm xa cách dài đằng dặc, không biết sống chết ra sao, nhất là Nam Vang thời đó trong trí tưởng tượng của mọi người là chốn ma thiêng nước độc. Lương Văn Can rất cảm phục sự can đảm vững vàng của người vợ. Những ngày tháng nằm trong Hỏa Lò khiến sức khỏe của cụ Can giảm sút đi rất nhiều, mái tóc bạc trắng và dáng người gầy lại càng thêm tiều tụy. Khi giáp mặt người chồng gầy yếu giữa đoàn người khăn gói lên đường đi đày, một cảnh thật thê lương, nhưng phu nhân không khóc - một biểu hiện rất thường thấy của những phụ nữ khi chứng kiến cảnh chồng lâm nạn. Trái lại bà tỏ ra bình thản, như không hề có chuyện gì xảy ra.

Ấn tượng về giây phút vợ chồng chia tay trong cảnh ngậm ngùi ở ga xe lửa trước giờ lên đường đi đày đã ghi tạc trong lòng Lương Văn Can. Sau này cụ viết lại trong *Hành trạng*, như để tri ân tình

nghĩa vợ chồng với cụ bà: “...đến lúc ta xuống tàu đi Nam Vang, nhụ nhân[1] cùng theo ra tiễn, sắc mặt tịnh không có một tí nào là oán hận lo sợ, chỉ trông ta mà nói rằng: “Ông chờ tôi với với nhớ”, không chúc thọ mà ra chúc thọ, chí tình giai lão hiện ra nhờ nói, lúc tạm phân ly, nói dẫn ngắn mà tình thì dài, có ý thay có vị thay, ta thường nhớ mà chẳng quên.”

Đoàn tàu chuyển bánh, bỏ lại phía sau là người vợ tảo tần đứng lặng giữa sân ga. Ai cũng hiểu rằng từ nay, một chặng đường mới đầy khó khăn chờ cụ phía trước. Song điều dày vò cụ không phải nỗi thống khổ của bước đường đi đầy mà có lẽ là chuyện phải xa tổ quốc, bỏ lại một sự nghiệp cách mạng dang dở, không được sát cánh với các đồng chí, đồng bào của mình trong cuộc đấu tranh giành độc lập cho dân tộc còn vô vàn những khó khăn trước mắt. Mười năm biệt xứ, ở tuổi cũng đã gần đất xa trời, có lẽ sự nghiệp đóng góp cho tổ quốc đã khép lại sau lưng cụ.

* * *

Song, mỗi bước ngoặt trong cuộc đời dường như đều là một thử thách đối với mỗi người. Với những cá nhân có chí khí, họ có thể xoay chuyển tình huống, họ biết biến những yếu tố bất lợi thành một thời cơ mới. Và dù ở nơi đâu, trong hoàn cảnh nào thì với tấm lòng luôn hướng về tổ quốc thì mỗi người đều có thể biến tình yêu thành hành động yêu nước. Lương Văn Can, như chúng ta đã thấy, một con người với ý chí và tinh thần yêu nước ngùn ngụt trong huyết quản, cụ có thể tìm mọi cách để được góp sức mình, cho đến hơi thở cuối cùng.

Quả đúng là chuyến ra đi biệt xứ của cụ Cử hoàn toàn không như mọi người hình dung. Không phải chỉ là chuyện làm sao để có thể sống sót lay lắt chờ đợi ngày trở về cố quốc, mà cụ Can đã tạo dựng một cuộc sống ổn định, đàng hoàng. Và hơn thế nữa, cụ còn làm được điều mà ngay cả những người sống trong hoàn cảnh bình thường cũng khó có thể thực hiện nổi!

Nam Vang khi đó là thủ phủ Campuchia, một vùng đất cũng nằm trong tầm kiểm soát của thực dân Pháp thời đó. Những người đi đây bị ném vào một thành phố xa lạ, khác biệt về ngôn ngữ, văn

hóa - một thách thức lớn với bất kỳ ai trên con đường đi đây, phải làm sao để xoay xở lo lấy miếng ăn, nơi ở. Và tại đây, những người tù như Lương Văn Can vẫn bị chính quyền thực dân quản thúc. Dầu gì thì Nam Vang cũng là quê hương thứ hai, mà cha con cụ Cử.

Trong thời gian kiếm kế sinh nhai tại Nam Vang, Lương Văn Can đã phát hiện ra nơi đây chính là một thị trường đầy tiềm năng còn đang bị bỏ ngỏ. Hàng hóa sơ sài và việc buôn bán cũng không mấy được chú trọng phát triển. Lập tức, cụ đã tìm cách xoay xở làm kinh tế, trước hết để hai cha con đủ sống và lo cho Lương Ngọc Môn có điều kiện ăn học. Ngoài ra, hãn cụ Cử còn nuôi một ý đồ lớn: muốn gây dựng ngay tại nơi lưu đây một căn cứ của Cách mạng.

Điều này cho ta thấy ở Lương Văn Can một sự nhạy bén khác thường trong lĩnh vực kinh doanh.

Khác với những nhà kinh doanh trong thời bình, Lương Văn Can lấy việc làm kinh doanh để đạt được một mục đích thiêng liêng đó là phụng sự tổ quốc. Điều này không phải chỉ trong thời gian cụ sinh sống ở Nam Vang, mà ngay từ buổi đầu của phong trào Đông Du - Duy Tân, những đồng tiền nhà gom góp gửi ra nước ngoài và để đóng góp cho sự phát triển Đông Kinh Nghĩa Thục cũng chính là từ việc buôn bán của gia đình cụ Cử mà ra.

Làm cách mạng, “sức người” rất quan trọng, mà “sức của” cũng là một yếu tố quyết định cho sức mạnh của bất kỳ cuộc cách mạng nào. Trong thời điểm khó khăn ấy, các tổ chức yêu nước được bí mật thành lập đều rất cần đến sự tương trợ của nhân dân. Chắc chắn chúng ta sẽ không thể chiến thắng một kẻ thù xâm lược mạnh gấp nhiều lần mà chỉ dựa vào duy nhất lòng yêu nước. Cuộc cách mạng nào cũng cần có tài chính để nuôi dưỡng nhân lực, sắm sửa khí giới,... Những tổ chức cách mạng thời đó sở dĩ đã tồn tại và vượt qua những sóng gió là nhờ những khoản đóng góp không nhỏ của đồng bào yêu nước. Và như vậy, làm kinh tế như công cụ để phụng sự tổ quốc cũng chính là một hành động yêu nước đầy thiết thực.

Sau những suy tính, tự vạch ra đường đi nước bước cụ thể, Lương Văn Can bí mật liên lạc với gia đình, quyết tâm thành lập một đường dây buôn bán xuyên biên giới Việt Nam - Campuchia. Để mở

được đường dây buôn bán này là cả một quá trình tìm hiểu thị trường rất cẩn kẽ, giá cả các mặt hàng hiếm ở Nam Vang và so sánh với giá cả hàng hóa ở Việt Nam. Cụ thuê một căn nhà trên đường An Dương, lập hiệu buôn mang tên Đại Thanh, chuyên buôn bán các loại hàng hóa mang từ Việt Nam sang. Khi đó, cô con gái thứ 7 của cụ là Lương Thị Trí cũng sang để phụng dưỡng cha và tham gia vào việc kinh doanh. Cụ Cử Can còn thu xếp được cho Lương Ngọc Môn đi học trường Tây tại Nam Vang, sau này người con trai út của cụ tốt nghiệp trung học, đi dạy học, rồi về Hà Nội học tiếp ở trường Cao Đẳng Đông Dương.

Không chỉ dừng lại ở thành công của tiệm buôn Đại Thanh, Lương Văn Can còn mở thêm hiệu buôn mang tên Hưng Thạnh và giao cho con dâu Nguyễn Thị Hồng Đính trông nom.

Cách buôn bán thời đó của gia đình của cụ Cử Can cũng hết sức... đặc biệt. Bởi vì đang sống trong sự kiểm soát của chính quyền thực dân Pháp, đang thực hiện nghĩa vụ của một bản án - hay nói đúng ra Lương Văn Can đang là một tù nhân giam lỏng, nên chuyện buôn bán không được công khai, đường đường chính chính. Hàng hóa được chuyển từ trong nước sang Nam Vang bằng một con đường bí mật do bà cử Can thiết lập. Lý Tùng Hiếu có viết lại sự kiện này: “Theo kế hoạch của cụ, mọi người chia nhau đi nghiên cứu thị trường rồi kín đáo liên hệ với bà Cử Can ở Hà Nội và các thương gia trong nước, thiết lập một đường dây thương mại bí mật xuyên biên giới, dùng tiếng lóng đánh điện tín về Hà Nội và Sài Gòn để đặt hàng đưa sang Nam Vang. Việc buôn bán từ đó phát triển rất nhanh. Riêng Hưng Thạnh đã phát triển thành một hiệu buôn lớn, tầng trệt bán hàng tẩm và tạp hóa, tầng trên đóng giày và làm mũ. Thường xuyên có từ 13 đến 14 công nhân là con cháu của Nguyễn Mậu Kiến và Án sát Nguyễn Ngọc Tương, chí sĩ Cần Vương, do Nguyễn Thị Hồng Đính đưa sang. Nhờ đó, Lương Văn Can và con gái, con dâu đã có một nguồn tài chính dồi dào để trợ giúp các chiến sĩ cách mạng Việt Nam.” (*Lương Văn Can và phong trào Duy Tân - Đông Du*).

Có lẽ đây là giai đoạn quan trọng trong cuộc đời của cụ Lương Văn Can, một giai đoạn cụ tham gia vào việc làm kinh doanh và thành công ở ngay trên đất khách, trong hoàn cảnh của một tù giam

lòng. Điều đó cho thấy tài năng của cụ trong việc kinh doanh. Trước đây, cụ cùng những người sang lập Đông Kinh Nghĩa Thục hô hào chấn hưng thực nghiệp, cổ vũ nghề kinh doanh buôn bán, thì nay, cụ có điều kiện để thực hành những lý thuyết mà các cụ đề xướng.

Từ sự thành công của cụ cử Can, một phong trào buôn bán ở thị trường Campuchia dần dần được hình thành và phát triển rầm rộ. Sau này, khi cụ mất, một thương nhân ở Sài Gòn đã viết bài báo nhan đề Thương giới Việt Nam đối với lễ truy điệu Lương chí sĩ, *đăng trên Đông Pháp thời báo*. Trong bài viết có đoạn: “... Ấy đương trong vòng đầy ải đó, không còn cách sanh kế gì nữa, cụ mới lập nhà buôn (...) thế là cụ đã mở đường cho nhiều người Việt Nam trước kia sợ Cao Man “ma thiêng nước độc” bây giờ cũng bắt chước sang buôn bán, sau này trở nên rất giàu có. Coi đó thì biết công của cụ không riêng ở phần gốc, mà có cả ở phần ngọn, không riêng ở chánh giới mà có ở thương giới nữa...”

Như vậy, dù trong cảnh đi đày nhưng Lương Văn Can vẫn không nguôi những nung nấu về đất nước. Cụ đã kinh doanh để kiếm tiền góp phần ủng hộ các phong trào cách mạng giải phóng dân tộc. Tinh thần yêu nước đã giúp Lương Văn Can tạo ra những công cụ đấu tranh mới đầy sáng tạo.

II. Tổ quốc đã khắc ghi...

Phan Bội Châu kính nể gia đình cụ Lương Văn Can có tấm lòng vì nghĩa lớn, nhiệt tình đóng góp cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, không sợ tốn tiền, không ngại đổ máu. Những gì cụ và các thành viên trong gia đình đã đóng góp cho xã hội là một minh chứng sinh động cho lời nhận xét của Phan tiên sinh.

Dương Ngọc Quyến - Người anh hùng của dân tộc

Trong số những người thân cụ được gặp ở đất Nam Vang, có cả người con yêu mà cụ rất trông đợi, đó là Lương Ngọc Quyến. Cuộc gặp gỡ giữa Lương Văn Can và người con Lương Ngọc Quyến ở đất Nam Vang sau nhiều năm xa cách, với bao buồn vui, mừng tủi. Song không ngờ đó lại là cuộc gặp cuối cùng của hai cha con. Ít lâu sau, những tin tức từ Hà Nội bay sang Nam Vang đã làm cho lòng Lương Văn Can vô cùng đau đớn: Lương Ngọc Quyến qua đời.

Cái chết của Lương Ngọc Quyến không phải là một cái chết bình lặng mà đã làm chấn động cả đất nước. Người con vũ dũng của cụ cử Can trước khi trở về với cát bụi cũng đã ghi vào trang sử vàng của dân tộc.

Là một trong những du học sinh đầu tiên xuất dương sang Nhật, Lương Ngọc Quyến đã cùng với một số thanh niên yêu nước khác học tại trường quân sự Simbu Gakku (Nhật). Đến tháng 6.1907, khi Nhật - Pháp bắt tay nhau trực xuất tất cả du học sinh từ Việt Nam ra khỏi Nhật thì cũng là lúc Lương Ngọc Quyến vừa tốt nghiệp loại ưu. Tháng 3.1909 ông đã phải cùng Phan Bội Châu và Lão Mai Bang sang Hương Cảng tạm trú. Phong trào Đông Du cũng như các phong trào trong nước đều lâm vào tình thế khó khăn, bế tắc, do sự đàn áp thẳng tay của thực dân Pháp. Từ Hương Cảng, nhóm người này trôi dạt sang Quảng Đông, rồi sau đó sang Xiêm để chờ thời cơ. Trong tình cảnh khốn quẫn về kinh tế, Lương Ngọc Quyến phải về nước để vận động tài chính cho phong trào.

Năm 1911, Lương Ngọc Quyến được cha đứng ra tổ chức cưới hỏi Nguyễn Thị Hồng Đính, con gái của Nguyễn Hữu Cương - một chí sĩ tham gia Đông Kinh Nghĩa Thục. Nguyễn Thị Hồng Đính sang Trung Quốc sống cùng Lương Ngọc Quyến. Thời gian tiếp theo, ông học trường Quân nhu Học hiệu tại Quảng Đông và trường Sĩ quan Học hiệu ở Bắc Kinh, với ý chí sẽ đem sức lực và kinh nghiệm để xây dựng quân đội Việt Nam sau này.

Tổ chức Việt Nam Quang Phục Hội được Phan Bội Châu xây dựng tại Quảng Đông, thay thế cho Duy Tân hội, với đường lối đấu tranh mới. Tổ chức đã tập hợp được cả trăm thanh niên yêu nước. Lương Ngọc Quyến được cử làm Ủy viên quân vụ thuộc bộ chấp hành. Một trong những vấn đề gay go là làm sao có đủ kinh phí để duy trì Hội trong những ngày đầu thành lập. Để góp phần giải quyết khó khăn này, Lương Ngọc Quyến đã về nước vận động đánh Ty rượu Thanh Ba và dinh Tuần phủ Phú Thọ Chế Quang Ân, lấy kinh phí cho Hội. Năm 1914, Lương Ngọc Quyến về Sài Gòn, rồi xuống Long Xuyên gặp Dương Bá Trạc, một chí sĩ bị đưa đi “an trí” vì đã tham gia Đông Kinh Nghĩa Thục. Lương Ngọc Quyến có ý định với chuyến đi này ông sẽ gây dựng cơ sở cách mạng ở Nam kỳ, tuyển mộ người, đưa sang Xiêm để đào tạo lực lượng, chuẩn bị khởi nghĩa.

Thật không may, trong chuyến đi ấy ông đã bị một thành viên của Việt Nam quang phục hội phản bội, chỉ điểm cho Pháp.

Lương Ngọc Quyến đã bị lộ tung tích khi sang Nam Vang thăm cha. Ông lập tức quay về Sài Gòn rồi tìm đường sang Hương Cảng. Tại đây, ông đã bị cảnh sát Anh bắt và giao cho Pháp. Tháng 3.1915, Lương Ngọc Quyến bị giải về Hà Nội, và từ giờ phút đó, ông phải trải qua rất nhiều nhà lao, chịu vô số những nhục hình tra tấn. Song, tất cả những gian khổ, đau đớn về thể xác vẫn không khuất phục được tinh thần của người chiến sĩ yêu nước. Thậm chí, ông biến nhà tù thành nơi tuyên truyền cách mạng.

Trước kia, các anh em đồng chí chỉ thấy Lương Ngọc Quyến chỉ thiên về võ lược, không có thói quen ngâm vịnh thơ phú như các anh em chiến sĩ khác. Nhưng trong chốn lao tù lại là thời gian ông sáng

tác khá nhiều. Ông dùng văn chương như một công cụ để chuyển tải tinh thần cách mạng của mình. Lương Ngọc Quyến đã để lại ấn tượng cho thực dân Pháp về một tù chính trị cực kỳ nguy hiểm, do đó chúng đã giam cầm ông hết sức nghiêm ngặt.

Phiên tòa xét xử “tội phạm” Lương Ngọc Quyến tại Hà Nội đã thu hút sự quan tâm của đông đảo dân chúng. Thực dân Pháp triệu bà Lê Thị Lễ tới để hòng làm lung lạc ý chí của ông bởi tình phụ tử. Song, trước rất đông đảo người tham dự phiên tòa, bà cử Can không hề tỏ ra run sợ hay đau đớn khi chứng kiến cảnh con trai thân hình tiều tụy, tay đeo xích sắt và vai nặng trĩu gong cùm. Bà đã rất cứng cỏi đối chất với quan tòa: “Từ thuở còn trong bào thai, chúng tôi đã dạy con về tình thương yêu nòi giống. Bởi vậy, các con tôi theo đuổi mục đích cứu nước là hợp đạo lý gia đình và đạo lý đất nước của chúng tôi, sao lại gọi là phản loạn?” Câu nói đanh thép của một bà mẹ đã như một cái tát thẳng mặt những kẻ ôm chân Pháp ngồi chủ tọa phiên tòa. Bà Cử quay sang nói với con trai, giọng đầy xúc động: *“Mẹ chỉ mong con xứng đáng là con dân nước Việt đến hơi thở cuối cùng.”*

Những lời của bà Cử Can đã làm nhiều người tham dự phiên tòa rơi lệ. Phải nuốt nỗi đau xuống tận đáy lòng, người mẹ ấy mới có thể hành động một cách anh dũng như vậy.

Lời động viên của mẹ như tiếp thêm sức mạnh cho Lương Ngọc Quyến để ông vượt qua những đau đớn về thể xác.

Lương Ngọc Quyến bị kết án tù chung thân và bị đày đi Thái Nguyên ngày 25.7.1916. Tại đây, ông đã bị bọn giặc dùi bàn chân để tra xích sắt. Hành động vô cùng dã man đó đã khiến Lương Ngọc Quyến bị liệt hẳn một chân. Nhưng chính tại nơi lao tù khi phải trải qua những đau đớn tột cùng về thể xác, lại càng làm cho lòng căm thù giặc trong con người ông sôi sục thêm. Đồng thời, những người lính khi chứng kiến hành động đánh đập tù nhân rất tàn nhẫn của thực dân Pháp, họ vô cùng căm phẫn và ngầm có ý phản kháng từ lâu. Trong chốn lao tù, Lương Ngọc Quyến đã kết bạn với một người lính khố xanh Trịnh Văn Cấn, hay còn gọi là Đội Cấn. Đội Cấn vốn là

người có tấm lòng yêu nước, ngày ngày phải chứng kiến cảnh thực dân Pháp đánh đập tù nhân dã man, nhiều người đã bỏ mạng vì cách đối xử vô nhân tính của cai ngục, nên sự căm thù đã biến thành hành động phản kháng. Lương Ngọc Quyến là một động lực để ông quyết tâm thực hiện cuộc đảo chính. Nhờ được tự do đi lại trong trại giam, Đội Cấn đã vận động rất nhiều tù nhân và binh lính, lập một ban chỉ huy cuộc khởi nghĩa. Trong ngục, Lương Ngọc Quyến nhanh chóng thảo ra một bản Tuyên ngôn thứ nhất để kêu gọi anh em binh lính, với lời lẽ hùng hồn và đanh thép.

Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên nổ ra vào ngày 31.8.1917 đã gây chấn động dư luận thời đó, như một quả bom của lòng yêu nước khiến quân Pháp hoàn toàn bị bất ngờ. Nghĩa quân phá đề lao, giết giám ngục, giải phóng cho hơn 200 tù nhân, đánh chiếm các công sở, kho bạc, tòa án, kho vũ khí, bao vây trại lính, phát lên lá cờ 5 sao trước cửa thành. Hưởng ứng cuộc khởi nghĩa, hơn 300 dân địa phương tình nguyện tham gia nhập nghĩa quân và 131 lính khố xanh cùng 180 tù nhân tạo thành một nghĩa quân hơn 600 người. Lực lượng mỏng nên nghĩa quân chọn cách cố thủ trong thành, dựa vào thế hiểm trở của địa bàn để chống lại giặc.

Thực dân Pháp đã huy động một lực lượng hùng hậu về người và khí giới lên Thái Nguyên để quyết tâm phá tan cuộc khởi nghĩa. Hơn 600 nghĩa sĩ với số lương thực và khí giới cướp được không đáng kể, phải chống chọi lại 2.000 quân địch trang bị vũ khí tối tân, có cả pháo binh, tàu chiến. Lương Ngọc Quyến đã hy sinh anh dũng vào ngày 4.9.1917. Đội Cấn cùng các chiến sĩ cũng đã chiến đấu đến hơi thở cuối cùng. Hơn 4 tháng trời chống trả quyết liệt, cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên đã bị dập tắt. Đội Cấn đã tự sát để không rơi vào tay giặc.

Một thời gian dài sau phong trào Cần Vương thất bại, mới có một cuộc khởi nghĩa mới, với một ngọn cờ mới cổ vũ lòng yêu nước và ý chí đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Cuộc khởi nghĩa tuy thất bại nhưng đã tạo tiếng vang rất lớn, một lần nữa dấy lên tinh thần yêu nước trong nhân dân. Hai bản tuyên ngôn của Lương Ngọc Quyến đã làm xúc động hàng triệu trái tim người dân nước Việt. Hình ảnh

hai người anh hùng Đội Cấn và Lương Ngọc Quyến đã đi vào lịch sử của dân tộc.

Cái chết của Lương Ngọc Quyến là nỗi đau đối với người cha già trong giai đoạn đang tha hương xứ người. Song, sự hy sinh của Lương Ngọc Quyến không hề uổng phí. Trong nỗi đau đó có cả niềm tự hào vì đó là sự hy sinh của một anh hùng dân tộc. Lương Văn Can đã đóng góp cho dân tộc một vị anh hùng.

Buôn bán cũng là làm cách mạng

Lương Văn Can có một nỗi đau riêng: ông có 5 người con trai thì 5 người đều chết từ rất trẻ. Năm người con trai đều ít nhiều góp sức cho đất nước. Ngoài Lương Ngọc Quyến ghi danh với cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên, Lương Ngọc Nhiễm - một du học sinh trong phong trào Đông Du cũng qua đời khi mới ở tuổi 28. Như vậy, trong năm 1917, Lương Văn Can phải liên tiếp đương đầu với nỗi đau mất hai người con. Con trai trưởng là Lương Trúc Đàm, một trong những sáng lập viên của Đông Kinh Nghĩa Thực, người tham gia giảng dạy, viết sách và diễn thuyết, cũng đã qua đời vào 5.1908. Tới năm 1921, con trai thứ 6 là Lương Ngọc Bân cũng chết bệnh. Ít năm sau, vào 5.1924, Lương Ngọc Môn - con trai út và là người con trai cuối cùng của Lương Văn Can - cũng qua đời khi tuổi còn rất trẻ. Người cha già liên tiếp phải đeo khăn trắng khóc con - nỗi đau của Lương Văn Can không thể đo đếm hết được. Song, nhìn lại, cụ vẫn có thể tự hào về những đứa con của mình. Dù không sống trọn những tháng năm tuổi trẻ nhưng họ đều góp sức cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Người vợ của Lương Ngọc Quyến là Nguyễn Thị Hồng Đính, con của một nhà nho từng tham gia Đông Kinh Nghĩa Thực. Ngay từ thời thiếu nữ, Nguyễn Thị Hồng Đính đã là một phụ nữ lanh lợi, hoạt bát, lại được học hành chu đáo, nổi tiếng về tài cầm kỳ thi họa. Bà từng là người đi tiên phong trong phong trào cắt tóc, để răng trắng. Sau khi kết hôn, Nguyễn Thị Hồng Đính đã cùng chồng đi làm cách mạng, lênh đên nhiều nơi ở xứ người... Khi Lương Ngọc Quyến bị bắt ở Hương Cảng và bị thực dân Pháp giải về nước, bà rơi vào cảnh rất bi đát: đang lúc bụng mang dạ chửa, lại hai nách hai con nhỏ. Sau đó, nhờ sự giúp đỡ của một vài người quen, Nguyễn Thị Hồng Đính tìm cách sang Nam Vang với cha chồng, tham gia vào việc buôn bán.

Ban đầu, Lương Văn Can giao cho con dâu trông nom hiệu buôn Hưng Thạnh. Dưới bàn tay quán xuyến của bà, hiệu buôn này làm ăn rất phát đạt. Không dừng lại ở đó, chỉ sau một thời gian ngắn, nhờ sự khéo léo, nhanh nhẹn, Nguyễn Thị Hồng Đính còn mở thêm một hiệu buôn nữa lấy tên là Nam Gia.

Như để tiếp bước tấm gương hy sinh anh dũng vì đất nước của chồng, người góa phụ Nguyễn Thị Hồng Đính đã hoạt động hết mình để đóng góp cho Cách mạng. Các hiệu buôn do bà trông coi là cơ sở kinh doanh nhằm mục đích đóng góp kinh phí cho các tổ chức yêu nước và là nơi liên lạc thông tin của các chiến sĩ cách mạng. Sau này, khi Lương Văn Can về nước, người con dâu của cụ vẫn tiếp tục hoạt động mà cụ đã gây dựng trên đất khách. Một số hoạt động đáng ghi nhận của bà là vận động Việt kiều ở Nam Vang đấu tranh để yêu cầu Pháp thả cụ Phan Bội Châu (1925) và vận động quyên tiền các kiều bào để gửi về ủng hộ cụ. Sau này, chính cơ sở của Nguyễn Thị Hồng Đính là một địa điểm để in sách báo tuyên truyền cho Đảng Cộng Sản Đông Dương (1930). Bà trở về nước năm 1931, tiếp tục dùng số tiền tích cóp được trong thời gian buôn bán ở Nam Vang để ủng hộ Cách mạng. Chẳng hạn như bà đã cùng bà Nguyễn Thị Vân Thiềm - một người con dâu khác của cụ Cử Can - trợ giúp xuất bản tờ báo *Le Travail* của các chiến sĩ cách mạng (1936), trợ giúp tài chính để Nguyễn Công Truyền được đảng Cộng Sản Đông Dương đưa ra tranh cử vào Viện dân biểu Bắc Kỳ trong những ngày đầu Cách Mạng giành được chính quyền. Bà là một trong những người ủng hộ rất tích cực trong các phong trào Tuần lễ vàng, Tắm áo mùa đông binh sĩ... Có thể nói, cuộc đời của Nguyễn Thị Hồng Đính là chuỗi tháng ngày cống hiến tâm sức cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Ngày 20.1.1995, thủ tướng Võ Văn Kiệt thay mặt chính phủ truy tặng bà tấm bằng “Có công với nước”. Năm 2002, nhà nước truy tặng bà Huân chương Độc lập.

Một người con dâu khác của nhà cụ cử Can cũng có nhiều đóng góp cho Cách mạng đó là bà Nguyễn Thị Vân Thiềm, vợ của Lương Ngọc Bân. Góa chồng khi tuổi mới ngoài 20, bà buôn bán và đóng góp tài chính cho Cách mạng cho tới khi giành được thắng lợi cuối cùng. Ngoài việc cùng với Nguyễn Thị Hồng Đính đóng góp tài chính

để xuất bản tờ *Le Travail* thì bà còn giúp nhiều nhà cách mạng về nơi ăn chốn ở, kinh phí... Ngôi nhà số 32 Hàng Ngang của bà trở thành một trong những địa chỉ lui tới của các chiến sĩ cách mạng trong thời kỳ đầu đầy gian khó. Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, gia đình bà được Tổng bộ Việt Minh trao tặng Đồng tiền vàng và tấm bằng “Có công với nước”.

Như vậy, không chỉ các con đẻ mà hai người con dâu của cụ Lương Văn Can cũng đã góp phần không nhỏ làm rạng danh cho gia tộc của dòng họ Lương. Có được điều này là nhờ vào sự định hướng của gia đình, mà đứng đầu là cụ cử Can. Những bài học mà người cha yêu nước đã tưới đẫm vào các con cháu, và đã tạo ra một thế hệ anh hùng mới. Sau này, trong cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc, những người cháu của cụ Cử Can tiếp tục phát huy tinh thần yêu nước của cụ. Gia đình cụ xứng đáng được tôn vinh là một gia đình có công với đất nước.

III. “Ta nay nào đã khác xưa ta”

Trong 9 năm xa nhà, 3 lần nhận được tin con mất, Lương Văn Can đã phải gồng mình để vượt qua nỗi đau riêng bằng tất cả nghị lực của mình - một nghị lực phi thường của một ông lão ngoài sáu chục. Cụ rèn luyện cho bản thân một tinh thần thép và một thân thể dẻo dai để cống hiến được nhiều nhất cho tổ quốc. Kinh doanh, viết sách và tự học tập trau dồi kiến thức - đó là những gì cụ cử Can đã làm trong thời gian sống lưu vong.

Khi xét xử các nhà nho của Đông Kinh Nghĩa Thục sau vụ đánh bom khách sạn Hà Nội (ngày 26.4.1913), những người dù không có chứng cứ “phản loạn” nhưng vẫn bị thực dân Pháp ghép vào một tội nào đó, hình phạt “nhẹ nhàng” cũng là phát vãng đi đày. Các chí sĩ cách mạng vì thế đã tứ tán mỗi người một nơi. Đó là âm mưu của thực dân Pháp nhằm chia rẽ tổ chức, với mục đích không cho mọi người có thể liên lạc, liên kết được với nhau nữa. Với trường hợp của cụ Lương, tuy đã bị đày biệt xứ, song những người thân trong gia đình cũng như các chí sĩ yêu nước đã tìm mọi cách để giữ liên lạc thường xuyên với cụ. Do vậy, cụ vẫn theo dõi sát sao tình hình trong nước và các hoạt động của các tổ chức cách mạng ở nước ngoài cụ. Đó chính là điều an ủi lớn nhất đối với người chí sĩ trong cơn bĩ cực.

Tiệm buôn Đại Nam, nơi cha con cụ Cử Can kinh doanh và sinh sống dần dà đã trở thành một cơ sở của những người yêu nước tại Nam Vang. Năm 1914, Lương Ngọc Quyến về nước để mưu đồ việc lớn, cũng đã tìm cách sang thăm cha. Nơi Lương Văn Can ở còn là chỗ lui tới thường xuyên của cụ phó bảng Nguyễn Sinh Huy, thân sinh của Hồ Chủ tịch, trên đường cụ đi nghiên cứu Phật học và làm thuốc. Mọi người thường xuyên tụ họp cùng nhau đàm đạo về tình hình trong nước. Cụ đặt mua các sách báo cách mạng như *Việt Nam nghĩa liệt sử*, *Trung Quốc hồn*, *Ấm Bạng Thất văn tập*... Đây là nguồn

tài liệu giúp trau dồi kiến thức, là nguồn thông tin quan trọng để theo dõi tình hình cách mạng thế giới. Sách báo tiến bộ như một động lực lớn nuôi dưỡng lòng yêu nước và ý chí cách mạng...

Sau một thời gian, việc buôn bán đã đi vào nền nếp và ngày một phát đạt, cụ giao tất cả việc trông nom cửa hàng cho con cái để quay về với việc soạn sách mà mình hằng yêu thích trong thời gian dạy học và làm thực trưởng trường Đông Kinh Nghĩa Thục.

Với Lương Văn Can, viết sách không chỉ là một thú vui, mà còn là một tâm huyết, trách nhiệm lớn đối với các thế hệ đi sau. Cụ đã bày tỏ quan điểm này trong *Hành trạng*: “Ta nghĩ người ta làm việc hẳn phải có hai lòng đặc biệt, một là: lòng trách nhiệm, hai là: lòng hứng vị. Có trách nhiệm thì trong lòng mấy (mới) phải lo mà làm, có hứng vị thì mấy biết vui mà làm, nếu có trách nhiệm mà không có hứng vị thì dầu làm cũng không bền lâu được. Ta vẫn có ý trước thuật mà chưa rồi, nay nhân cơ lưu ở Nam Vang mà ta làm nên được mấy bộ sách, ấy chính là giới để ngọc thành (làm cho thành việc) cho ta, ta thường vui mà quên mỏi, cũng là cầu hết thiên chức của mình, và gọi là lưu di tích một chút về sau”.

Đọc những dòng ghi chép trên, cho chúng ta cảm giác thú vị khi hiện lên chân dung của một chí sĩ yêu nước với phong thái thật điềm đạm, lạc quan. Rơi vào cảnh đi đày, cụ đã biến cái rủi thành cái may, coi như một cơ hội trời cho để viết nên những bộ sách cho xã hội.

Việc soạn sách, ngoài niềm đam mê và trách nhiệm với xã hội mà Lương Văn Can tự nhận lấy cho bản thân thì với cụ đây còn là một cách để tự trau dồi kiến thức. Mỗi lĩnh vực mà cụ cử viết sách là một đề tài để cụ chuyên tâm nghiên cứu, tìm tòi, tự tích lũy cho mình những kinh nghiệm quý báu. Đây quả là một cách học tập rất đáng nể của một nhà trí thức tuổi cao mà còn rất minh mẫn và uyên bác.

Trong suốt thời gian sống ở Nam Vang, Lương Văn Can đã soạn được một số đầu sách đáng kể: *Gia huấn*, *Hán học tiếp kính*, *Hán tự quốc âm*, *Hạnh đàn loại ngữ*, *Châu thư loại ngữ*. Trong đó, phải kể đến hai cuốn sách rất quan trọng đó là *Thương học phương châm* và

Kim cổ cách ngôn dành cho giới kinh doanh của nước ta trong thời kỳ đầu hình thành và phát triển.

Những đóng góp của Lương Văn Can cho xã hội trong những năm tháng đi đày quả là không hề bé nhỏ. Cuộc sống nơi đi đày hóa ra lại rất phong phú. Sau này, khi được trở lại quê hương, cụ cử Can đã cao hứng viết lên những dòng *Cảm tác*:

*Chín năm xa nước với xa nhà
Lần lửa ngày qua lại tháng qua.
Buôn tính hơn thua toan mặc trẻ,
Sách vui soạn thuật tự quên già.
Đồng tâm thêm rộng tri giao nữa,
Quá nhẫn càng nhiều kiến thức ra.
Tổ quốc trở về lòng những luống,
Ta nay nào đã khác xưa ta*

Người cách mạng già đã tìm được niềm vui trong việc buôn bán, trong việc viết sách, không ngừng học hỏi những kiến thức mới để nâng cao nhãn quan. Nhờ vậy, trong suốt thời gian lưu đày, tinh thần của cụ vẫn tràn đầy sinh lực, những tâm huyết với tổ quốc vẫn không hề bị những khó khăn che khuất mà trái lại như ngọc càng mài càng sáng. Cụ đã gạt gù khi nhận ra mình vẫn như xưa, sau 8 năm xa quê hương thì vẫn không hề khác một Lương Văn Can của 8 năm về trước. Có chăng là sự rạn ròi, sự từng trải của người đã bôn ba qua nhiều bão táp của thời đại.

Nhà chí sĩ yêu nước của chúng ta khi đó đã bước sang tuổi lục tuần.

Chương III:

ĐẠO KINH DOANH CỦA NGƯỜI VIỆT

Nghề kinh doanh vốn không được coi trọng cho đến khi luồng gió Duy tân ào vào Việt Nam, làm thay đổi những quan niệm lỗi thời. Trong bối cảnh hỗn mang của nghề buôn bán, Lương Văn Can đã chia sẻ với thương giới những kinh nghiệm kinh doanh và xây dựng nên một nền tảng đầu tiên cho một đạo kinh doanh của người Việt.

I. Doanh nhân Việt thời Pháp thuộc

Trọng sĩ, khinh thương - chuyện xưa là thế

Có thể nói, chuyện kinh doanh buôn bán còn khá xa lạ với người Việt dưới chế độ phong kiến, thậm chí nghề buôn chưa từng được coi trọng cho tới khi có phong trào chấn hưng thực nghiệp của các tổ chức Đông Du - Duy Tân rầm rộ từ nam chí bắc.

Trong suốt chiều dài lịch sử của Việt Nam cho tới trước khi người Pháp xâm lược, việc giao thương hàng hóa rất hạn chế. Nghề buôn bán kinh doanh không hầu như không phát triển. Do tính chất của một nền kinh tế tự cấp tự túc nên chúng ta có thời gian dài đóng cửa trước những hoạt động giao thương với người nước ngoài.

Hơn nữa, chính sách kinh tế “dĩ nông vi bản” - lấy nông nghiệp làm ngành sản xuất cơ bản cho sự phát triển kinh tế của đất nước - đã hầu như xuyên suốt các triều đại ở Việt Nam, ngay từ khi lập quốc cho tới lúc nhà Nguyễn trở thành bù nhìn dưới sự bảo hộ của thực dân Pháp. Bên cạnh đó là chủ trương “trọng nông ức thương”, - thương nghiệp bị chèn ép không được khuyến khích phát triển như nghề nông - đã dẫn tới một hệ thống quan niệm coi thường thương nghiệp. Đặc biệt, dưới triều Nguyễn, do thi hành những chính sách kinh tế có tính chất kìm hãm sự phát triển của công thương nghiệp như đánh thuế thật cao vào các ngành nghề thủ công, buôn bán... đã làm cho thương nghiệp hầu như không có sự tiến bộ nào đáng kể. Trong *Lịch sử kinh tế Việt Nam và các nước có nhận định*, rằng dù các đô thị được mở mang, phát triển cả ở trong Nam và ngoài Bắc song “chính sách ức chế công thương nghiệp của nhà nước phong kiến đã làm cản trở xu thế phát triển này. Đặc biệt, từ đầu thế kỷ 19 trở đi, chính sách kinh tế của nhà Nguyễn đã làm cho thương nghiệp sút kém hẳn so với trước (gạo từ Nam Định chở vào Nghệ An phải nộp thuế đến 9 lần. Minh Mạng vì sợ nông dân tụ họp lại khởi nghĩa nên ra lệnh cấp họp chợ...)” Thời nhà Nguyễn, do nỗi lo bị giặc ngoại xâm tràn vào bờ cõi, triều đình đã ban hành chính sách bế quan tỏa

cảng, không giao lưu với thế giới bên ngoài. Và như vậy, nền kinh tế hàng hóa đã bị bóp nghẹt, phải tồn tại trong tình trạng lay lắt.

Những chính sách của nhà nước phong kiến và quan niệm cổ hủ trong xã hội lúc đó khiến cho việc buôn bán không được nhiều người coi là một nghề chính. Dù có hình thành các khu đô thị nhưng thực tế thì không có sự tách biệt rõ ràng giữa đô thị và miền quê. Nghề buôn bán lại hầu như bị xem là việc của phụ nữ làm trong lúc nông nhàn, một hình thức buôn thúng bán bưng, không được phát triển theo quy mô lớn. Còn nam giới thì phải tham gia vào các việc được coi là “to tát” hơn như học để thi đỗ làm quan, hoặc đi lính, hay bết ra cũng phải làm một nông dân chân chỉ hạt bột, gắn bó với đồng ruộng. Những em bé tóc còn để chỏm đã lâu thuộc bài học trong cuốn *Ấu học ngũ ngôn thi* - những bài thơ 5 chữ do các nhà nho Việt Nam soạn ra để dạy cho trẻ lên 5:

Thiên tử trọng hiền hào

Văn chương giáo nhĩ tào

Vạn ban giai hạ phẩm

Duy hữu độc thư cao

(Nhà vua quý trọng anh hào

Văn chương là chỗ người nào cũng nên

Ở đời muôn sự đều hèn

Chỉ riêng đọc sách là trên mọi bề - Bùi Kỳ dịch)

Chính vì coi nghiệp đèn sách là nghề cao quý nhất trong thiên hạ nên các công dân nước Việt ngày đêm dùi mài kinh sử, không phải để học lấy một nghề mà mục đích cao nhất là ra làm quan, hay xoàng xoàng thì cũng làm một thầy giáo làng. Các trường lớp xưa không có trường nào mở ra để dạy nghề, chứ đừng nói gì đến chuyện dạy nghề kinh doanh, buôn bán.

Lương Văn Can cũng từng chỉ ra nguyên nhân của nền công thương bị khinh rẻ trong quá khứ: “Cổ nhân thường khinh sự buôn là mặt nghề, bởi vì người đời xưa trọng đạo đức mà khinh công-lợi, thấy người buôn tham lợi vô yếm, ít có nói thực, sợ mất cái lòng đạo đức đi, vả lại đời xưa thủy bộ giao thông chưa tiện lợi lắm, tin tức

chậm chạp, vận tải gian nan, buôn bán không được lợi lắm, cho nên thường khinh bỉ mà ít người chịu làm.”

Cũng do các quan điểm của nhà nước phong kiến không trọng công thương nên từ lâu trong xã hội đã hình thành lên một cái nhìn rất lệch lạc về những người làm nghề buôn bán. Trong lịch sử văn hóa của Việt Nam, hình ảnh những người làm kinh doanh luôn hiện lên như là nhân vật phản diện trong xã hội. Phân tích về khía cạnh này, Dương Trung Quốc có viết: “Cả kho tàng văn hóa truyền thống (ví như kho tàng truyện cổ tích Việt Nam) phong phú là vậy chỉ có hai câu chuyện *Mụ Lường* và *Đồng tiền Vạn lịch* đề cập chuyện buôn bán và chỉ nói cái xấu xa, “lươn lẹo”, “giả trá” của nghề buôn và người buôn. Truyện Kiều thì chỉ thấy “thằng bán tơ” gieo tai họa cho dân lành. *Vũ trung tùy bút* của Phạm Đình Hổ mô tả đời sống đô thị chỉ rất chuyện vô đạo lý, trong đó việc buôn bán bị coi khinh...”^[1]

Trong ngôn ngữ đời thường cũng “khắc họa” một chân dung người làm nghề buôn bán theo quan dân gian. Câu nói “buôn gian, bán lận” dường như đã “đóng đinh” cho hình tượng của những người làm nghề buôn bán suốt một thời gian dài. Thậm chí thời bao cấp chúng ta cũng vẫn còn nhắc nhiều tới cụm từ đó. Không biết từ khi nào dân gian đã mặc nhiên dùng từ “con buôn” để “chỉ mặt, đặt tên” cho những người hành nghề buôn bán - một cách gọi tên hàm chứa sự khinh thị, thiếu tôn trọng. Thành ngữ “đầu đường xó chợ” cũng phần nào ám chỉ những người làm nghề nay đây mai đó, trong đó có nghề kinh doanh buôn bán... Đó là điều hết sức nghịch lý mà chỉ khi chúng ta lấy những quan niệm trong văn hóa Việt ra mới có thể lý giải được

Như vậy, trong xã hội cũ, nghề buôn không được bình đẳng so với những nghề khác - trong suy nghĩ của đại bộ phận nhân dân, bị xếp ở một vị trí thấp kém.

Tất nhiên, nghề nào cũng có những hạn sạm của nó, ngay cả trong những nghề được xem là cao quý nhất. Những nhận định về nghề buôn bán như trên cũng phần nào phản ánh mặt trái của lớp người hành nghề buôn bán. Song chính từ chuyện kỳ thị này đã ngày càng đẩy nghề buôn xuống hàng thứ yếu.

Việc buôn bán quan hệ tới sự thịnh suy của quốc dân

Do quan niệm và cũng do các chính sách của nhà nước phong kiến, nghề kinh doanh hầu như không được phát triển. Khi thực dân pháp xâm lược nước ta, sự phân hóa xã hội diễn ra rất nhanh chóng. Một số tầng lớp mới nhanh chóng được hình thành, trong đó có tầng lớp tư sản, tiểu tư sản. Nghề kinh doanh bắt đầu được sinh sôi nảy nở như nấm sau mưa.

Như chúng tôi đã từng đề cập tới trong cuốn sách này, sự phát triển của nghề kinh doanh, sản xuất có ảnh hưởng không nhỏ từ phong trào Duy tân nói chung và sự khuyến khích nghề kinh doanh buôn bán của các chí sĩ yêu nước từ trường Đông Kinh Nghĩa Thục nói riêng đã phát động và tự mình đi đầu làm tấm gương cho dân chúng noi gương. Ngoài ra, sự tác động của một số tờ báo thời đó mà chủ bút và những cây viết đa số là những người có tư tưởng tiến bộ, đã góp tiếng nói tích cực tôn vinh nghề kinh doanh. Đầu tiên phải kể đến *Đảng Cổ Tùng Báo*, tờ báo được coi là cơ quan ngôn luận của các nhà nho sáng lập Đông Kinh Nghĩa Thục. Rất nhiều bài viết trên tờ báo này đã ra sức cổ vũ cho phong trào thực nghiệp, lập hội buôn, chấn hưng nền kinh tế của nước nhà. Rất tiếc là tờ báo đã bị Pháp đóng cửa chỉ sau 8 tháng lưu hành.

Trong nam thì có tờ báo *Nông cổ mín đàm* (ngồi uống trà bàn chuyện làm ruộng và đi buôn) ra số đầu tiên vào ngày 1.8.1901, phát hành thứ năm hàng tuần tại Sài Gòn, được coi là tờ báo kinh tế đầu tiên ở Việt Nam. Trên *Nông cổ mín đàm* cũng đăng tải rất nhiều bài viết cổ vũ cho nghề kinh doanh, buôn bán, mở mang công thương, phổ biến khoa học Tây phương, chống sự thủ cựu mê tín và đả phá các hủ tục.

Sự cổ vũ, khuyến khích thực nghiệp bằng phương tiện báo chí đã góp phần rất tích cực vào việc khẳng định vị trí của nghề kinh doanh trong thời kỳ mới.

Lương Văn Can là một trong những người ủng hộ hết lòng cho sự phát triển của thương nghiệp. Khó ai có thể hình dung một vị nho học cách chúng ta gần một thế kỷ đã nhìn thấy tầm quan trọng của nghề kinh doanh đối với sự phát triển của dân tộc. Thời đó, cụ đã nhìn thấy

một sự giao thương mang tầm quốc tế: *Bây giờ phong khí mở rộng, hoàn cầu đi lại như một nhà, đường bộ thì có hỏa xa, đường thủy thì có hỏa thuyền, không trung thì có tàu bay, lại thêm điện báo để thông thư tín, điện thoại để thông âm ngữ, tin tức đã mau, vận tải rất tiện, người mà thông buôn bán thì làm giàu cũng dễ. Tục ngữ có câu rằng: Phi thương bất phú, các đại quốc do thông thương mà làm được phú cường, các nhà đại tư bản do kinh thương mà phú gia địch quốc, thế thì sự buôn cũng không nên câu nệ như xưa mà chẳng lưu tâm nghiên cứu.*”

Cách chúng ta cả gần 1 thế kỷ mà cụ Can đã cảm nhận được cái không khí “hoàn cầu đi lại như một nhà” mà đến tận năm 2006, sau khi Việt Nam đặt chân vào WTO người dân Việt Nam mới “thấm” được điều đó.

Trong nhiều bài viết cổ súy cho thương giới Việt, Lương Văn Can luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của kinh thương. Với một nhãn quan sáng suốt, cụ Cử đã nhìn ra vai trò sống còn của nghề kinh doanh đối với sự phát triển chung của đất nước. Cụ nhấn mạnh: “Đương buổi thế giới cạnh tranh này, các nước phú cường không đâu là chẳng đua tài thi sức ở trong trường thương chiến, văn minh càng tiến bộ, buôn bán càng thịnh đạt. Buôn bán thịnh đạt thời trong nước giàu mạnh không biết đâu là cùng, buôn bán suy thời trong nước nghèo yếu không biết đâu mà kể, cứ xem cái trình độ buôn bán một nước cao hay thấp, rộng hay hẹp thời xét được dân nước ấy giàu hay nghèo, văn hay dã[2]. Việc buôn bán có quan hệ thịnh suy như thế, ta há nên coi thường xem khinh được sao?”

Cụ Cử đã coi buôn bán không chỉ quan hệ tới sự giàu nghèo của đất nước mà còn liên quan tới cả nền văn minh của dân tộc đó, và như vậy, sự phát triển của thương nghiệp có ảnh hưởng sâu sắc tới sự thịnh suy của đất nước. Điều mà cụ Cử chia sẻ với đồng bào thế kỷ trước vẫn còn nguyên giá trị trong thời buổi toàn cầu hóa ngày hôm nay.

Sau những nỗ lực của các nhà trí thức cổ súy cho sự phát triển của nghề kinh doanh, thời kỳ tiếp theo, bắt đầu nổi lên những tên tuổi người Việt trong giới doanh thương. Đầu tiên phải kể đến Nhà công

nghiệp Trương Văn Bền (1883 - 1956) tại Sài Gòn. Xuất phát từ một người làm nghề thủ công, năm 1918 ông đã có trong tay một nhà máy nấu dầu dừa, sản xuất xà phòng, glycerin hàng ngàn tấn mỗi tháng. Ông còn là người Việt đầu tiên lập ra hai nhà máy xay lúa công suất trên 100 tấn gạo/ngày. Ông được mệnh danh là nhà công nghiệp vì là nhà sáng lập, làm chủ tịch hoặc thành viên chính của nhiều hiệp hội kinh tế ở Nam Kỳ và Đông Dương.

“Ông vua đường thủy” Bạch Thái Bưởi (1874-1932) cũng là một trong những tên tuổi khét tiếng thời Pháp thuộc, người đã kinh doanh rất thành công trong ngành vận tải đường sông. Ông được mệnh danh là “Vua sông biển Đông Dương”, có địa bàn hoạt động khắp Đông Dương và các vùng lân cận như Hồng Kông, Trung Quốc, Nhật, Singapore... Ông đã mua lại những con tàu của các công ty Hoa, Pháp bị phá sản, thậm chí mua lại cả xưởng đóng tàu của R.Marty. Đã có lúc Bạch Thái Bưởi sở hữu trong tay hơn 40 con tàu, có 2.500 người làm việc trên các đội tàu, xưởng đóng tàu... Vào thời kỳ này, người ta còn nhắc tới những cái tên như Nguyễn Sơn Hà (1894 - 1980) - ông chủ hiệu sơn Gecko, Ngô Tử Hạ (1882-1973). Xuất thân từ một thợ làm trong một nhà in cho Pháp, đến năm 25 tuổi đã có nhà in riêng và sau này trở thành nhà tư sản dân tộc sở hữu trong tay 2 nhà in, có nhiều đóng góp tích cực cho Cách mạng...

Và để hình thành được một thế hệ những nhà tư bản Việt là chuyện không hề dễ dàng. Đó là cuộc chiến trên thương trường giữa doanh thương Việt và các tư bản Pháp, tư bản Hoa Kiều.

Có thể nói, phong trào cổ vũ thực nghiệp đã cho đời một tầng lớp những người làm kinh doanh mới, từng bước làm thay đổi cơ bản hình ảnh của người hành nghề kinh doanh buôn bán. Chuyện người Việt làm giàu cũng dấy lên một tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc. Những con tàu của Bạch Thái Bưởi mang những cái tên rất Việt Nam giống buồm sánh vai cùng các tàu buôn lớn của thế giới giữa đại dương, đã từng là niềm tự hào của đồng bào ta. Sự phát triển và lớn mạnh của những nhà tư sản Việt có tinh thần ái quốc trên thương trường, sánh vai cùng các tư bản nước ngoài đã cho người dân đất Việt một niềm tin vào tương lai phía trước.

* * *

Nhưng dầu vậy, nghề buôn bán ở Việt Nam thời gian đó vẫn không thực sự phát triển mạnh như những gì mà các nhà Đông Kinh Nghĩa Thục mong muốn. Bằng chứng là không có nhiều doanh nhân thực sự có thể cạnh tranh với người Pháp trừ một số gương mặt tiêu biểu. Những tấm gương doanh nhân Việt thành công vẫn chỉ là những con số rất hiếm hoi, đếm trên đầu ngón tay và bản thân họ cũng phải chịu sức ép rất lớn trước những nhà tư sản lớn của Pháp. Rất nhiều nhà buôn, nhà sản xuất sau một thời gian hành nghề đã phải đóng cửa. Nhìn chung, mô hình kinh doanh ở Việt Nam vẫn nhỏ lẻ, mang tính tự phát và chưa thực sự cạnh tranh được với tư bản nước ngoài.

Một trong những lý do mà thời đó được lý giải là do sự non trẻ của giới doanh thương Việt Nam, thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm trên thương trường nên cũng khó mà chống chọi được trên sân chơi chung với các tư bản Pháp và Hoa kiều.

Bên cạnh đó, thương giới Việt thời đó còn có rất nhiều tồn tại cần vượt qua để thực sự phát triển vững mạnh. Trước đây, nghề buôn không có chỗ đứng, người đi buôn chỉ dựa vào sự nhạy bén riêng của cá nhân, những “chiêu thức” được lưu truyền bằng đường miệng hoặc là nghề cha truyền con nối. Không ít người đến với nghề buôn bán một cách mò mẫm, từ việc buôn thúng bán bưng mà dần phát lên, tích lũy kinh nghiệm để trở thành một nhà buôn. Đó là một con đường gập ghềnh, manh tính tự phát, rất khó có thể phát triển thực sự lớn mạnh khi chưa có những hướng dẫn manh tính định hướng.

Nhìn lại, trong lịch sử của nghề kinh doanh, chưa từng có một cuốn sách về kinh doanh cũng như chỉ ra những mặt mạnh, mặt yếu của các doanh thương người Việt. Trong thời thế mang tính cạnh tranh với các tư bản nước ngoài rất gay gắt, người đi buôn trong nước cũng rất cần phải có kiến thức, có trình độ mới có thể tồn tại được.

Vậy, doanh nhân Việt sẽ phải học những gì? Sẽ phải bắt đầu từ đâu? Đó là câu hỏi lớn trở đi trở lại trong tâm khảm của Lương Văn Can trong nhiều đêm mất ngủ tại Cao Miên. Cụ tự cảm thấy mình

phải có trách nhiệm với sự phát triển của họ, hay với sự phát triển của nền thương nghiệp non trẻ của nước nhà.

Dạy họ chi bằng hãy viết sách! - một ý tưởng lóe lên trong đầu cụ Cử Can. Ngay lập tức cụ hồ hởi bắt tay vào một nhiệm vụ mới đầy .thiên liêng và cao cả: viết cuốn sách đầu tiên cho thương giới Việt

II. Khai trí cho thương giới Việt

Vì sao doanh nhân Việt Nam không nhiều tên tuổi thật sự lớn? Vì sao thương giới Việt bị tư bản nước ngoài chèn ép, hàng hóa của ta không có chỗ đứng ngay trên chính thị trường nước ta, trong khi nhiều mặt hàng của ta gắn mác ngoại vào thì lại được người dân háo hức đón nhận? Những câu hỏi lớn đó cứ trở đi trở lại trong đầu nhà trí thức họ Lương... Khai trí cho thương giới Việt trong buổi đầu bỡ ngỡ trên “trường thương chiến” - cách gọi của cụ Can về trường trường - như một sứ mạng lịch sử, một trách nhiệm mà Lương Văn Can tự ghé vai vào gánh vác lấy.

Cuốn sách giáo khoa đầu tiên dạy nghề buôn bán

Khai trí cho thương giới Việt - đó là một sứ mệnh quan trọng của những nhà trí thức, góp phần thúc đẩy việc kinh doanh buôn bán tiến thêm những bước tiến mới. Làm sao để người Việt có thể tranh đua với tư bản thế giới, nếu như không có kiến thức, không có tầm nhìn xa? Tất cả cần phải học. Muốn học phải có thầy, phải có sách. Mà một nghề còn trướng nước như nghề buôn, đào đâu ra những thầy dạy, sách hay để đọc?

Là người từng soạn sách cổ vũ sự buôn cho trường Đông Kinh Nghĩa Thục, chứng kiến những thành bại của giới doanh thương và bản thân cũng từng kinh qua buôn bán - những yếu tố đó đã cho Lương Văn Can thêm hiểu cái thiếu và cái yếu của các doanh nhân Việt. Cụ có cái nhìn khá toàn diện về cách thức kinh doanh của người Việt.

Một trong những bộ sách rất quan trọng mà cụ đã viết ra sau 8 năm kinh doanh buôn bán ở xứ người, đó là *Thương học phương châm*. Cuốn sách được in tại nhà in Thụy-Ký Hà Nội, lần xuất bản đầu tiên với số lượng 1.000 cuốn, ra mắt độc giả vào trung tuần tháng 2 năm Mậu Thìn (1928).

Trong cuốn sách mỏng này, ít ai ngờ, chứa đựng không chỉ những kiến thức quý báu cho nhà buôn ta thời bấy giờ mà còn mang ý nghĩa lịch sử: nó được coi là cuốn sách giáo khoa đầu tiên dành cho thương giới do một người Việt biên soạn ra trong những ngày đầu các nhà buôn của ta trên con đường tập buôn bán và cạnh tranh với tư bản quốc tế

Trong lời Tựa của cuốn sách, Lương Văn Can đã nói rõ mục đích của mình khi cầm bút soạn nên *Thương học phương châm*:

“... Nước ta ngày trước học Nho chỉ chí tại thi đỗ để ra làm quan, ngày nay học Tây chỉ chí tại tốt nghiệp để ra làm việc, ít người có chí làm thực nghiệp, hoặc có một bọn muốn học nghề buôn, mà tư bản đã ít, học thức cũng kém, chỉ được mấy năm thì thất bại, khánh tận ngay, ấy chỉ bởi không có học mà đến thế. Ôi! Sự buôn rất là phiền phức, nào là tư bản, nào tính toán, nào sổ sách, nào thư từ, nào mua hàng, nào bày hàng, nào bán hàng, nào tính hàng, nào thương hiệu, thương địa, thương điểm, nào cách tiếp dân, nào quảng cáo, việc gì cũng phải có cơ-quan^[1], nếu không biết thương học, đủ cả thương đức thương tài thì không được. Tôi không phải là người biết buôn, chỉ nhặt lấy các sách quan hệ về sự buôn, lược dịch ra như sau này để độc giả chọn lấy mà xem cho biết sự thể tình hình, may ra nghề buôn nước ta có phát đạt hơn trước được chăng...”

Lương Văn Can khẳng định, với nghề buôn bán rất cần phải có sự học hỏi bài bản, khoa học. Nhìn lại trong lịch sử, chúng ta chưa từng có một cuốn sách dạy nhà buôn phải làm như thế nào. Thời buổi mới, sự cạnh tranh trong buôn bán cũng khốc liệt hơn, các nhà buôn của ta không thể chỉ quanh quẩn với những kinh nghiệm truyền miệng, mà phải được trang bị kiến thức một cách đầy đủ và bài bản. Kiến thức chính là hành trang cần có để tự tin bước ra thương trường.

Cuốn sách có các mục: Tựa, Tư bản, Tổ chức sự buôn, Tính toán, Sổ sách, Thư từ, Mua hàng, Thương hiệu, Thương tiêu, Thương địa, Thương điểm, Bày hàng, Quảng cáo, Giao tế tiếp dẫn, Điều lệ nhà băng, Sự buôn bán ở nước ta. Nhìn vào các mục trên cũng giúp ta

hình dung một cuốn sách tương đối có hệ thống dành cho những người làm nghề kinh doanh, buôn bán.

Trong mục Tư bản, Lương Văn Can viết: *“Tục ngữ rằng: “có bột mới gột nên hồ”, nếu không gạo mà muốn thổi cơm thì dầu khéo cũng đổ ai làm được, cho nên muốn buôn thì phải có tư bản, hoặc của một người, hoặc của hợp-cố^[2], tùy nhiều ít mà lập thương điếm (...) đời bây giờ không nên khinh nghề buôn, mà nghề buôn tất phải có tư-bản, tư-bản phải dự bị làm sao cho chắc chắn, còn như không biết mà làm liều thời là thẳng còng làm cho thẳng ngay ăn, tất là hữu lao nhi vô công, nhà kinh-thương không nên làm vậy.”*

Trong các mục sau, cụ dẫn dắt các nhà buôn vào các bài học về buôn bán, với cách hành văn giản dị, giàu hình ảnh, và dễ hiểu, lại có các ví dụ về các nhà buôn quốc tế. Đây là một cuốn sách đúc kết kinh nghiệm kinh doanh buôn bán của người Việt và những bí quyết kinh doanh của người nước ngoài mà cụ cử Can đã tổng hợp được qua sách báo. Dầu là những kiến thức sơ đẳng nhất của nghề kinh doanh vào thời điểm trước 1930, song *Thương học phương châm* thực sự là cả một kho kiến thức quý giá cho những người theo nghề kinh doanh, buôn bán. Nó đã trở thành một cuốn sách gối đầu giường của thương giới Việt trong những năm 20 của thế kỷ trước.

“Chẩn bệnh” cho thương giới

Khi bàn về sự phát triển của nền thương nghiệp nước nhà, Lương Văn Can từng than thở *“thậm chí đến cả nước mà không có một cái đại công ty nào, tiền đồ kinh tế nước ta bao giờ mới có tiến bộ, anh em trong thương giới đã nghĩ đến chưa?”*

Sống giữa buổi giao thời, Lương Văn Can thấu hiểu những khó khăn của người Việt trên con đường đấu tranh để dành độc lập dân tộc. Muốn đấu tranh thành công, phải có sức người, sức của. Và thương giới chính là lực lượng chính tạo ra “sức của” cho xã hội. Người Việt Nam cần phải đề cao tính tự cường, không để tư bản nước ngoài “qua mặt”.

Là một nhà nho, chuyên dạy học và viết sách, rất tích cực trong phong trào Duy tân, bản thân Lương Văn Can sống một thời gian dài trong không khí kinh doanh, buôn bán của Hà Thành. Phu nhân của

cụ cử Can là một người buôn bán rất giỏi dang, khéo léo. Những trang viết về người vợ hiền đã thể hiện điều đó: “Chính thất của ta vốn dòng khuê môn ở xã Bình Vọng, phủ Thường Tín. Tính người bình tĩnh, đoan trang, thần sắc luôn tỏa ra sự trong sáng, nghiêm cẩn mà dịu dàng. Nói năng nhỏ nhẹ và luôn diễn đạt được mọi ý tứ rõ ràng. Trên 50 năm trong nghề kinh doanh buôn bán, cả đất Hà Thành ai cũng mến yêu. Là nhà buôn có đức nghiệp, nên đã có đủ kinh tài, để trên thì phụng dưỡng cha mẹ, và dưới thì biết nuôi dạy con cái nên người.” Lương Văn Can gọi người vợ hiền của mình là “nhà buôn có đức nghiệp”, với một thái độ kính trọng hiếm thấy. Con cháu của dòng họ Lương còn nhớ, dưới sự thu vén của cụ bà, gia đình Lương Văn Can có thấy 4 cửa hàng bán tơ lụa ở Hà thành. Điều đó đủ cho thấy sự khéo léo và năng động của cụ bà trong thời điểm đó.

Trong gia đình Lương Văn Can, hầu như ai cũng được tham gia vào công việc buôn bán. Vì thế, buôn bán cũng là nghiệp chính của nhà cụ Cử. Rồi những ngày tháng lưu đày ở Nam Vang, Lương Văn Can bắt tay vào buôn bán, tích góp tiền gửi cho các tổ chức cách mạng, coi đó là một công cụ để thể hiện lòng yêu nước, cũng là cách để trải nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh. Cụ đã rất thành công trong vai trò của một thương nhân trong thời gian đi đày. Thậm chí, sau này thương giới Việt đã tôn vinh cụ như một người có công mở đường cho phong trào buôn bán ở Nam Vang.

Trong thời kỳ phát động phong trào chấn hưng thực nghiệp, các nhà nho cũng xắn tay áo lao vào làm kinh tế, nhiều quan lại bỏ quan trường để đi buôn - một không khí rất sôi nổi rồi cũng bị Pháp thẳng tay đàn áp, nhiều nhà buôn của ta cũng đã bị phá sản vì cạnh tranh không lại với tư sản nước ngoài.

Từ những kinh nghiệm đó, cộng với sự quan sát tình hình đất nước, sự phát triển của nghề kinh doanh buổi giao thời, Lương Văn Can đã thấu hiểu những điểm mạnh, yếu của người Việt trên thương trường. Cụ quyết định viết lên bộ sách, như là những đúc kết ra đặc điểm của giới doanh thương Việt.

Hậu thế đã có nhiều đánh giá về *Thương học phương châm* - cuốn sách rất hữu ích cho thương giới Việt Nam những năm đầu hình thành dưới thời Pháp thuộc.

* * *

Cuốn sách *Thương học phương châm* được cụ viết ra không chỉ nhằm mục đích đề cao vai trò của thương mại mà còn đã phân tích rất thấu đáo những hạn chế của người Việt trong lĩnh vực buôn bán. Theo Lương Văn Can, những hạn chế của thương giới Việt gồm có 10 điểm, xin trích đăng nguyên văn:

“1. Người mình KHÔNG CÓ THƯƠNG PHẨM, cái tài liệu của nhà buôn bán cốt tại công nghệ, công nghệ của người mình xưởng thợ không dựng, máy móc không có, sách vở nghề làm thợ cũng không ai làm, các thợ thuyền chỉ biết chuyên theo nghề cũ, không mấy ai suy nghĩ kiểu mới kiểu lạ, làm nghề gì cũng chế tạo bằng thủ công, cho nên đồ gì cũng khổ đủ bậc nhược, khi dụng vật liệu tức là cái tài liệu của nghề buôn bán, tài liệu đã kém thời buôn bán còn mạnh được sao.

2. Hai rằng KHÔNG CÓ THƯƠNG HỘI. Người các nước văn minh buôn bán đều có thương hội, thương hội càng đông thời buôn bán càng to, nên mới gây dựng được cửa hàng vốn liếng đến hàng ức hàng triệu, còn các nhà thương mại ta buổi này cũng có số ít người muốn sốt sắng lập thương hội, nhưng cách thức lập thương hội chưa thạo, công việc sắp đặt trong hội chưa sành, kẻ gian quyết mượn tiếng lập hội làm kế vợ vét, người ngay thật vì việc vào hội hóa phải thiệt riêng, thành ra thương hội chưa lập đã vỡ, cổ phần chưa họp đã tan, có khi sinh ra thù oán kiện tụng lôi thôi nữa, như thế còn gọi là thương hội sao được.

3. Ba là KHÔNG CÓ TIN THỰC. Lòng tin thực tức là cái cốt yếu của nhà buôn, đã không có lòng tin thực thời một người mắc lừa một trăm người không tin, một phần được lợi, muôn phần chịu thiệt, cái ám muội của nhà buôn ta không thể nào tả hết được, chỉ xem ngạn ngữ ta rằng “thực thà cũng kể lái buôn” thời đủ biết đức tính của nhà buôn ta vậy. Kìa như hàng Tây với hàng Tàu vật gì cũng mã giá nhất định, hoặc chỉ nói một nhời mà người mua không phải mặc cả nên mua bán không phải chào mời khó nhọc. Đến như hàng ta thì nói lên mưì, mà bán xuống sáu, nói rất cao mà bán rất hạ, khách chưa đến cửa đã vội mời vào, khách ra khỏi cửa thì mới gọi bán, chẳng qua chỉ muốn lừa lọc những kẻ quê mùa khờ dại để đánh lừa lấy đôi chút lợi

nhỏ mà thôi, ấy chỉ bởi cái lòng không tin thực ấy mà làm trở lực cho hàng hóa ta không thể nào mạnh bằng hàng các nước được.

4. Bốn rằng **KHÔNG CÓ KIÊN TÂM**, người các nước văn minh đã chuyên làm nghề gì thời sống chết cũng chăm vào cái mục đích ấy, làm cho nghề được tấn tới mãi lên, dầu gặp việc ngang trở cũng không quản, thấy việc gian nan cũng không từ, các nhà buôn ta trừ một số ít nhà phú thương không kể, còn thời phần nhiều là đầu năm đi buôn, cuối năm đã đi làm thợ, năm nay đi buôn không lợi, sang năm lại xoay nghề khác, hoặc làm nghề gì không lợi mới lại tìm cách đi buôn, chỉ hấp tấp làm cái lợi nhớn tiền mà không có kiên tâm cố chi, nên việc buôn bán không có vững vàng, không có nề nếp vậy.

5. Năm rằng **KHÔNG CÓ NGHỊ LỰC**. Người các nước buôn bán thường vượt bể nọ sang bể kia, từ nước này qua nước khác, người nước mình buôn bán tự miền xuôi lên miền ngược, đã lo những nước độc ma thiêng, từ miền bắc xuống miền nam đã gọi là chân giò góc bể, chí khí đã nhút nhát, tư tưởng lại hẹp hòi. Nên buôn bán dầu có gặp vận gặp thời, mà kết quả cũng chỉ đủ thân kế gia kế mà thôi, không phát đạt bằng nhà buôn các nước được.

6. Sáu là **KHÔNG BIẾT TRỌNG NGHỀ**. Sách Tây có câu rằng “không có nghề gì là không quý”. Sách Nho có câu rằng “nhất nghệ tinh, nhất thân vinh”, suy thế thì ai làm nghề gì phải lấy nghề ấy làm quý mới khá, nhưng cái thông bệnh của người mình thời ai cũng lấy hàm cao quan lớn làm vinh mà ít ai biết buôn bán làm trọng, suy ngay chính những nhà buôn lúc trước còn chịu khó ăn nhịn để dành hết sức làm lụng, đến lúc đã được lưng vốn khá to thời đã vội vứt của huyết hãn ra hàng nghìn hàng vạn, luồn cửa này vào cửa khác, tấp tểnh mua chuộc lấy tiếng phẩm nọ hàm kia, nghề đã không trọng chỉ trọng hư danh thời tư bản thực sự có sút đi mà khó mong tấn tới lên được.

7. Bảy là **KHÔNG CÓ THƯƠNG HỌC**. Các nước văn minh đều có trường[3] thương học, có khoa thi thương mại, để đào tạo cho các học sinh có đủ tư cách làm nghề buôn, bởi thế nên người buôn bán có kiến thức, cách buôn bán được khôn ngoan. Nước ta ngày nay, dầu nhà nước có đặt trường dạy buôn, nhưng nói cho phải thời học sinh vào đó học mà cố ý sau này ra buôn bán thời ít mà vào đó học để tìm

lấy chân vào làm việc các sở thời nhiều, còn những nhà buôn cũ thời nào có ai đã từng vào tràng thương học xem sách dạy buôn đâu, nên có nhiều người chỉ biết gồng nặng gánh nhẹ, lên ngược xuống xuôi thôi, mà chữ nghĩa không biết, tính toán không thông. Thời làm thế nào nhớ được hàng giao dịch nơi này sang nơi khác, hàng nghìn hàng vạn, làm thế nào cho hàng hóa tiêu thụ được rộng. Làm thế nào hiểu được luật lệ của các nhà buôn, bởi thế nên không tấn bộ[4] được.

8. Tám rằng KÉM ĐƯỜNG GIAO THIỆP. Các nhà buôn cần phải biết cách giao thiệp, vì giao thiệp là cái môi giới của đường buôn bán, giao thiệp rộng rãi, quen biết nhiều nơi, thời buôn bán mới mạnh. Xem như nhiều nước đều có học tiếng nước Anh là tiếng nói vạn quốc thông dụng để đi đến nước nào nói năng cũng được tiện lợi và in những những sách chiêu hàng phân phát cho nhiều người yêu dùng, khôn ngoan biết là chừng nào. Nhà buôn mình phần nhiều là kiến văn không rộng, ý tứ không sành, giao thiệp vụng về, nói năng kém cỏi, làm gì biết được cách giao thiệp ấy. Giao thiệp đã vụng thời buôn bán được sao.

9. Chín rằng KHÔNG BIẾT TIẾT KIỆM. Hai chữ tiết kiệm thực là một cái yếu kiện của nhà buôn. Cạn lai[5] nhà buôn ta cũng theo cái phong trào sa xỉ càng ngày càng mạnh mà gây nên cái độc căn bản không vững bền. Nguyên vì các nhà buôn ta đại đa số là tư bản bạc nhược đã bó buộc vào trong tệ tục, ăn mặc không xa hoa lấy làm hổ thẹn, nhà cửa không rộng rãi lấy không dễ mượn vay, làm ít tiêu nhiều, dư dật được ít nào đều bị cái phong trào xa xỉ nó cuốn cuộn cả đi, bởi thế nên nhiều người tháng sau cáo cùng mà tháng trước vẫn diện ô tô song mã; lắm nhà ngày mai tịch ký mà ngày nay vẫn bày châu báu ngọc ngà, thật là chỉ choáng bề ngoài mà xấu bề trong, tốt bộ vỏ mà không có ruột, trách nào vốn liếng mỗi ngày chẳng kém đi, sinh kế ngày càng quẩn bách.

10. Mười rằng KHINH NỘI HÓA. Người các nước trọng dùng của thổ sản, đồ gì cũng làm lấy mà dùng, lại thi nhau làm đồ mới đồ lạ để cho mua bán tiêu thụ càng ngày càng rộng. Người nước ta chỉ quý ngoại hóa, khinh nội hóa, thấy người ngoài có đồ mới lạ, không biết bảo nhau chế tạo hơn lên để mà chấn hưng thương nghiệp; cũng có

thứ nguyên là của mình làm ra mà người ngoài thuê mấy chữ hiệu của họ vào, thời người mình đua nhau mà buôn, đua nhau mà mua, dẫu bao nhiêu tiền cũng không tiếc, khiến cho lợi quyền mất cả ra ngoài, trách nào nghề buôn mình chả kém các nước.

Mười cái điều nhược điểm đã nói lên như trên này chính là cái bệnh rất nhớn làm cho các nhà buôn ta bó buộc vào đất eo hẹp mà không có đường mở mang, xa hãm vào cái cảnh thua sút mà không có cơ phát đạt được, những điều đó từ phong tục theo nhau như thế mà sinh ra, nhưng thực từ các nhà buôn ta kiến thức không giỏi, quyết đoán không rành, nên không thoát khỏi được, nếu ta không biết những điều nhược điểm đó như cái bệnh độc hại phải tìm phương mà cứu chữa, như con đường trở ngại phải tìm cách mà khai thông, thời nghề buôn mình làm thế nào mà cạnh tranh với người được.”

Mười nhược điểm mà Lương Văn Can chỉ ra cho doanh thương Việt quả là rất quý giá - nó đã giúp thương giới nhìn thẳng vào bản thân mình, nhìn thấy những yếu kém của chính mình để tự “chữa bệnh”.

Những nhược điểm trên mà cụ Cử chỉ ra cho các doanh thương Việt Nam dường như vẫn còn đáng để chúng ta đọc và nghiền ngẫm. Bởi cho đến nay, giới doanh thương của ta vẫn chưa thực sự mạnh để có thể cạnh tranh một cách bình đẳng trên sân chơi chung toàn thế giới, điều mà các nhà Duy Tân cách chúng ta một thế kỷ đã khao khát mong muốn.

Trước những phân tích rất thấu đáo của Lương Văn Can nhà sử học Dương Trung Quốc đã bày tỏ sự tâm đắc: “Những nhận xét của vị Thục trưởng Đông Kinh Nghĩa Thục quả là tinh tế và chứa đựng một tinh thần phê phán sâu sắc về lớp doanh nhân thời thuộc địa. Doanh nhân thời đổi mới hiện tại đã đông đảo và được hưởng những thuận lợi hơn nhiều những thế hệ trước. Họ đã trưởng thành trong thực tiễn thị trường và hội nhập quốc tế. Nhưng đọc lại lời “chẩn bệnh” của cụ cử Can cách đây ngót thế kỷ ta vẫn cảm thấy những căn bệnh ấy vẫn chưa hết nọc và có những bệnh dường như đã trở thành mãn tính(?)”

Bài học của Lương Văn Can cho thương giới việt cách ta ngót thế kỷ, vẫn còn là những điều răn thấm thía đối với những người kinh doanh Việt Nam trong thời hội nhập. Nhiều nhược điểm của doanh nhân thời xưa liệu rằng đã thực sự mất đi trong lớp doanh nhân thời đại mới?

III. Đạo kinh doanh của người Việt

Cách đây ngót một thế kỷ, Lương Văn Can khẳng định: nhà buôn cần có đủ thương đức, thương tài mới cạnh tranh được với tư bản thế giới. “Thương đức, thương tài” - hai chữ đó đã gói trọn một triết lý về đạo kinh doanh mà cụ cử Can muốn cùng chia sẻ với những người trong thương giới. Và có thể nói, Lương Văn Can chính là người đặt nền móng xây dựng Đạo kinh doanh cho người Việt.

Mỗi nghề đều có một cái “Đạo”, hay nói cách khác là một triết lý riêng cho nghề. Làm nghề buôn bán, ấy là nghề làm giàu không chỉ cho bản thân mà cho cả xã hội. Nghề buôn bán trong buổi đầu được cổ súy, cũng rất cần có một cái Đạo. Vào buổi đầu manh nha ấy, thương giới Việt quả là đang mò mẫm để hình thành nên những quy tắc hành xử - cái “Đạo” chung - cho nghề này.

Trong dòng chảy của lịch sử, Lương Văn Can được coi như người thầy đầu tiên của giới doanh thương. Cụ không chỉ gắn bó với thương giới trong phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục khi cùng các chí sĩ soạn sách cổ vũ nghề buôn mà trong thời gian đi đày ở Nam Vang, cụ vẫn sưu tầm, học hỏi thêm về kinh nghiệm buôn bán của các nước tiên tiến, tích lũy những kiến thức về đạo kinh doanh của thế giới để rút ra một cái “đạo” kinh doanh phù hợp với hoàn cảnh của người Việt. Sự buôn bán thành công của cụ Lương cũng như một dịp để cụ thực hành những gì mà cụ đã chiêm nghiệm về nghề buôn. Có thể nói, Lương Văn Can là một nhà kinh doanh thành công nhờ có “đạo” đồng thời là một trí thức yêu nước, một nhà giáo, nên cụ cảm thấy cần phải có trách nhiệm sẻ chia cái “đạo” này đến với rộng rãi những người làm nghề kinh doanh.

Đạo kinh doanh mà cụ cử Can muốn chia sẻ cho thương giới Việt đó là gì?

1. Phải hiểu được ý nghĩa của việc kinh doanh

Không ít người kinh doanh nhưng thực chất vẫn chưa hiểu thấu đáo ý nghĩa của công việc mà mình đang làm, không hiểu thực chất cái “nghề” mình đang “hành”, hoặc hiểu một cách sai lệch. Đó là lý do có nhiều bất cập trong nghề buôn ở nước ta. Kinh doanh nhất quyết không phải là việc kiếm lời một cách bất chính, chộp giật, lường gạt như quan niệm xưa. Mà “Hai chữ kinh doanh phải xem xét cho biết nghĩa rộng nhớn, như người nông phu cày ruộng, người đàn bà dệt cửi^[1], người buôn đi, người buôn ngồi, việc gì cũng là kinh doanh cả, cốt phải lòng công đạo công, nhưng của gì có lợi cho mình theo lẽ tự nhiên, thời không có lòng nghĩ cần mà không đến nỗi phải mạo hiểm, đến như người chứa gạo mà mong giá gạo đắt, chứa vải mà mong giá vải cao, thời là cái lòng không bình, như người mua thừa mà bán thiếu, làm của giả để đánh tráo với của thật thời là cái đạo không công, không bình không công đều bởi tại lòng tham quá nặng, xét kỹ ra giàu nghèo có số vị tất đã được như ý ngay. Kìa những người luống sinh bụng dạ khắc bạc dẫu được lợi đến giàu, nhưng mà đạo giới cho phúc người thiện bắt vạ người dâm, mà chắc mình đã được hưởng lợi, đời có người buôn bán khởi gia mà con cháu chẳng được hưởng phúc đầy, thực bởi vì thế vậy.”^[2]

Như vậy, Lương Văn Can khẳng định buôn bán là một nghề lương thiện và chân chính - đó là một nguyên tắc, một cái đạo cao nhất của nghề kinh doanh. Cụ cử Lương cực lực lên án những kẻ gian dối trong kinh doanh “bán gạo mà đổ thêm nước vào, bán muối mà trộn thêm vôi vào, bán sơn mà trộn thêm dầu vào, bán thuốc mà đổi thứ khác vào” - đó là cách kiếm lời không bền và sớm muộn sẽ bị loại bỏ khỏi thương trường.

Lương Văn Can cũng bày tỏ quan điểm không được coi đồng tiền làm mục đích duy nhất trong kinh doanh: vì nếu tham lợi sẽ nảy sinh những mảnh trá, thiệt hại tới người tiêu dùng và lâu dài thì đó là hành động hủy diệt chính mình. Trong việc buôn bán, không phải bao giờ cũng chăm chăm vào mối lợi cho mình mà phải biết nghĩ đến cái lợi cho người. Cụ viết: *“Việc gì có ích cho người mà không tổn đến mình thời nên vui lòng mà làm, việc gì có ích cho người dẫu hơi tổn đến mình cũng nên miễn cưỡng mà làm, việc gì có tổn đến mình mà*

không ích cho người thì quyết không nên làm, việc gì không ích cho mình mà có tổn đến người lại không nên làm lắm.” Cũng từ quan điểm này, Lương Văn Can khái quát nên những “điều cấm” đối với người làm kinh doanh: “Việc gì trái cái bụng lương tâm mình thì không nên làm, việc gì trái công lý thì không nên làm, việc gì hại người thì không nên làm, việc gây nên ác nghiệp thì không nên làm.”

Như vậy, kinh doanh không chỉ là thu về nguồn lợi cho cá nhân mà còn là đem lại những lợi ích cho cộng đồng, xã hội. Những quan điểm về nghề kinh doanh của cụ có thể khái quát thành một cái Đạo: Kinh doanh chính là phụng sự xã hội.

2. Nguồn gốc của cái phải minh bạch

Theo Lương Văn Can, của cải, tiền bạc là rất quan trọng song “nguồn gốc phải cho trong mới được” - tức là những gì thu về từ việc buôn bán phải chính đáng. Những của cải chính đáng thì việc chi tiêu mới đúng người đúng việc. Ngay cả người xuất thân trong nghèo khó làm giàu cũng phải đi bằng con đường ngay thẳng. Và người không có của cải chưa hẳn là nghèo, nếu như trong tay họ sở hữu một cái nghề chân chính. Nghề nghiệp vững vàng là một món của cải quý và lâu bền.

3. Cần kiệm là cái đạo lớn của người kinh doanh

Cụ cử Can đưa ra một triết lí: *“Cay đắng siêng năng là con đường để tiến lên thành tài đó, một bước tiến lên một bước rồi ra tiến bộ vô cùng.”* Sự tiến phát triển, thành công của bất cứ nghề nghiệp nào cũng đều phải trải qua sự khổ công, sự phấn đấu. Một trong những điều quan trọng của người kinh doanh là tận tụy với nghề, dồn hết tâm sức vào con đường mình đã chọn lựa, không ngừng học tập, trau dồi kiến thức. “Tài cán người ta có hai giống, một là học vấn, hai là thực hành. Tài cán học vấn như nông lâm, kinh tế, sổ sách, công nghệ, trong nhà trường ngày thường dạy học, tài cán thực hành thời khác thế, như đã nhận một chức nghiệp gì thì phải nghiên cứu những sự vụ gì có quan thiết đến chức nghiệp mình, tường sát tình hình cho kỹ, không những lúc ở nhà làm việc phải hết nghĩa vụ, dẫu đến lúc lui về nhà tư cũng phải hết sức lo lường để cầu biết được nhẽ mới, như thế thời sự vụ lâm đến trước mắt, ứng phó tự nhiên

không khó.”[3] Và “dầu làm kỹ nghệ nhỏ, cũng cốt phải dùng cả khí lực, cũng cốt phải dùng công phu nhẩn nại mới được.”

Đối với người kinh doanh, khi kiếm được tiền nếu hoang phí xa xỉ thì bạc nghìn bạc vạn rồi cũng tiêu tán hết. Sự xa xỉ là điều mà Lương Văn Can phê phán rất mạnh mẽ, vì theo cụ “cái nguyên nhân nhớn, quốc dân sở dĩ suy yếu là tự sa xỉ mà đến”. Sự xa xỉ cũng chính là mẹ đẻ của tính tham lam trong mỗi con người. Cụ khuyên các nhà buôn ta “những sổ sách tiền bạc tiêu ra thu vào thường thường xét để ở trong con mắt, thế là phép rất tốt của nhà buôn bán” và “phàm cái gì cũng phải liệu số thu vào rồi hẵng tiêu ra; chớ có tranh thể diện hao mà thành hư phí đi mất nhiều”.

Tuy nhiên, cụ cũng chỉ ra: Tiết kiệm là cái đức tốt, nhưng mà hà tiện quá ra biển-lặn lại là cái kho chứa oán.” - ranh giới giữa tiết kiệm và sự hà tiện chỉ cách nhau trong gang tấc, có thể biến một nhà buôn từ thái cực này (tốt) sang thái cực khác (xấu).

4. Sử dụng đồng tiền như thế nào?

Người làm kinh doanh cần phải cần kiệm, song lại cũng phải biết tiêu tiền - tức là biết biến những đồng tiền mồ hôi nước mắt của mình thành những giá trị. “...sử mình thời kiệm mà chu cấp cho người, chỗ nên tiêu thì dầu nhiều tiền cũng đừng tiếc, chỗ không nên tiêu thì dầu ít cũng đừng hoang phí, thế thời cơ nghiệp chẳng nát mà ân đức mới rộng, như cứu người nạn, giúp người ngặt, cho người nghèo, thương người khổ, những việc thiện đó là chỗ nên tiêu tiền đó, như phồn hoa tốt đẹp kêu xa dân đắm những việc ác ấy là chỗ không nên bỏ tiền đó, hay chứa của mà lại hay bỏ của thế là ta sai khiến được của...”

Cụ Cử Lương khuyên các nhà buôn phải biết tiêu tiền, đó là dùng đồng tiền đã kiếm được để phục vụ xã hội. Trong hoàn cảnh nước mất, thì tinh thần dân tộc được đề cao: sử dụng những đồng tiền kiếm được từ kinh doanh để đóng góp vào sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Nhìn lại cuộc đời của cụ, chúng ta có thể thấy đó là một minh chứng sống động cho triết lý này: những đồng tiền gia đình cụ tích góp từ việc kinh doanh đã quay lại với xã hội, góp phần vào những

việc ích nước lợi dân. Trong các trường hợp cần kíp, gia đình cụ sẵn sàng bán cả gia sản tổ tiên để đóng cho sự nghiệp chung của dân tộc.

* * *

Như vậy, có thể nói, ngay trong những ngày đầu hình thành và phát triển, thương giới Việt đã có được một cái “đạo”, một đường lối khá rõ ràng. Đó quả là một may mắn rất đáng quý. Và người có công đầu trong việc xây dựng đạo kinh doanh cho người Việt không ai khác chính là danh sĩ họ Lương. Các thế hệ sau cảm phục cụ, một người chưa từng trải qua bất kỳ một trường lớp về kinh tế nào song đã viết sách rất bài bản dạy buôn bán, thiết lập nên một hệ tư tưởng riêng cho giới kinh doanh. Đây không phải là những bài học mang tính “sách vở” bởi chính cụ là người đầu tiên đem chính những kiến thức này - cái “đạo” này - ra thực thi và đã thành công.

Trong giai đoạn đầu thế kỷ 20, lần đầu tiên các nhà kinh doanh của Việt Nam hội nhập kinh tế với thế giới - có thể tạm coi như vậy - và ngay lập tức đã xây dựng được một con đường đi đúng đắn để tranh đua với các nhà tư bản nước ngoài. Những triết lý về đạo kinh doanh mà Lương Văn Can đã chia sẻ với thương giới cách đây ngót thế kỷ chính là những bài học vượt thời gian mà giới doanh nhân ngày nay vẫn rất nên tìm hiểu, chiêm nghiệm.

Chương IV: TIẾP TỤC SỰ NGHIỆP “KHAI DÂN TRÍ, CHẤN DÂN KHÍ”

Ngôi trường mang tên Lương Văn Can

Làng Nhị Khê buổi sớm mai đã vang lên tiếng chạp, tiếng đục kí cách, rộn ràng.

Nhị Khê là một làng cổ giàu truyền thống văn hiến của tỉnh Hà Tây, nổi tiếng với nghề thợ tiện. Tương truyền, dưới thời Vua Lê, chúa Trịnh, có một người tên là Đoàn Tài, từ nơi khác đến truyền nghề tiện cho dân làng. Từ đó dân chúng suy tôn cụ là tổ nghề tiện Nhị Khê và lấy ngày 25.10 âm lịch hàng năm - ngày mất của cụ - để tổ chức hội làng. Hội làng Nhị Khê cũng là một trong những nét rất đặc trưng trong đời sống văn hóa của người dân nơi đây. Nghề tiện đã tạo cho quê hương Nhị Khê một bản sắc riêng. Giờ đây, khi đặt chân tới làng, khách phương xa sẽ nghe tiếng máy tiện kêu vang, không khí làm việc cho nơi đây một không khí rộn ràng.

Những người dân Nhị Khê còn có một niềm tự hào bởi đây là mảnh đất gắn bó với tên tuổi của đại danh hào Nguyễn Trãi, mảnh đất đã sản sinh ra cho dân tộc Việt Nam một anh hào. Dân Nhị Khê đã dựng đền thờ vị anh hùng này, người làng quen gọi là đền ông Khai Quốc. Nguyễn Trãi là tấm gương lớn để các thế hệ đi sau vừa ngưỡng vọng, học tập. Các cụ trong làng răn dạy con cháu: cho dù có đi đâu, làm gì thì cũng đừng bao giờ được phép làm hoen ố những truyền thống của cha ông đi trước.

Dẫu đã chuyển vào Hà thành sinh sống, nhưng Lương Văn Can vẫn không quên gắn bó với nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Cụ vẫn

thường về làng vào mỗi dịp họ hàng giỗ chạp, lễ tết. Ngôi làng nghèo nhưng giàu văn hóa, với chiếc cổng làng uy nghi luôn cho những người con xa quê khi trở về một cảm giác gần gũi và thiêng. Thực ra, theo lệ làng, người làng mỗi lần đến gần đền thờ Nguyễn Trãi có tấm bia “hạ mã”, người đi xe mới phải xuống xe đi bộ qua đền rồi mới được lên xe đi tiếp - một cử chỉ bày tỏ niềm kính trọng với một danh nhân của đất Việt. Người làng Nhị Khê còn nhớ, mỗi lần về quê, khi đi qua cổng Quốc của làng - nơi có viết bốn chữ “Như kiến đại tân”[\[1\]](#), thì cho dù có đi xe tay, cụ cũng xuống xe, đi bộ về nhà.

Thói quen ấy đến khi mái tóc đã bạc phơ sương tuyết, cụ vẫn không hề thay đổi. Người làng bảo nhau, cụ Cử đúng là vẫn giữ cái gốc của tổ tông, của làng xã.

Trở về Hà Nội sau những tháng năm biệt xứ, cụ cử Can thường xuyên lui về ngôi nhà xưa, nơi cụ đã từng một thời cùng tham gia vào việc tiện gổ cùng với cha, gần gũi với xóm làng, quây quần với họ hàng thân thích.

Cũng như mọi lần về quê, cụ thường chứng kiến cảnh đám trẻ lấm lem đất cát lang bang chơi đùa trên những con đường đầy ổ gà ổ voi. Thời đó, trẻ em rất ít được đến trường, do hoàn cảnh gia đình và cả điều kiện thiếu thốn về trường lớp.

Trẻ em chính là tương lai của đất nước. Thế hệ của cụ đã qua rồi, mà công cuộc rửa mối hờn cho tổ quốc vẫn còn đầy chông gai. Không ai khác, những đứa bé này sẽ là người nối gót cha anh đi trước để đấu tranh cho đến ngày đất nước hoàn toàn độc lập.

Thế mà sự học hành của lớp trẻ chưa được chăm nom đúng mức, trong đó có nhiều nguyên nhân: gia đình khó khăn, sự thiếu thốn trường lớp... Cụ cảm thấy day dứt như mình chưa toại một điều gì đó. Khát vọng khai trí dường như vẫn còn nguyên sau gần chục năm xa nước. Trong tâm can cụ vẫn đang ấp ủ ý định sẽ tiếp tục con đường mà trước kia Đông Kinh Nghĩa Thục còn làm dang dở

* * *

Tin làng Nhị Khê sắp khánh thành một ngôi trường mới đầu tiên đã lan đi các xã bên. Ngay trong những ngày ngôi trường được khởi công xây dựng, một không khí háo hức đã lây lan trong lòng những

người dân nơi đây. Tri thức chính là cái gốc quan trọng để các thế hệ trẻ trưởng thành, có thực nghiệp và có những cống hiến quý giá cho xã hội.

Dân chúng Nhị Khê được tin trường là do một người của làng đứng ra xây, nhưng lại cũng có nhiều lời bàn tán trái ngược nhau về một mảnh thường quân thực sự còn đứng trong bóng tối... Gần ngày khánh thành, bỗng một toán lính trên huyện đã về làng, yêu cầu những người thợ ngừng tay, dỡ dỡ xà nhà ra để chúng kiểm tra. Phía sau xà nhà là tên của cụ cử Lương. Toán lính được lệnh bạt đi phần gỗ đã khắc tên của cụ trên đó.

Thì ra, những người thợ xây biết được đây là ngôi trường do cụ Lương Văn Can bỏ tiền túi ra xây, nhưng vì cụ là người từng có án với chính quyền nên phải mượn tên của một người khác. Cảm phục và xúc động trước tấm lòng của một cụ già đến tận cuối đời vẫn trăn trở về chuyện quốc dân, những người thợ bèn chạm khắc tên cụ lên thanh xà ngang của ngôi trường, nhưng giấu vào phía trong. Chuyện nhỏ đó thôi song cũng không qua mắt được tụi mật thám....

Tuy nhiên, sự kiện này chỉ một lần nữa khiến cho dân làng càng rõ hơn vị mảnh thường quân đã “áo gấm đi đêm”, lặng lẽ bỏ tiền túi ra xây trường cho con em trong làng.

Ngôi trường xây dựng xong vào năm 1924, được đặt tên là trường Nhị Khê, - một ngôi trường đầu tiên của làng, rất khang trang và bề thế. Sau Cách Mạng Tháng Tám, người làng đổi tên trường thành trường Lương Văn Can để tưởng nhớ người con ưu tú của quê hương, người đầu tiên xây nên mái trường này và đã có hàng ngàn công dân Nhị Khê đã lớn lên từ mái trường này. Cụ Cử còn bỏ tiền lát gạch trên đường làng, để tạo một diện mạo phong quang cho làng Nhị Khê.

Ngày nay, khi vào làng Nhị Khê, chiếc cổng Quốc xưa cũ vẫn còn đó, đường làng đổ bê tông nhưng đoạn đường gạch do cụ Cử Can xây thì vẫn được để nguyên, một kỷ niệm của làng Nhị Khê về một danh nhân, một người con ưu tú của quê hương mà họ hằng kính trọng. Ngôi trường Lương Văn Can rợp bóng cây xanh vẫn hàng

ngày ríu rít tiếng cười đùa của trẻ thơ. Với ngôi trường này, cụ đã đóng góp rất lớn vào sự nghiệp trồng người của nước nhà.

* * *

Nhà cách mạng của chúng ta khi đó đã bước sang tuổi thất tuần. Cụ vẫn năng nổ đóng góp sức mình vào công cuộc khai trí cho dân quốc. Trường Ôn Như được mở cửa trở lại ở số 4 Hàng Đào. Đông đảo thế hệ học trò nghe tiếng cụ đã xin đến theo học. Ngoài 70, cụ vẫn khỏe mạnh, dẻo dai, vẻ tinh anh và minh mẫn, vẫn đủ sức để làm những công việc ích quốc lợi dân. Bên cạnh việc dạy học, cụ lại cầm cụ viết sách. Mỗi cuốn sách là một sự tìm tòi, sự học hỏi của cụ trong bề kiến thức rộng lớn, rồi từ đó đúc kết ra những trang văn cho người đời học tập và *chiêm* nghiệm. Tinh thần học hỏi, tinh thần đổi mới ở cụ dường như không ngừng nghỉ. Sách cụ viết đa số được in tại nhà in Thụy Ký và phát hành với số lượng lớn, mỗi lần in là 1.000 bản. Với việc viết sách và xuất bản công khai, Lương Văn Can lại tiếp tục âm thầm đóng góp sức mình cho sự nghiệp khai trí cho đồng bào.

Đến nay, sau bao biến cố của lịch sử, số sách mà cụ Cử Can viết ra đã mất mát gần hết. Nhưng nếu nhìn lại những tựa sách của cụ trong thời kỳ cụ lưu đày và về nước, chúng ta sẽ phải thán phục bởi sức làm việc của cụ già khi đã bước sang tuổi “xưa nay hiếm”. Chỉ có niềm khao khát đóng góp cho sự nghiệp chung của đất nước vô cùng mãnh liệt mới có thể thúc đẩy một vị lão niên lao động hăng say đến như vậy. Ngoài 7 cuốn sách soạn trong gần 9 năm xa tổ quốc, khi trở về cụ cho ấn bản còn viết thêm một số đầu sách như: *Hiếu Kinh*, *Ấu học tùng đàm*, *Luận ngữ cách ngôn diễn giải*, *Luận ngữ loại ngữ* (3 tập), *Quốc sự phạm lịch sử*,... Sách của cụ Can được xuất bản thời kỳ này là những loại sách dạy Hán văn, sách giáo dục nhân cách, giáo dục gia đình, sách lịch sử và sách về kinh doanh, thương mại như đã đề cập đến ở trên.

Trong lời giới thiệu của cuốn sách *Tri thức phổ thông mới*, được ấn bản sau khi cụ Lương qua đời, nhà xuất bản cho biết đây là cuốn sách được in trong những ngày cụ Lương lâm bệnh. Vì vậy khi in ra, *Tri thức phổ thông mới* trở thành “mấy nhời di bút cụ để lại cho quốc

dân ta”: “Mấy nhời tâm huyết, một bụng nhiệt thành, người cụ tuy già mà trí chưa toại, xác cụ dẫu nát nhưng hồn còn linh (...) Giá cụ còn thọ thêm vài năm nữa thì chắc cụ sẽ hiến đồng bào ta trong khi còn ấu trĩ vài liều thuốc bổ khí rất cần cho ta ngày nay.” Theo như lời giới thiệu của cuốn sách thì sau khi cụ mất, những tác phẩm cụ viết trước đó tiếp tục được con cháu cho ấn hành, góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa và giáo dục của nước nhà.

Về cuối đời, trước sự trầm lắng của các phong trào đấu tranh trong nước, cụ Cử Can cảm thấy lực bất tòng tâm, cái già đã không cho phép cụ thực hiện những hoài bão lớn lao nữa. Nhưng trong lòng người Cách mạng lão thành vẫn chứa chan hy vọng vào lớp hậu sinh. Ngôi nhà số 45 Hàng Đào lại là nơi vào ra của những nhà cách mạng như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Đinh Chương Dương... Tài liệu của chủ nghĩa Cộng sản đã đến được tay cụ Cử Can...

Như vậy, trong 6 năm cuối đời, với vai trò của một nhà giáo dục tiến bộ, Lương Văn Can đã đóng góp rất nhiều công sức và tâm huyết cho sự nghiệp giáo dục quốc dân, bằng việc mở trường dạy học, xây dựng trường học cho quê hương và viết sách về giáo dục, cập nhật những tri thức mới cho đồng bào.

“Bảo quốc túy, tuyệt quốc sĩ”

Trung hiếu nhất môn, thiên cổ trọng

Di ngôn lục tự, vạn nhân sư

(Trung hiếu một nhà, nghìn thuở trọng

Di ngôn sáu chữ, vạn người noi)[\[2\]](#)

Những ngày trung tuần tháng 6.1927.

Báo chí Việt Nam đồng loạt chạy những dòng tit lớn về sự ra đi của một danh sĩ yêu nước - cụ Lương Văn Can. Trở về với cát bụi là quy luật của một kiếp người. Song, trước sự ra đi của cụ Lương, những bậc chí sĩ đều cảm thấy một sự tổn thất lớn cho tổ quốc.

Cụ Cử Lương ra đi vào sáng ngày 13.6.1927 một cách nhẹ nhàng, chỉ sau một đêm lâm bệnh. Nhưng cụ đã chuẩn bị cho sự ra đi này

đã khá lâu.

Trong nhiều đêm trăn trở, cụ viết những dòng di chúc thống thiết, bày tỏ nỗi đau trong sâu thẳm cõi lòng: "... Có nước mà chẳng giữ được, phải chịu người khác bảo hộ. Bảo hộ ngày nào tức là nước mất ngày ấy, chớ thấy thành quách nhân dân y nhiên như cũ mà nghĩ rằng chưa mất đâu! Ấy là người ngoài còn vì mình mà xấu hổ thay, huống mình ở trong quốc dân mà không biết xấu hay sao? Nên tôi đêm ngày nhất uất, dầu chết cũng không nhắm mắt được vậy. Tôi có một đôi câu đối liên di bút để lại và gửi nhờ nói với các thân bằng cố hữu, hết thảy đồng bào xin nhớ lấy sáu chữ, ai ai cũng có một lòng ấy, đời đời cũng giữ một sự ấy, không đạt được mục đích thì không thôi. May ra ngày sau quốc hồn còn được, quốc sỉ rửa được. Đại Việt ta có thể mở mặt ở trên địa cầu được chẳng. Sáu chữ là gì? Là "Bảo quốc tủy, tuyết quốc sỉ". Sáu chữ ấy thật là một cái hộ phù cứu nước rất linh, rất mạnh không gì hơn nữa. Tôi xin chúc Đại Việt ta vạn vạn tuế, đồng bào ta vạn vạn tuế." Cụ cho in chữ "bảo quốc tủy, tuyết quốc sỉ" ra nhiều mảnh giấy nhỏ dự định sẽ phát cho những người đi dự đám tang của mình, mong muốn biến buổi đưa tang của mình thành một buổi tuyên truyền lòng yêu nước, thức tỉnh đồng bào về nỗi nhục mất nước... Trước khi trút hơi thở cuối cùng, cụ kịp để lại cho con cháu dòng tuyết bút bằng chữ Hán:

Xuất thánh ư tây, dữ xuất thánh ư đông, kỷ trùng dương tâm lý giai đồng, hu đốt tại khu khu cử nghiệp ngộ dư, nhai đao mộ niên tài hữu giác.

Vị quốc nhi sinh diệc vị quốc nhi sinh tử, sở thập tải chí nguyện vị toại, sở vọng giả thế thế hậu nhân tư ngã, di lai công sỉ tất vô song.

(Có thánh bên tây lại có thánh bên đông, ngàn dặm trùng dương tâm lý như nhau, thương thay nghề cử nghiệp hại ta, lúc tuổi xế chiều mới biết

Vì nước mà sống cũng vì nước mà chết, mấy chục năm trời ước mong không toại, chỉ nguyện người hậu lai nhớ tới, mối hờn đất nước đừng quên.)

Nhận được tin cụ cử Lương qua đời, thực dân Pháp sợ rằng đám tang của cụ sẽ trở thành một cuộc biểu tình, nên đã nhanh chóng đến

khám nghiệm tử thi, cho rằng cụ bị bệnh thời khí nên phải chôn cất ngay trong ngày. Đây là mảnh khoe của giặc nhằm ngăn chặn một cuộc biểu tình chính trị.

Song, ngược lại với những gì chính quyền Pháp hình dung, tin cụ cử Lương tạ thế đã nhanh chóng lan ra khắp Hà Thành.

Vào 5 giờ 30 cùng ngày, một cỗ xe thiên cổ tứ mã lăn bánh, 4 danh sĩ là cụ Hoàng Tăng Bí, Ngô Đức Kế, Lê Đại và Nguyễn Triệu Trung cầm 4 dải tua rua đi hai bên. Các môn sinh đã tụ họp rất đông đảo đi sau linh cửu. Đám tang càng đi xa thì càng nhiều quần chúng nhân dân hòa vào dòng người đưa tiễn. Có thấy gần 1.000 người đưa cụ tới nơi an nghỉ là khu nghĩa trang Hợp Thiện (Bạch Mai), trong khi đó thực dân pháp đã cho một đội binh lính hộ tống đám tang, với danh nghĩa là giữ trật tự. “Đám tang cụ Cử tuy sơ sài mà có vẻ đặc sắc long trọng hơn, vì các viên thám tử Tây, Nam đi theo giữ trật tự rất nhiều, khiến cho đám đi càng được thêm lăm vẻ oai nghiêm.” [3] Và để tỏ lòng kính trọng trước sự ra đi của tên tuổi lớn, đám tang đã diễn ra rất trang trọng và đầy cảm động: “...hồi 7 giờ rưỡi tối mới thành phần, ai nấy đến trước mộ lạy từ vong hồn cụ rồi mới về. Bấy giờ bóng chiều bàng lảng, hơi gió hây hây lại thêm bóng trắng tà chiếu vào đám cây xanh lưa thưa nơi mộ địa, vắng vắng nghe xa xung quanh đồng ruộng nỉ non những tiếng dế khóc giun rền, ai mà chẳng gọi mối sầu thương nhớ bậc lão thành mới qua đời nằm đó.”[4]

Những ngày tiếp theo, báo chí trên cả nước đồng loạt đăng tải về sự ra đi của cụ cử Can. Một phong trào để tang nhà chí sĩ yêu nước họ Lương được tổ chức cả trong nam ngoài bắc, coi sự ra đi của cụ là cái tang chung cho cả nước.

Tại Sài Gòn, người trong thương giới viết nhiều bài viết bày tỏ niềm xót thương cho sự ra đi của một nhà giáo dục - nhà cách mạng của dân tộc. Thương giới từ lâu đã coi cụ là một đồng nghiệp, là người thầy dẫn đường chỉ lối. Các nhà buôn Sài Gòn viết báo chia sẻ về nỗi buồn chung này, đồng thời đã đóng cửa ngừng buôn bán một ngày để bày tỏ lòng tiếc thương chí sĩ họ Lương.

Hậu thế nhìn lại...

Ngày nay, khi nhắc tới Lương Văn Can, hậu thế đã công nhận cụ là một nhà trí thức lớn trong thời thuộc địa. Cụ là một trong những nhà trí thức có công lớn trong phong trào Duy tân - Đông du. Mặc dù tuổi cao nhưng cụ đã nhanh chóng đổi mới về hệ tư tưởng, không ngừng học hỏi để trở thành một trí thức tiến bộ, một trong những người có khả năng dẫn dắt tư tưởng cho quần chúng qua việc viết sách và giảng dạy tại Đông Kinh Nghĩa Thục. Với phong trào Duy tân của trường Đông Kinh Nghĩa Thục, các nhà nho đã hô hào dân chúng đổi mới tư duy, trú trọng thực nghiệp, cổ vũ cho phong trào làm giàu nhờ buôn bán, sản xuất... Để cổ vũ cho nghề kinh doanh buôn bán, cụ cử Can đã từng phát biểu: “Việc buôn bán quan hệ tới sự thịnh suy của quốc dân”.

Cái tên Lương Văn Can được xếp trang trọng cùng những nhà trí thức lớn thời đó như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh. Nhắc đến danh sĩ họ Lương, tức là nhắc đến một nhà trí thức yêu nước, một nhà giáo giàu tâm huyết và đồng thời là một nhà kinh doanh có đạo. Cụ cũng là người đầu tiên viết sách dạy buôn bán cho thương giới Việt, đặt những viên gạch đầu tiên cho một đạo kinh doanh trong thời điểm vừa mới hình thành và chấp chững hội nhập với tư bản thế giới. Không chỉ viết sách để góp phần “khai dân trí” cho thương giới, cụ cử Can đã trực tiếp kinh doanh, buôn bán, để thực thi cái đạo kinh doanh mà cụ dày công nghiên ngẫm - kinh doanh để phụng sự tổ quốc, mà đến nay, nhìn rộng hơn, kinh doanh là phụng sự xã hội.

Nhìn lại quá khứ, người Việt hoàn toàn có quyền tự hào vì ngay từ buổi đầu hình thành đã xây dựng được những triết lý riêng về nghề kinh doanh trong bối cảnh xã hội thuộc địa nửa phong kiến. Những tư tưởng đó đến nay vẫn còn là những bài học cho doanh nhân Việt giai đoạn toàn cầu hóa.

Trong những năm đầu thế kỷ 21 - thập niên của cơn lốc toàn cầu hóa xóa nhòa ranh giới quốc gia - người ta thật sự nhận ra tầm quan

trọng của nghề kinh doanh đối với đất nước. Và mấu chốt của người làm kinh doanh thành công vẫn là phải có “thương đức, thương tài”. Nghề kinh doanh đến nay đã được xem là một nghề cao quý, đúng như mong muốn của các nhà Duy Tân cách chúng ta một thế kỷ. Kinh doanh doanh là phụng sự xã hội - đó là cái đạo cao quý nhất của nghề - tiếc thay, cho tới tận ngày hôm nay, không phải ai cũng đã ngộ ra chân lý đó!

Thay lời kết

Cụ cử Can, người đặt nền móng cho đạo kinh doanh của người Việt

Không chỉ là người biên soạn cuốn sách giáo khoa thư dành cho doanh nhân đầu tiên của Việt Nam, cụ Lương Văn Can còn là người thổi một luồng gió mới, điểm một dấu son trong lịch sử kinh thương nước nhà bằng những hành động mang tính cách mạng của mình để khẳng định giá trị cao quý của nghề kinh doanh.

Tập sách mà bạn đọc đang xem, đến những trang cuối cùng, là kết quả của quá trình tìm về lịch sử, nhằm **góp thêm một góc nhìn** của những người làm giáo dục về cuộc đời và sự nghiệp của cụ Lương Văn Can mà nhiều nhà trí thức, học giả và sử gia đã dày công nghiên cứu: Nguyễn Hiến Lê, Dương Trung Quốc, Nguyễn Ngọc, Lý Tùng Hiếu...

Với mong muốn tôn tạo lại những giá trị vượt không gian và thời gian của ông cha mình, chúng tôi, những người thực hiện dự án nghiên cứu này tự hỏi, phải chăng Việt Nam ta nên có một phòng truyền thống doanh nhân Việt như một bước khởi đầu cho một bảo tàng doanh nhân Việt Nam ra đời trong tương lai?

Ngày 24 tháng 6 năm 1927, tờ Đông Pháp Thời báo đăng bài viết của thương gia Trần Chi Cổ có tựa “Thương giới Việt Nam đối với lễ truy điệu Lương chí sĩ”; trong đó, có đoạn viết:

“... Ấy, đương trong vòng đầy ải đó (...) cụ mới lập nhà buôn ở Côn Nôn buôn đồi mồi, các đồ vật, về Cao Man lại buôn lụa, buôn các vật dụng, làm thuốc. Thế là cụ đã mở đường cho nhiều người Việt Nam trước kia sợ Cao Man “ma thiêng nước độc”, bây giờ cũng bắt chước sang buôn bán, sau này trở nên rất giàu có. Coi đó thì biết công của cụ không riêng ở phần gốc, mà có cả ở phần ngọn, không riêng ở chánh giới, mà có cả ở thương giới nữa. Vậy trong nhà buôn ta, đối với Lương tiên sinh, không những kính mến cụ về lòng yêu

nước thương nòi của cụ mà lại phải biết ơn cụ đã chỉ đường cho ta buôn bán tại các xứ xa xôi...”.

Bài viết ngắn, lại xuất hiện vào một thời điểm không thuận lợi của phong trào cách mạng, nhất là những nhà buôn lúc bấy giờ luôn chỉ muốn “hai chữ bình an”, tất nhiên đã gây một hiệu ứng xã hội khá lớn. Người thương gia kinh doanh ở khu vực đường d’Espagne ở Sài Gòn xưa đã nói lời cảm ơn những đóng góp mà người thầy này đã mang đến cho cộng đồng nhà buôn Việt Nam lúc bấy giờ. Cụ Nguyễn Hiến Lê sau này, trong tập sách “Đông Kinh Nghĩa Thực” đã bình chú thêm về bài báo này như sau: Ta nhận thấy cụ Lương quả có tinh thần mới, trọng thực tế, biết kinh doanh. Các cụ khác (các nhà nho cùng thời) bị an trí thì chỉ làm thuốc, dạy học hoặc làm ruộng, chứ không ai làm kinh doanh như Cụ. Ta nên nhớ nhà nho vốn “ức thương”.

Nhiều người cũng hẳn đã thắc mắc, sản nghiệp mà cụ Can đã gây dựng to lớn đến chừng nào? Xin thưa, đã không có tiền muôn bạc vạn trong cuộc đời của người thầy dạy kinh thương này. Vì hai lý do: cụ là người chỉ mở đường và trực tiếp điều hành việc buôn bán một thời gian đầu sau đó chuyển cho con cháu trông coi để tiếp tục công việc dạy học yêu thích của mình. Sau đó lại là việc cụ đầu đầu trong lòng những trái tai gai mắt ngoài xã hội, nên chỉ chuyên tâm tìm kiếm một giải pháp thay đổi xã hội và làm cho nó tốt đẹp hơn. Những món tiền kiếm được lần lượt được dùng để xây trường cho trẻ con có chỗ học, đắp đường cho người qua lại được thuận tiện hơn, và phần lớn đều dành cho việc phụng sự tổ quốc.

Và nhiều người cũng hẳn đã thắc mắc, cụ dạy người làm kinh thương thì phải biết phục vụ nhu cầu xã hội chứ không phải mang tiền nhà đi làm việc nghĩa, và cứ sao cụ chẳng làm nghề buôn bán nào cho lâu dài?

Điều này, chính những người thực hiện tập sách cũng đặt dấu hỏi. Và lần theo những dấu tích mà cụ còn để lại quá ít ỏi, qua hồi ức đứt đoạn của những con cháu cụ đang sống ở phố Núi Trúc, Hà Nội; lang thang tận mãi thư viện quốc gia Pháp, thì biết rằng sự nghiệp kinh doanh của cụ cử Can nằm hết ở những cửa hàng vải vóc nức tiếng Hà thành lúc bấy giờ. Không rõ là ba, bốn, năm hay sáu tiệm vải, vì

những dữ liệu quý giá nhất đã tan theo khói bụi của căn nhà ở Hàng Đào trong những cơn binh biến, phần thì mớ sách của cụ bằng chữ nho đã bị người ngoài không đọc được se cả thành bắc đèn. Chỉ góp nhặt và thừa chuyện cùng bạn đọc, rằng đầu thế kỷ, đã có một người chăm lo cho nhu cầu vải vóc, ăn mặc của nhân dân thì quả là đáng quý. Ấy là cái lỗi của nghề buôn (nghề kinh doanh) mà Lương Văn Can đã tìm ra vậy!

Đọc lại Thương học phương châm, mới hay bản sách cổ mà từ cách đây non một trăm năm, cái thời ngăn sông cấm chợ, dân tình biết chữ chẳng là bao, vậy mà trong lần in đầu tiên, nhà in Thụy Ký đã bấm máy cho ra 1.000 bản với lời ghi chú: bản quyền thuộc về ẩn giả Lương Ngọc Biên. Rồi những lần nổi bản, tái bản tiếp theo, cùng với những bản chép tay trong thời “đốt sách chôn nho”, mới biết là tư tưởng mà cụ gửi gắm đã lan đi rất xa trong xã hội Việt thời loạn lạc ấy. Tiếc cho rằng hậu thế chúng ta chẳng có mấy cơ hội được nhìn ngắm, cảm nhận cái không khí buôn bán thời ấy, bởi những dấu xưa đã bị cố tình vùi trong quên lãng.

Mười bốn tháng tìm kiếm thông tin, không quá dài nhưng đủ để chúng tôi nhận ra, cần phải làm một điều gì đó để mai sau người đời không quên lãng những điều kỳ diệu của lịch sử.

Trong căn hộ rất nhỏ, một người cháu gần nhất của cụ cử Can buồn bã: “Những gì chúng tôi biết về cụ nhà cũng chẳng là bao. Phần vì sinh kế nên chẳng có điều kiện đi tìm kiếm, cất giữ và thờ tự cụ tổ nhà mình cho nó trang trọng...”. Hay như cụ Nguyễn Hiến Lê, một học giả cần mẫn đi tìm tư liệu về cụ Lương Văn Can một cách mờ mịt cũng phải cất tiếng than: “Cũng vì cái tính không tôn trọng tài liệu lịch sử, đã ít sách chép lại, phần thì thất lạc hư hỏng hoặc bị tiêu hủy, phần thì mâu thuẫn nhau, nên chẳng dám nhận những điều chép ra là sử, chỉ là những tài liệu mang tính sử mà tôi ghi được từ một ông cụ từng làm việc trong Nghĩa thực”. Nguyễn Hiến Lê, năm 1955 đã xuất bản thông tin đầu tiên về cụ Can, chỉ bởi bức xúc trước việc trong xã hội chẳng mấy ai biết, không mấy ai hay về cuộc đời và sự nghiệp của người sáng lập Đông Kinh Nghĩa Thực - ngôi trường lịch sử của Việt Nam. Ông xót đến mức ngời ngẩn ra: “Chúng ta thường tự hào là một dân tộc có bốn ngàn năm văn hiến. Bốn ngàn năm văn

hiển mà giá có gom lại hết những sách vở tài liệu bằng chữ Hán, chữ Nôm trong bốn ngàn năm văn hiến đó rồi để riêng ra những tài liệu về các ông vua bà chúa - tức những tài liệu thường vô ích cho văn hóa - còn lại bao nhiêu, có chất lên một chiếc xe cam-nhông, sợ cũng không đầy”.

Thời trước là thế, thời nay há chúng ta, những doanh nhân đang được xã hội tôn trọng hết mức, lại ngồi lặng nhìn những trang viết của cụ Can tan rã bởi thời gian hủy hoại, đứng im xem ngày tháng bào mòn những dữ liệu mà ông cha ta đã gầy công tạo dựng cho hậu thế?

Câu trả lời, một lần nữa, xin được để mở!

Phụ lục 1

Thư gửi các giới Công Thương Việt Nam

Cùng các ngài trong giới Công Thương,

Được tin giới Công Thương đã đoàn kết lại thành "Công Thương cứu quốc đoàn" và gia nhập vào Mặt trận Việt Minh, tôi rất vui mừng. Hiện nay "Công Thương cứu quốc đoàn" đang hoạt động để làm nhiều việc ích quốc lợi dân, tôi rất hoan nghênh và mong đợi nhiều kết quả tốt.

Trong lúc các giới khác trong quốc dân ra sức hoạt động để giành lấy nền hoàn toàn độc lập của nước nhà, thì giới Công Thương phải hoạt động để xây dựng một nền kinh tế và tài chính vững vàng và thịnh vượng. Chính phủ nhân dân và tôi sẽ tận tâm giúp giới Công Thương trong cuộc kiến thiết này.

Việc nước và việc nhà bao giờ cũng đi đôi với nhau. Nền kinh tế quốc dân thịnh vượng nghĩa là các sự kinh doanh của các nhà công nghiệp, thương nghiệp thịnh vượng. Vậy tôi mong giới Công Thương nỗ lực và khuyến các nhà Công nghiệp và Thương nghiệp mau mau gia nhập "Công Thương cứu quốc đoàn" cùng đem vốn vào làm những công việc ích quốc lợi dân.

Chủ tịch

Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ Về Ngày Doanh nhân Việt Nam

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Là phát huy vai trò, truyền thống của đội ngũ doanh nhân Việt Nam, động viên các tầng lớp xã hội trong việc góp phần xây dựng và phát triển doanh nghiệp, đội ngũ doanh nhân ngày càng lớn mạnh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

Theo đề nghị của Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và các hiệp hội doanh nghiệp,

Quyết Định:

Điều 1. Hàng năm lấy ngày 13 tháng 10 là "Ngày Doanh nhân Việt Nam".

Điều 2. Việc tổ chức Ngày Doanh nhân Việt Nam hàng năm phải thiết thực, tiết kiệm, có hiệu quả, tránh hình thức, bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- Giáo dục truyền thống yêu nước, tự cường, chủ động sáng tạo của đội ngũ doanh nhân, động viên phong trào thi đua sản xuất, kinh doanh, nâng cao kỷ luật, đạo đức, văn hóa kinh doanh của các doanh nghiệp, doanh nhân.

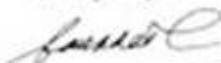
- Biểu dương khen thưởng bằng các hình thức thích hợp đối với các doanh nghiệp, doanh nhân kinh doanh giỏi, thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc xây dựng và phát triển doanh nghiệp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam căn cứ vào các quy định hiện hành hướng dẫn tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 5. Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thư ký Chính phủ



Phan Văn Khải

Phụ lục 2

NHỮNG BƯỚC CHUYỂN TRONG QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NGHỀ KINH DOANH

Luật doanh nghiệp tư nhân đầu tiên ra đời năm 1990, tức là 4 năm sau đại hội VI của Đảng quyết định “Đổi mới”, thổi một luồng sinh khí mới cho hoạt động kinh doanh của cả xã hội.

LUẬT DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 21 tháng 12 năm 1990.

Để thực hiện đường lối phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, khuyến khích việc đầu tư kinh doanh, bảo hộ lợi ích hợp pháp của chủ doanh nghiệp tư nhân; tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh;

Căn cứ vào Điều 83 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Luật này quy định về doanh nghiệp tư nhân

...

Điều 3

Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài và phát triển của doanh nghiệp tư nhân, thừa nhận sự bình đẳng trước pháp luật của doanh nghiệp tư nhân với các doanh nghiệp khác và tính sinh lợi hợp pháp của việc kinh doanh.

Trong khuôn khổ pháp luật, chủ doanh nghiệp tư nhân có quyền tự do kinh doanh và chủ động trong mọi hoạt động kinh doanh.

...

Điều 7

Nghiêm cấm viên chức tại chức trong bộ máy Nhà nước, các sĩ quan tại ngũ trong các lực lượng vũ trang nhân dân thành lập doanh

ng nghiệp tư nhân.

Hơn một thập kỷ thực hiện Luật Doanh nghiệp tư nhân năm 1990, những điều chỉnh phù hợp với thực tế cuộc sống trong Luật doanh nghiệp mới đã tháo gỡ phần lớn những rào cản đối với hoạt động của nghề kinh thương.

QUỐC HỘI

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Khóa XI, kỳ họp thứ 8

(Từ ngày 18 tháng 10 đến ngày 29 tháng 11 năm 2005)

LUẬT DOANH NGHIỆP

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Luật này quy định về doanh nghiệp.

Điều 5. Bảo đảm của Nhà nước đối với doanh nghiệp và chủ sở hữu doanh nghiệp

1. Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài và phát triển của các loại hình doanh nghiệp được quy định trong Luật này; bảo đảm sự bình đẳng trước pháp luật của các doanh nghiệp không phân biệt hình thức sở hữu và thành phần kinh tế; thừa nhận tính sinh lợi hợp pháp của hoạt động kinh doanh.

2. Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu tài sản, vốn đầu tư, thu nhập, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của doanh nghiệp và chủ sở hữu doanh nghiệp.

3. Tài sản và vốn đầu tư hợp pháp của doanh nghiệp và chủ sở hữu doanh nghiệp không bị quốc hữu hoá, không bị tịch thu bằng biện pháp hành chính.

Trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh và vì lợi ích quốc gia, Nhà nước trưng mua, trưng dụng tài sản của doanh nghiệp thì doanh nghiệp được thanh toán hoặc bồi thường theo giá thị trường tại thời điểm công bố trưng mua hoặc trưng dụng. Việc thanh

toán hoặc bồi thường phải bảo đảm lợi ích của doanh nghiệp và không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp.

...

Điều 7. Ngành, nghề và điều kiện kinh doanh

1. Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có quyền kinh doanh các ngành, nghề mà pháp luật không cấm.

...

Điều 8. Quyền của doanh nghiệp

1. Tự chủ kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; được Nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.

3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.

4. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.

5. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.

6. Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.

7. Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.

8. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.

9. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.

10. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

11. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

12. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Năm 2006 ghi dấu vào lịch sử với nhiều sự kiện quan trọng. Thành tựu của 20 năm đổi mới là tiền đề quan trọng để Việt Nam gia nhập

Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), chính thức bước vào sân chơi toàn cầu hóa. Quan trọng hơn, nghề kinh doanh đã được khẳng định lại một lần nữa giá trị cao quý của mình khi Ban chấp hành Trung ương Đảng khẳng định Đảng viên có thể làm kinh tế tư nhân.

Quy định số 15/QĐ-TW ngày 28/8/2006 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đảng viên làm kinh tế tư nhân

- Căn cứ *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam* và *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng*;

– Căn cứ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X quy định đảng viên làm kinh tế tư nhân như sau:

Điều 1: Những quy định chung

1- Quy định này áp dụng đối với mọi đảng viên làm kinh tế tư nhân, đảng viên có liên quan đến việc thành lập, tổ chức quản lý, điều hành công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân (sau đây gọi chung là doanh nghiệp).

2- Đảng viên làm kinh tế tư nhân phải trực tiếp tham gia lao động (lao động quản lý, điều hành sản xuất, kinh doanh; lao động kỹ thuật hoặc lao động chân tay); có quyền kinh doanh các ngành, nghề mà pháp luật không cấm; phải gương mẫu và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, *Điều lệ Đảng* và quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Tài liệu tham khảo

1. *Đông Kinh Nghĩa Thục* - Nguyễn Hiến Lê, NXB Lá Bối, 1968
2. *Lương Ngọc Quyến và cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên 1917* - Đào Trinh Nhất, XNB Tân Việt, 1957.
3. *Đông Kinh Nghĩa Thục và phong trào cải cách văn hóa đầu thế kỷ 20* - Chương Thuần, NXB Văn Hóa - Thông Tin Hà Nội, 1997.
4. *Bà Cử Can* - Phạm Quốc Bằng, *Tạp chí Xưa & Nay*, số 39 tháng 5.1997
5. *Đám tang Lương Văn Can dưới mắt báo chí đương thời* - Phạm Quốc Bằng, *Tạp chí Xưa & Nay* số 40B, tháng 9.1997.
6. *Văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thục* - NXB Văn Hóa, 1997.
7. *Lịch sử văn hóa Việt Nam: những gương mặt trí thức (tập 1)* - Nguyễn Quang Ân chủ biên, NXB Văn Hóa Thông Tin, 1998.
8. *Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản* - Ngô Xuân Bình và Trần Quang Minh chủ biên, NXB Khoa Học Xã Hội, 2005.
9. *Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trước Cách Mạng Tháng Tám 1945* - NXB Khoa Học Xã Hội, 2005.
10. *Lịch sử kinh tế Việt Nam và các nước* - NXB Đại Học Quốc Gia TP.HCM, 2006.
11. *Lương Văn Can và phong trào Duy Tân Đông Du* - Lý Tùng Hiếu, NXB Văn Hóa Sài Gòn, 2005.
12. *Soi lại tấm gương xưa* - Dương Trung Quốc, *Báo Tiền Phong* số 205, ngày 13.10.2004.
13. *Đạo làm giàu của doanh nhân* - - Dương Trung Quốc, *báo Diễn Đàn Doanh Nghiệp*, số 32, ngày 19.4.2001.
14. *Phong trào Duy Tân với các khuôn mặt tiêu biểu* - Nguyễn Q. Thắng, NXB Văn Hóa Thông Tin, 2006.
15. *Phong trào duy tân* - Nguyễn Văn Xuân

16. Bảo quốc túy, tuyệt quốc sỉ - Thùy Dương, báo Người lao động ngày 16.6.2002.

17. “Phải tiến nhanh lên mà thôi” - Nguyễn Khắc Mai, báo Tuổi trẻ ngày 8.1.2005.

18. Danh nhân sự phạm Việt Nam - Lê Minh Quốc, NXB Trẻ, 2003.

19. Thương học phương châm - Lương Văn Can, nhà in Thụy Ký Hà Nội, 1928

20. Kim cổ cách ngôn - Lương Văn Can, nhà in Thụy Ký Hà Nội

21. Tri thức phổ thông mới - Lương Văn Can, nhà in Thụy Ký Hà Nội

22. Lương gia thế chi phả - bản viết tay.

23. Cất đám cụ cử Lương Văn Can - Hà thành ngộ báo số ra ngày 14.6.1927.

HẾT

[1] Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945 - NXB Khoa Học Xã Hội

[1] Đông Kinh Nghĩa Thục - Nguyễn Hiến Lê

[1] Đào Trinh Nhất - Lương Ngọc Quyến và cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên 1917

[2] Đuổi hùm cửa trước, rước sói vào cửa sau

[1] Cắt tóc, xăm mình

[2] Đông Kinh Nghĩa Thục - Nguyễn Hiến Lê

[3] “Phải tiến nhanh lên mà thôi” - báo Tuổi trẻ ngày 8.1.2005

[1] Vợ - từ cổ

[1] Soi lại tấm gương xưa - Báo Tiền Phong, số 205, ngày 13.10.2004

[2] Văn minh hay dã man

[1] Mưu chước - từ cổ

[2] Bỏ công sức ra mà không thu được kết quả

[3] Tràng: trường - nghĩa cổ

[4] Tấn bộ: tiến bộ

[5] Cận lai: Gần đây

[1] Dệt cửi

[2] Kim cổ cách ngôn

[3] Thương học phương châm

[1] Như được đón khách quý

[2] Một câu đối chữ Hán trong đám tang của cụ cử Can

[3] Trích bài “Cất đám cụ cử Lương Văn Can” - Hà thành ngọc báo số ra ngày 14.6.1927.

[4] Trích bài “Cất đám cụ cử Lương Văn Can” - Hà thành ngọc báo số ra ngày 14.6.1927.

